



BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA VỀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

SÁCH TRẮNG
VỀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2023
(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

HÀ NỘI, NĂM 2024

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	5
PHẦN I TÌNH HÌNH THIÊN TAI	7
THIÊN TAI TRÊN THẾ GIỚI VÀ TRONG KHU VỰC	9
THIÊN TAI TẠI VIỆT NAM.....	21
I. TÌNH HÌNH CHUNG.....	21
1. Bão, Áp thấp nhiệt đới	22
2. Mưa lũ, ngập lụt, sạt lở đất	22
3. Đông lốc, sét, mưa đá	23
4. Rét đậm, rét hại và băng giá	23
5. Động đất	24
6. Thiệt hại do thiên tai.....	24
II. NHỮNG ĐỢT THIÊN TAI LỚN TRONG NĂM 2023	27
1. BÃO, ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI.....	29
Bão số 1 (TALIM)	30
Bão số 2 (DOKSURI)	38
Bão số 3 (SAOLA).....	40
Bão số 4 (KOINU)	43
Bão số 5 (SANBA)	46
Áp thấp nhiệt đới.....	51
2. MƯA LŨ, NGẬP LỤT, SẠT LỖ ĐẤT.....	56
Mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở đất, lũ quét tại khu vực miền núi phía Bắc	57
Mưa lớn, sạt lở khu vực Tây Nguyên	61
Mưa lớn, lũ, ngập lụt tại khu vực miền Trung	65
Mưa lũ tại khu vực miền trung	69
3. LŨ ỒNG, LŨ QUÉT, SẠT LỖ ĐẤT	78
4. ĐÔNG, LỐC, SÉT VÀ MƯA ĐÁ	81
5. RÉT ĐẬM, RÉT HẠI, BĂNG GIÁ	83
6. ĐỘNG ĐẤT	84
7. SẠT LỖ TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	118

PHẦN II CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI	119
1. Văn bản quy phạm pháp luật; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phòng, chống thiên tai	120
2. Tổ chức, bộ máy	120
3. Phòng ngừa và kiểm soát rủi ro thiên tai	121
4. Dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai.....	122
5. Chỉ đạo ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.....	123
6. Truyền thông và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.....	124
7. Đề điều, hồ đập và công trình phòng, chống thiên tai	126
8. Ứng dụng khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế.....	128
8.1. Về khoa học công nghệ.....	128
8.2. Về hợp tác quốc tế	129
TÒN TẠI, HẠN CHẾ.....	131
PHẦN III NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2024	132
I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH THIÊN TAI	133
II. HOẠT ĐỘNG ƯU TIÊN	134
MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI.....	140
CÁC VĂN BẢN VỀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI BAN HÀNH NĂM 2023	152

LỜI MỞ ĐẦU

Năm 2023, số lượng các cơn bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động động trên khu vực Biển Đông ít hơn nhiều so với trung bình nhiều năm và không có cơn bão nào đổ bộ trực tiếp vào đất liền nước ta. Tuy nhiên, tình hình mưa lớn gây ngập lụt, lũ, lũ quét, sạt lở đất diễn ra cục đoạn gây thiệt hại lớn về người, tài sản, cơ sở hạ tầng, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của Nhân dân. Với sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, sự vào cuộc của các cấp chính quyền địa phương và sự chung tay của cả cộng đồng, công tác phòng, chống thiên tai đã đạt được nhiều thành tựu: tổ chức bộ máy cơ quan tham mưu được kiện toàn; công tác phòng ngừa thiên tai được triển khai đồng bộ; hệ thống cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai được quan tâm đầu tư, từng bước nâng cao khả năng chống chịu; công tác thông tin, truyền thông, đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, kỹ năng về phòng, chống thiên tai được quan tâm, chú trọng; khoa học công nghệ được khai thác, phát huy hiệu quả, ...những kết quả này là tiền đề góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, bảo vệ cuộc sống của nhân dân và thành quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, xây dựng một xã hội an toàn trước thiên tai.

Thực hiện khoản 4 Điều 25 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai xây dựng và công bố sách trắng về phòng, chống thiên tai hàng năm.

Sách trắng được ban hành nhằm cung cấp thông tin về tình hình thiên tai cũng như các hoạt động phòng, chống thiên tai tại Việt Nam cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, qua đó nâng cao sự hiểu biết về quyền, trách nhiệm của mình trong công tác phòng, chống thiên tai. Nội dung cơ bản được đề cập trong sách trắng gồm: tình hình thiên tai năm 2023; các hoạt động phòng, chống thiên tai; những tồn tại, hạn chế và nhiệm vụ trọng tâm trong công tác phòng, chống thiên tai thời gian tới.

Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai trân trọng giới thiệu sách trắng về phòng, chống thiên tai năm 2023./.

**BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA
VỀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**

PHẦN I
TÌNH HÌNH THIÊN TAI

THIÊN TAI TRÊN THẾ GIỚI VÀ TRONG KHU VỰC

Năm 2023, trên thế giới và trong khu vực đã xảy ra nhiều trận thiên tai lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng, vượt mức lịch sử, gây thiệt hại rất nghiêm trọng về người và tài sản, điển hình như: Trận động đất kép xảy ra tại phía Đông Nam Thổ Nhĩ Kỳ, gần biên giới Syria với cường độ 7,5 và 7,8 độ richer ngày 06/2/2023 đã gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng làm trên 55.000 người thiệt mạng, thiệt hại kinh tế trên 163 tỷ đô la Mỹ; lũ quét do ảnh hưởng của cơn bão Daniel làm vỡ 02 con đập tại Libya làm trên 12.300 người chết và mất tích; lũ lụt trên diện rộng cuối tháng 7, đầu tháng 8 tại Bắc Kinh và một số địa phương của Trung Quốc làm khoảng 115 người chết, mất tích; bão tuyết mạnh nhất trong vòng 100 năm tại 20 bang miền Tây, miền Trung nước Mỹ (tháng 2); tuyết rơi kỷ lục trong vòng 100 năm tại Mátxcova, khu vực miền Trung nước Nga và mạnh nhất trong 70 năm tại Trung Quốc (tháng 12); nắng nóng lịch sử ở Châu Âu, Châu Á, trong đó nắng nóng tại Châu Á đã đạt mức lịch sử trong 200 năm,... Theo báo cáo của Swiss Re (Tập đoàn tái bảo hiểm Thụy Sĩ), thiệt hại kinh tế do thiên tai gây ra trong năm 2023 có thể lên tới 260 tỷ USD.

Các sự kiện thiên tai lớn trên thế giới trong năm 2023

TT	Sự kiện thiên tai	Khu vực ảnh hưởng	Người chết, mất tích
1	Trận động đất kép tại Thổ Nhĩ Kỳ - Syria tháng 2/2023	Thổ Nhĩ Kỳ, Syria	55.000
2	Động đất tại Morocco tháng 09/2023	Morocco	2.946
3	Động đất tại Afghanistan tháng 10/2023	Afghanistan	2.000
4	Động đất tại Nepal tháng 11/2023	Nepal	157
5	Bão Daniel và lũ, ngập lụt, lũ quét sau bão tháng 9/2023	thành phố Derna, Libya	12.300
6	Bão Freddy tháng 3/2023	Malawi	679
7	Bão Mocha tháng 5/2023	Myanmar	145
8	Lũ lụt tại Congo tháng 5/2023	Congo	438
9	Lũ lụt tại Trung Quốc	Bắc Kinh và một số địa phương	115
10	Mưa lớn và lũ lụt tại Rwanda tháng 5/2023	Rwanda	129
11	Cháy rừng tại Hawaii tháng 8/2023	Hawaii	100

Một số đợt thiên tai điển hình như:

ĐỘNG ĐẤT KÉP TẠI THỔ NHĨ KỲ-SYRIA

Vào khoảng 4 giờ 17 phút ngày 06/2/2023 (giờ địa phương), một trận động đất có cường độ rất lớn lên tới 7,8 độ richter đã làm rung chuyển miền Nam Thổ Nhĩ Kỳ và Tây Bắc Syria, tiếp theo là dư chấn 7,5 độ richter chỉ sau đó vài giờ và nhiều trận động đất khác liên tiếp xảy ra. Theo cơ quan Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ, trận động đất mạnh 7,8 độ richter gần đây nhất ở Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 1939 đã khiến hơn 32.000 người thiệt mạng.

Trận động đất đã cướp đi sinh mạng của hơn 55.000 người và hơn 160.000 công trình xây dựng tại Thổ Nhĩ Kỳ trở thành đống gạch vụn, khoảng 9 triệu người dân vùng Tây Bắc nước này chịu ảnh hưởng nặng nề với phần lớn trong số đó rơi vào cảnh mất nhà ở.



Nhiều công trình xây dựng biến thành đống gạch vụn sau trận động đất

ĐỘNG ĐẤT TẠI MOROCCO

Đêm ngày 08/9/2023 (theo giờ địa phương) một trận động đất mạnh 6,8 độ richter đã xảy ra ở khu vực phía Đông của Morocco. Đây là trận động đất mạnh nhất xảy ra tại Morocco trong vòng 120 năm qua, với tâm chấn ở độ sâu 18,5 km nằm trong dãy núi High Atlas thuộc tỉnh Al Haouz, cách thành phố du lịch nổi tiếng Marrakesh khoảng 70 km về phía Tây Nam. Do trận động đất xảy ra trong đêm và lại có cường độ cực mạnh nên hậu quả là vô cùng nghiêm trọng, đặc biệt đối với những làng mạc trong khoảng cách 50 km tính từ tâm chấn. Thiệt hại lớn nhất là Amizmiz, một thị trấn nằm ở vùng núi cách tâm chấn khoảng 32 km về phía đông bắc, khi gần như toàn bộ nhà cửa nơi đây bị san bằng, với khoảng 2.000 người thiệt mạng.

Trận động đất ngày 08/9 đã làm 2.946 người thiệt mạng và 5.674 người bị thương; là trận động đất gây nhiều thương vong nhất tại Morocco kể từ năm 1960.



Trận động đất gây thiệt hại lớn về người và tài sản

ĐỘNG ĐẤT TẠI AFGHANISTAN

Một trận động đất mạnh 6,3 độ richter đã làm rung chuyển miền Tây Afghanistan vào ngày 07/10/2023, khiến ít nhất 2.000 người thiệt mạng và hàng nghìn người khác bị thương. Theo Liên hợp quốc, thảm họa đã làm trầm trọng thêm tình trạng mất an ninh lương thực; đồng thời phụ nữ và trẻ em bị là đối tượng bị thiệt hại chính chiếm hơn 90% số ca tử vong. Do nằm ở vị trí giao nhau của nhiều mảng kiến tạo nên Afghanistan là nơi thường xuyên xảy ra động đất. Một trận động đất có cường độ 5,9 độ richter đã gây ra sự tàn phá tương tự ở vùng cực đông của đất nước này vào năm 2022.



ĐỘNG ĐẤT TẠI NEPAL

Ngày 03/11/2023, một trận động đất mạnh 5,6 độ richter đã xảy ra ở miền tây Nepal và khiến ít nhất 157 người thiệt mạng. Theo Cơ quan Khảo sát Địa chất Mỹ (USGS), các trận động đất tại Nepal có tâm chấn tương đối nông, có xu hướng gây ra nhiều thiệt hại và dư chấn hơn so với động đất xảy ra sâu dưới bề mặt Trái Đất. Nepal nằm ở một khu vực nơi khối lục địa Ấn Độ và lục địa Á-Âu va chạm với nhau. khi khối lục địa Ấn Độ chậm chạp tiến về khối lục địa Á-Âu, nó tạo ra hiện tượng mà các nhà địa chất gọi là đứt gãy nghịch, tức là một mảng lục địa sẽ bị dồn lên trên mảng kia làm cho nguy cơ xảy ra các trận động đất ngày càng cao.



Nhiều ngôi nhà bị sập trong trận động đất và người dân phải tạm trú hành lang bệnh viện

BÃO DANIEL GÂY MƯA LŨ, NGẬP LỤT, LŨ QUÉT TẠI LIBYA

Bão Daniel là một trong những cơn bão gây thiệt hại lớn nhất được ghi nhận ở phía bắc Đại Tây Dương. Ngày 10/9/2023, bão đổ bộ vào miền Đông Libya, gây mưa lớn trên diện rộng và kéo dài, với tổng lượng mưa lên đến 400mm. thảm họa xảy ra khi hai cơn đập tại Libya không chịu nổi áp lực và vỡ trong đêm 11/9/2023, kéo theo 30 triệu m³ nước đổ xuống các khu vực đang chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của lũ lụt, gây thiệt hại lớn về người và tài sản ở thành phố cảng Derna.

Bão và lũ, ngập lụt, lũ quét sau bão đã làm hơn 12.300 người chết, mất tích; 25% thành phố, trên 400 công trình bị hư hại nặng nề.



Lũ lụt tấn công thành phố Wadi Derna



Lũ gây thiệt hại lớn về tài sản người dân



Trước và sau khi trận lũ xảy ra

BÃO FREDDY

Trong những ngày đầu tháng 3/2023, những trận mưa lớn do ảnh hưởng của bão Freddy tại Malawi đã gây lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất và cướp đi sinh mạng của ít nhất 679 người (số liệu thực tế có thể vượt quá 1.000 người). Các quốc gia khác ở miền Nam châu Phi cũng chịu ảnh hưởng nặng nề của bão, tại Mozambique 183 người chết, 184.000 người đã phải di dời và ít nhất 17 người chết ở Madagascar.



Sạt lở đất nghiêm trọng ở làng Mtauchira do bão Freddy ở Blantyre, Malawi

BÃO MOCHA TẠI MYANMAR

Vào ngày 14/5/2023, bão Mocha đã đổ bộ vào vịnh Bengal, miền Tây Myanmar với sức gió lên tới 210 km/h (cấp 17), đây là cơn bão mạnh nhất đổ bộ vào khu vực này trong hơn 1 thập kỷ qua. Bão đã làm 145 người chết, mất tích và phá hủy nhiều ngôi nhà, cơ sở hạ tầng, đồng thời gây mất điện và gián đoạn thông tin liên lạc.



Khung cảnh đổ nát sau cơn bão Mocha ở Myanmar

LŨ LỤT TẠI CONGO

Mưa lớn ở vùng Kalehe, tỉnh Nam Kivu, Congo ngày 04/5/2023 gây lũ, ngập lụt, sạt lở đất khu vực ven sông Nyamukubi và Bushushu, phá huỷ nhiều ngôi nhà và diện tích sản xuất nông nghiệp. Đây được coi là thảm họa thiên nhiên gây thiệt hại lớn nhất trong lịch sử của Congo. Lũ, ngập lụt, sạt lở đã làm 438 người chết, mất tích và khiến hàng nghìn người mất nhà ở.



Cảnh tàn phá sau những trận mưa lớn gây lũ lụt và lở đất ở Nyamukubi, miền Đông Congo

MƯA LỚN, LŨ LỤT TẠI RWANDA

Mưa lớn cực đoạn thời đoạn ngắn trong đêm ngày 02/5/2023 tại miền Bắc và miền Tây Rwanda, đã gây lũ quét, sạt lở đất trên diện rộng làm 135 người chết, trên 5.000 ngôi nhà bị thiệt hại.



Mưa lớn gây lũ, lũ quét, sạt lở đất tạ Rwanda

LŨ LỤT TẠI TRUNG QUỐC

Từ ngày 29/7 đến đầu tháng 8/2023, vùng Đông Bắc của Trung Quốc đã xảy ra mưa lớn và lũ lụt nghiêm trọng tại ít nhất 16 tỉnh, thành phố do ảnh hưởng của các cơn bão Doksuri và Khanun. Nhiều thành phố lớn của Trung Quốc bao gồm cả thủ đô Bắc Kinh đã xảy ra lượng mưa lịch sử lớn nhất trong 140 năm.

Mưa lũ đã làm trên 115 người chết, mất tích, 59.000 ngôi nhà bị sập, cuối trôi, 160.000 ngôi nhà bị hư hỏng nặng và 15.000 ha hoa màu bị hư hại và khoảng 2 triệu người phải sơ tán để tránh lũ. Thiệt hại về kinh tế ước tính gần 40 tỷ USD, trong đó riêng Hà Bắc đã lên đến 13,3 tỷ USD.



Ngập lụt ở Trung Quốc do ảnh hưởng liên tiếp của các cơn bão từ cuối tháng 7 và đầu tháng 8

CHÁY RỪNG TẠI HAWAII, HOA KỲ

Hạn hán kết hợp gió mạnh trên đảo Maui thuộc quần đảo Hawaii vào ngày 08/8/2023 đã làm cho hàng loạt đám cháy bùng phát. Cháy rừng đã làm 100 người chết, đây là một trong những vụ cháy rừng kinh hoàng nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Ước tính ban đầu của Trung tâm Thảm họa Thái Bình Dương của Đại học Hawaii và Cơ quan Quản lý Khẩn cấp Liên bang Mỹ, chi phí khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai là khoảng 5,52 tỷ USD.



Trước và sau thảm họa cháy rừng kinh hoàng nhất lịch sử Hawaii

NẮNG NÓNG KỶ LỤC TẠI CHÂU ÂU VÀ CHÂU Á

Mùa hè năm 2023, cả châu Âu và châu Á đều liên tiếp chứng kiến những kỷ lục về nắng nóng và thiệt hại nghiêm trọng của thiên tai cực đoan này.

Ở châu Âu, sau tháng 6 nóng nhất là tháng 7 và tháng 9/2023 cũng có nhiệt độ cao nhất từng được ghi nhận vào các tháng này trong lịch sử. Nhiệt độ tại thị trấn Floridia trên đảo Sicily, Italia vào ngày 13/8/2023 lên tới gần 49⁰C, trở thành cột mốc mới về nhiệt độ trong lịch sử châu Âu.

Tại châu Á, đợt nắng nóng vào tháng 4 và tháng 5/2023 cũng ghi nhận những cột mốc nhiệt độ cao nhất lịch sử tại các quốc gia Nam và Đông Nam Á, chẳng hạn như Thái Lan chứng kiến ngày nóng nhất trong lịch sử với nhiệt độ 45,4⁰C vào ngày 15/4; tại Lào cũng ghi nhận nhiệt độ cao nhất là 43,5⁰C trong hai ngày liên tiếp vào tháng 5/2023. Ngày 29/5, thành phố Thượng Hải (Trung Quốc) cũng đã trải qua những ngày tháng 5 nóng nhất (46,1⁰C) trong hơn một thế kỷ; tại Bangladesh ghi nhận tháng 4 nóng nhất trong 6 thập kỷ và các bang phía Bắc của Ấn Độ chứng kiến nhiệt độ vượt quá 45⁰C vào giữa tháng 5/2023.

Báo cáo của World Weather Attribution (WWA) Hiệp hội các nhà khoa học khí tượng quốc tế, đợt nắng nóng tại châu Á đạt mức lịch sử trong 200 năm qua và “hầu như không thể xảy ra” nếu không có biến đổi khí hậu. Thiệt hại không thể thống kê với mùa màng bị ảnh hưởng, các hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp khó khăn và hàng trăm nghìn người phải nhập viện hoặc gặp các vấn đề về sức khỏe do nắng nóng.

Ở Châu Âu, nắng nóng lịch sử còn gây ra cháy rừng, tàn phá những khu vực rộng lớn ở Tây Ban Nha và đặc biệt Hy Lạp. Theo Hệ thống thông tin cháy rừng Châu Âu, trên toàn Châu Âu đã thiệt hại trên 500.000 ha do cháy rừng, trong đó Hy Lạp 150.000 ha, Tây Ban Nha 76.000 ha. Cháy rừng làm hàng chục người chết, phần lớn trong số đó không thể nhận dạng được.

THIÊN TAI TẠI VIỆT NAM

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Thiên tai năm 2023 diễn ra bất thường, cực đoan, trái quy luật với 05 cơn bão (chỉ bằng 50% so với TBNN là 9-10 cơn) và 03 cơn áp thấp nhiệt đới (trương đương với TBNN là 2-3 cơn) hoạt động trên biển Đông; xuất hiện nhiều trận mưa lớn gây ngập úng, lũ, lũ quét, sạt lở đất cực đoan thời đoạn ngắn với lượng mưa xảy ra trong 24h có nơi trên 800mm; những trận đông lốc, sét, mưa đá trên đất liền, trên biển và tình hình sạt lở, sụt lún đất tại đồng bằng sông Cửu Long có xu thế diễn ra nhiều hơn, gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

Thiên tai đã làm 169 người chết, mất tích (*giảm 3,4% so với năm 2022*); thiệt hại về kinh tế ước tính trên 9.324 tỷ đồng (*bằng 47,9% so với năm 2022*).

TT	Loại hình thiên tai	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
1	Bão	cơn	07	05
2	ATNĐ	cơn	02	03
3	Mưa lớn, ngập úng, lũ quét, sạt lở đất	trận	310	229
4	Đông lốc, sét, mưa đá	trận	258	509
5	Sạt lở tại ĐBSCL	trận	191	817
6	Động đất	trận	286	346
7	Gió mạnh, sóng lớn trên biển	đợt	14	30
8	Không khí lạnh	đợt	17	25
9	Thiệt hại về người (chết, mất tích)	người	175	169
10	Thiệt hại về kinh tế	tỷ đồng	19.479	9.324

Tình hình thiên tai, thiệt hại của năm 2022 và năm 2023

1. Bão, Áp thấp nhiệt đới

Năm 2023, trên khu vực biển Đông đã xuất hiện 05 cơn bão và 03 cơn ATNĐ, trong đó không có cơn bão nào ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta; 02 cơn bão ảnh hưởng gián tiếp gây mưa lớn, lũ trên đất liền (cơn bão số 1 - Talim và cơn bão số 5 - Sanba); 01 cơn áp thấp nhiệt đới xuất hiện từ ngày 24-26/9/2023 gây mưa lớn trên khu vực Trung Bộ và từ ngày 25-28/9/2023 tại một số tỉnh Bắc Bộ mưa lớn đã gây ngập lụt các vùng trũng thấp và sạt lở nhiều khu vực làm 10 người chết, mất tích, ước tính thiệt hại về cơ sở, vật chất khoảng 1.055 tỷ đồng. Các cơn bão, ATNĐ mặc dù không đi vào đất liền nhưng đã gây gió mạnh, sóng lớn trên biển làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt và sản xuất của người dân ven biển.

2. Mưa lũ, ngập lụt, sạt lở đất

Năm 2023, mưa lớn thời đoạn ngắn gây ngập lụt, lũ, lũ quét, sạt lở đất diễn ra cục đoạn gây thiệt hại lớn về người, tài sản, cơ sở hạ tầng, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của nhân dân. Một số các đợt mưa lớn điển hình như:

- Đợt mưa lớn từ ngày 02-08/8/2023 xảy ra tại khu vực miền núi Bắc Bộ đã làm 16 người chết, mất tích, thiệt hại về cơ sở, vật chất trên 969 tỷ đồng; trận lũ ống, lũ quét xảy ra đêm ngày 12/9 đến rạng sáng ngày 13/9/2023 tại thị xã Sa Pa, huyện Văn Bàn và huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai đã làm 09 người chết, mất tích.
- Mưa lớn gây sạt lở đất tại nhiều điểm trên khu vực Tây Nguyên gây thiệt hại lớn về người và tài sản, trong đó vụ sạt lở nghiêm trọng nhất xảy ra tại đèo Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng làm 06 người chết.
- Đợt mưa lớn từ 24-29/9/2023 do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới tại 06 tỉnh miền Trung và 13 tỉnh Bắc Bộ đã gây ngập lụt tại các khu vực trũng thấp, nghiêm trọng nhất tại tỉnh Nghệ An (thời điểm lớn nhất có 2.337 nhà bị ngập). Mưa lũ, sạt lở đã làm 10 người chết, mất tích.
- Từ giữa tháng 10 đến giữa tháng 11/2023, khu vực miền Trung đã xảy ra 03

đợt mưa lớn, lũ, ngập lụt diện rộng làm 14 người chết, mất tích, trong đó đợt mưa lớn từ ngày 13-17/11/2023 tại Thừa Thiên Huế có nơi mưa trên 800mm/24 giờ, gây ngập lụt diện rộng hạ lưu sông Hương và sông Bồ; tại Đà Nẵng đợt mưa từ ngày 11-18/10/2023 với tổng lượng trên 1.300mm gây ngập sâu nhiều khu vực của thành phố,...

3. Đông lốc, sét, mưa đá

Năm 2023, tình hình đông lốc, sét, mưa đá diễn ra nhiều hơn so với năm 2022 gây thiệt hại về người và tài sản, ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của người dân. Trên 509 trận đông lốc, sét, mưa đá đã xảy ra tại 49 tỉnh/thành phố làm 42 người chết, 87 người bị thương, 717 nhà sập, đổ, 13.133 nhà bị hư hỏng, tốc mái, ước tính giá trị thiệt hại trên 616 tỷ đồng (Thiệt hại về người giảm nhưng thiệt hại về cơ sở, vật chất tăng so với năm 2022¹).

4. Rét đậm, rét hại và băng giá

Trong năm 2023, có 25 đợt KKL ảnh hưởng xuống nước ta; trong các đợt KKL đã xuất hiện 03 đợt rét đậm, rét hại ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào tháng 01 và tháng 12. Một số nơi ở vùng núi cao xảy ra hiện tượng băng giá. So với năm 2022, số đợt rét đậm, rét hại năm 2023 ít hơn nhưng số ngày rét đậm rét, hại lại nhiều hơn với các đợt rét kéo dài hơn. Nhiệt độ thấp nhất trong năm 2023, ở khu vực phía Đông Bắc Bộ phổ biến từ 4-7⁰C, trong đó vùng núi cao dưới 4⁰C, đặc biệt có nơi dưới 0⁰C như tại Mẫu Sơn (Lạng Sơn) ghi nhận mức nhiệt -2,5⁰C xảy ra ngày 26/12/2023; khu vực Bắc Trung Bộ nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 6-9⁰C; khu vực Trung Trung Bộ nhiệt độ thấp nhất tại các tỉnh từ Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế phổ biến từ 10-14⁰C, tại khu vực từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi nhiệt độ thấp nhất từ 15-19⁰C; khu vực Nam Trung Bộ có nhiệt

¹ Năm 2022, đã xảy ra 258 trận đông lốc, sét, mưa đá trên 47 tỉnh/thành phố làm 62 người chết, 45 người bị thương; 482 nhà sập đổ hoàn toàn, 4.654 nhà bị hư hỏng, tốc mái. Ước tính giá trị thiệt hại khoảng 229 tỷ đồng.

độ thấp nhất năm dao động từ 17-20⁰C; khu vực Tây Nguyên từ 11-14⁰C, khu vực Nam Bộ nhiệt độ thất nhất từ 18-21⁰C, riêng miền Đông có nơi dưới 18⁰C.

5. Động đất

Trong năm 2023, trên cả nước đã xảy ra 346 trận động đất, nhiều hơn so với năm 2022 (năm 2022 là 286 trận) trên địa bàn 10 tỉnh (Lai Châu: 02; Điện Biên: 03, Sơn La: 03; Quảng Ninh: 01; Vĩnh Phúc: 01; Nghệ An: 01; Quảng Bình: 01; Quảng Nam: 14; Quảng Ngãi: 06; Kon Tum: 314), trong đó tỉnh Kon Tum chiếm 90,7% các trận động đất xảy ra với độ lớn từ 2,5 đến 4,4 độ theo thang Mô men trên lãnh thổ và vùng biển Việt Nam. Động đất xảy ra ở Kon Tum, cụ thể là xảy ra tại huyện Kon Plông có tần suất xuất hiện nhiều hơn, điển hình như ngày 07/7/2023, đã xảy ra liên tiếp 14 trận động đất trong một ngày với độ lớn từ 2,5 đến 4,2 độ richter.

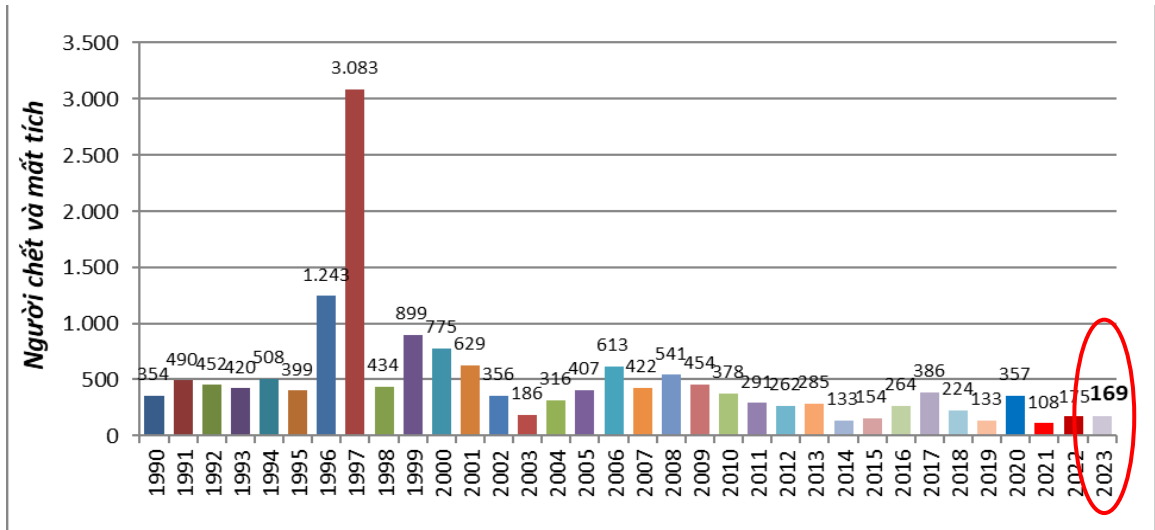
6. Thiệt hại do thiên tai

Thiên tai xảy ra trong năm 2023 đã gây thiệt hại như sau:

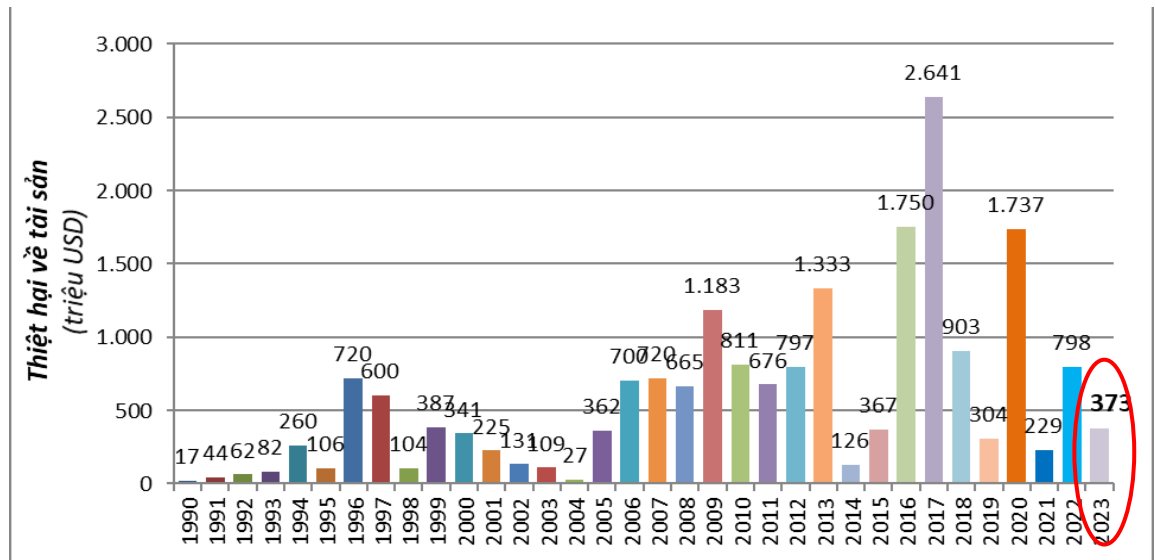
- Về người: 169 người chết, mất tích (nam 123, nữ 46), 158 người bị thương.
- Về nhà ở: 1.298 nhà sập, 17.964 nhà hư hỏng, tốc mái.
- Về nông nghiệp, chăn nuôi: 192.727 ha lúa, hoa màu; 26.921 ha cây trồng khác bị ảnh hưởng, thiệt hại; 3.658 con gia súc, 283.645 con gia cầm bị chết, cuốn trôi.
- Về thủy sản: 66 ghe, thuyền bị chìm, hư hỏng; 4.312 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, 252 lồng bè nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại.
- Về thủy lợi: 293,47 km đê, kè, kênh mương; 261 km bờ sông, bờ biển bị sạt lở, hư hỏng.
- Về giao thông: 181 cầu tạm bị hư hỏng, cuốn trôi; 726,77 km đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với khoảng 4,3 triệu m³ đất, đá, bê tông.

Tổng thiệt hại về kinh tế ước tính trên 9.324 tỷ đồng

BIỂU ĐỒ THIẾT HẠI VỀ NGƯỜI DO THIÊN TAI TỪ 1990 - 2023



BIỂU ĐỒ THIẾT HẠI VỀ TÀI SẢN DO THIÊN TAI TỪ 1990 - 2023



(Nguồn số liệu: Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

II. NHỮNG ĐỢT THIÊN TAI LỚN TRONG NĂM 2023

1. BÃO, ÁP THẤP NHIỆT ĐỐI

Trong năm 2023, có 05 cơn bão và 03 ATNĐ hoạt động trên khu vực biển Đông, đây cũng là một năm được ghi nhận là có số lượng bão và ATNĐ hoạt động ít hơn khá nhiều so với TBNN, trong đó, không có cơn bão ảnh hưởng trực tiếp; 02 cơn bão và 01 cơn ATNĐ ảnh hưởng gián tiếp đến đất liền nước ta (cơn bão số 1 - Talim; cơn bão số 5 - Sanba và ATNĐ vào tháng 9), mặc dù không đi vào đất liền nhưng lại gây gió mạnh, sóng lớn trên biển, các đảo và gây mưa lớn trên diện rộng ở khu vực miền núi phía Bắc và Trung Bộ. Thời gian tồn tại của các cơn bão, ATNĐ trên biển Đông không quá dài, trung bình khoảng 1-3 ngày, chỉ có duy nhất cơn bão số 4 - Koinu là duy trì lâu nhất, kéo dài 4 ngày.

Các cơn bão, ATNĐ hoạt động trên biển Đông

TT	Tên cơn Bão	Thời gian tồn tại	Sức gió mạnh nhất trên biển Đông	Người chết, mất tích (người)	Tổng thiệt hại (tỷ đồng)
1	Bão số 1 (TALIM)	13h/15/7 - 13h/18/7	Cấp 12, giạt cấp 15	-	-
2	Bão số 2 (DOKSURI)	07h/21/7 - 01h/29/7	Cấp 13-14, giạt trên cấp 17	-	-
3	Bão số 3 (SAOLA)	13h/24/8 - 22h/02/9	Cấp 16, giạt cấp 17	-	-
4	Bão số 4 (KOINU)	01h/30/9 - 16h/09/10	Cấp 13, giạt cấp 16	-	-
5	Bão số 5 (SANBA)	11h/18/10 - 10h/20/10	Cấp 8-9, giạt cấp 11	-	-
6	ATNĐ số 1	10h/05/5 - 13h07/5	Cấp 6, giạt cấp 8	-	-
7	ATNĐ số 2	13h/24/9 - 04h/26/9	Cấp 6-7, giạt cấp 8-9	10	1.055
8	ATNĐ số 3	07h/17/12 - 04h/18/12	Cấp 6, giạt cấp 8	-	-
Tổng				10	1.055

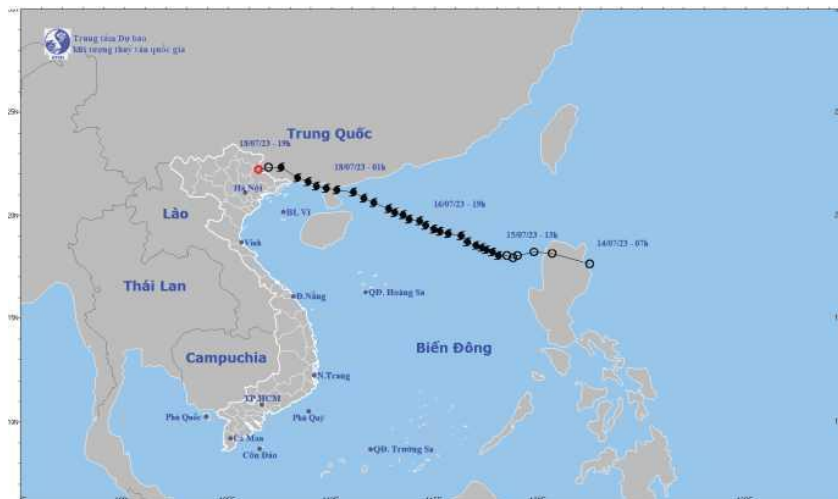
BÃO SỐ 1 (TALIM)

(Từ ngày 13-18/7/2023)

1. Diễn biến

1.1. Về bão:

- Đêm ngày 13/7, vùng áp thấp trên vùng biển phía Đông Bắc đảo Lu-Dông (Philippin) mạnh lên thành ATNĐ, cường độ **mạnh cấp 6, giạt cấp 8**.
- Chiều ngày 14/7, ATNĐ đi vào Biển Đông, **mạnh cấp 6-7, giạt cấp 9** và di chuyển theo hướng Tây với tốc độ 10km/h.
- Chiều ngày 15/7, ATNĐ mạnh lên thành bão - cơn bão số 1 (tên quốc tế TALIM), cường độ **mạnh cấp 8, giạt cấp 10** và di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ khoảng 10-15km/h, cách bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc) khoảng 850km về phía Đông Đông Nam và tiếp tục mạnh lên.
- Sáng sớm ngày 17/7, bão đạt sức gió **mạnh nhất cấp 12, giạt cấp 15**, tốc độ di chuyển 20km/h, cách bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc) khoảng 290km về phía Đông Đông Nam.
- Đêm ngày 17/7, bão di chuyển vào khu vực phía Bắc của bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc) đi vào phía Đông Bắc Vịnh Bắc Bộ, cường độ bão giảm xuống cấp 10-11, giạt cấp 14, cách Móng Cái (Quảng Ninh) khoảng 140km về phía Đông Đông Nam.
- Sáng ngày 18/7, bão đi chuyển vào đất liền khu vực phía Nam tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), cường độ giảm xuống cấp 9, giạt cấp 11. Chiều tối cùng ngày, bão đi sâu vào đất liền và suy yếu thành ATNĐ sau thành một vùng áp thấp trên khu vực các tỉnh vùng núi phía Bắc và tan dần.

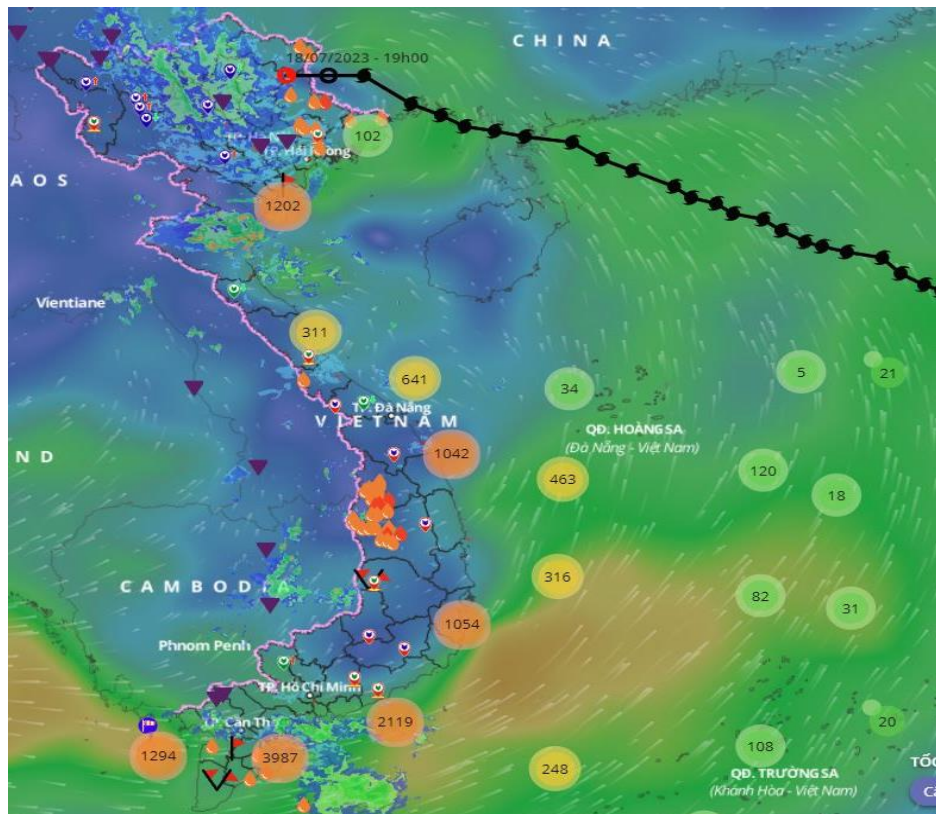


Bão số 1 (TALIM) từ ngày 13-18/7/2023, gió mạnh nhất cấp 12, giạt cấp 15

* **Gió thực đo** tại Vịnh Bắc Bộ và khu vực ven biển: tại Bạch Long Vỹ đạt cấp 8, giạt cấp 10; tại Cô Tô đạt cấp 5, giạt cấp 7; tại Phù Liễn (Hải Phòng) đạt cấp 5, giạt cấp 7; tại Ưông Bí (Quảng Ninh) đạt cấp 6, giạt cấp 6; tại Thái Thụy (Thái Bình) đạt cấp 6; Mẫu Sơn (Lạng Sơn) đạt cấp 7, giạt cấp 9.

1.2. Về mưa:

Từ gần sáng ngày 18-19/7, do ảnh hưởng của cơn bão số 1 nên ở khu vực vùng núi và trung du Bắc Bộ có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to và dông với lượng mưa phổ biến 50-100mm, có nơi trên 100mm như: Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 140mm, Mông Ân (Lạng Sơn) 115mm, Hồng An (Cao Bằng) 133mm, Thái Cường (Cao Bằng) 127mm, Bát Xát (Lào Cai) 110mm,...



Tình hình mưa, lũ do ảnh hưởng hoàn lưu bão số 1

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó:

Đây là cơn bão đầu tiên trong năm và cũng là cơn bão có cường độ mạnh, được dự báo gây mưa rất lớn ảnh hưởng toàn bộ khu vực vịnh Bắc Bộ và đất liền 27 tỉnh, thành phố phía Bắc đến Nghệ An. Trước diễn biến phức tạp của cơn bão, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành công điện chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tập trung ứng phó với bão, bên cạnh đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng Ban Chỉ đạo đã chủ trì cuộc họp trực tiếp và trực tuyến với các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố khu vực Bắc Bộ đến Nghệ An để chỉ đạo ứng phó với bão số 1.



*Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang
chỉ đạo họp ứng phó với bão số 1 và mưa lũ sau bão*

Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang - Trưởng Ban Chỉ đạo đã quan tâm chỉ đạo Ban Chỉ đạo, các Bộ ngành, địa phương tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, mưa lũ; kịp thời chỉ đạo triển khai ứng phó.

Ban Chỉ đạo, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã ban hành công điện, văn bản từ sớm để chỉ đạo các biện pháp ứng phó phù hợp thực tế; các bộ, ngành tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao.

2.1. Ban hành văn bản chỉ đạo

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 01 công điện số 646/CĐ-TTg ngày 16/7/2023 chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Nội, Hưng Yên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hà Nam, Hoà Bình, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lạng Sơn, Cao Bằng, Yên Bái, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thái Nguyên; Bộ trưởng các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Ngoại giao; Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai; Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tập trung ứng phó bão số 1 và mưa lũ.

- Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã ban hành liên tiếp 02 công điện (số 04/CĐ-QG ngày 14/7/2023; số 05/CĐ-QG ngày 15/7/2023) chỉ đạo các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành ứng phó với bão số 1.

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã ban hành 01 công điện và 01 văn bản chỉ đạo ngay từ khi vùng áp thấp, ATNĐ hình thành trên vùng biển phía Đông Philippin:

+ Công văn số 262/VPTT ngày 13/7/2023 của Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh vùng núi Bắc Bộ và các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Bình đến Cà Mau về chủ động ứng phó với mưa lớn và gió mạnh trên biển.

+ Công điện số 03/CĐ-QG ngày 14/7/2023 của Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Bình Định và các bộ, ngành liên quan về chủ động ứng phó với diễn biến của ATNĐ.

- Bộ Y tế đã có công điện số 961/CĐ-BYT ngày 17/7/2023 về việc triển khai công tác y tế ứng phó với bão số 1.

2.2. Tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai các biện pháp ứng phó

Chủ động họp trực tiếp và trực tuyến với các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố Bắc Bộ đến Nghệ An để cập nhật, điều chỉnh phạm vi, tình hình thực tế phù hợp diễn biến bão, mưa lớn với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan:

- Sáng ngày 17/7, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã chủ trì cuộc họp với trực tiếp và trực tiếp với các bộ, ngành, địa phương để ứng phó với bão số 1 (TALIM).



Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trì cuộc họp

- Ngày 18/7, Đoàn công tác của Ban Chỉ đạo do Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp - Phó trưởng ban làm trưởng đoàn đi kiểm tra, chỉ đạo công tác sẵn sàng ứng phó với bão số 1 tại tỉnh Quảng Ninh.



Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp – Phó Trưởng ban đi kiểm tra công tác phòng, chống bão tại hồ Khe Giữa, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo tăng cường lực lượng trực ban phòng, chống thiên tai từ ngày 15-20/7/2023 và thường xuyên liên hệ Lãnh đạo Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.

2.3. Tăng cường công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo:

- Tăng cường lực lượng cho công tác trực ban phòng, chống thiên tai 24/24h để theo dõi sát diễn biến của bão, mưa lũ sau bão để tham mưu công tác chỉ đạo, điều hành ứng phó với bão và mưa lũ sau bão.

- Thường xuyên đôn đốc các địa phương, nắm bắt tình hình thực tế như: kêu gọi, kiểm đếm tàu thuyền; rà soát, cập nhật phương án điều hành, ứng phó, đặc biệt là việc di dời dân, khách du lịch đang ở trong khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng của bão, mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất.

- Theo dõi sát diễn biến của bão, mưa, lũ sau bão qua các bản tin dự báo, cảnh báo của Trung tâm dự báo Khí tượng thủy văn quốc gia, Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS) và tham khảo các bản tin dự báo, cảnh báo của các đài quốc tế, khu vực.

2.4 Các bộ, ngành:

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai ứng phó bão, mưa lớn:

- Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Bộ Quốc phòng chỉ đạo, chủ động tổ chức triển khai lực lượng, phương tiện hỗ trợ địa phương ứng phó với bão, lũ, sơ tán dân, cứu hộ, cứu nạn.
- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tổ chức kiểm đếm, kêu gọi tàu thuyền đang hoạt động trong khu vực ảnh hưởng của bão; chỉ đạo các tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Ninh Bình tổ chức bắn pháo hiệu tại các điểm theo quy định;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường theo dõi chặt chẽ, tăng cường bản tin dự báo, cảnh báo, thông tin kịp thời về diễn biến bão, mưa lũ, nguy cơ lũ quét, sạt lở đất để các cơ quan liên quan và người dân biết chủ động triển khai các biện pháp ứng phó.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có các văn bản chỉ đạo, đôn đốc các địa phương khẩn trương hoàn thành các công trình đê điều đang thi công. Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai có văn bản chỉ đạo các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai ứng phó với bão để đảm bảo an toàn hệ thống đê điều.
- Bộ Công Thương chỉ đạo, phối hợp với các địa phương triển khai công tác vận hành đảm bảo an toàn hồ chứa thủy điện, nhất là xả lũ khẩn cấp; kiểm tra công tác bảo đảm an toàn hầm mỏ, khai thác khoáng sản và hệ thống lưới điện.
- Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo, phối hợp với các địa phương triển khai công tác đảm bảo an toàn tàu vận tải, kiểm soát, hướng dẫn giao thông tại các ngầm, tràn, khu vực ngập sâu; bố trí lực lượng, vật tư, phương tiện để kịp thời khắc phục sự cố, đảm bảo giao thông thông suốt trên các trục giao thông chính.
- Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng, đưa tin kịp thời về diễn biến của bão, mưa lũ và công tác chỉ đạo ứng phó để người dân biết, chủ động phòng, tránh.
- Các Bộ: Công an, Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn phòng phòng Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đã có công điện chỉ đạo các đơn vị sẵn sàng lực lượng, phương tiện kịp thời xử lý khi có tình huống.
- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã gửi tin nhắn Zalo tới hơn 8 triệu thuê bao tại các địa phương có khả năng ảnh hưởng của bão để hướng dẫn các kỹ năng ứng phó với bão.
- Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương trong việc thực hiện Công điện này, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

3. Kết quả chỉ đạo ứng phó

3.1. Tình hình tàu thuyền, giao thông

a) Tàu cá: Theo báo cáo của Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng tính đến 05h00 ngày 18/7, đã thông báo, kiểm đếm, hướng dẫn khu vực từ Quảng Ninh đến Ninh Bình có 12.668 phương tiện/29.812 lao động biết diễn biến, hướng đi của bão để chủ động di chuyển vòng tránh, thoát khỏi khu vực nguy hiểm. Tất cả các tàu đã vào nơi neo đậu hoặc di chuyển đến vị trí trú tránh. Các tỉnh chủ động cấm biển: Thái Bình, Nam Định (12h00 ngày 17/7); Quảng Ninh (15h00 ngày 17/7); Ninh Bình (17h00 ngày 17/7); Hải Phòng (21h00 ngày 17/7).

b) Tàu vận tải: Theo báo cáo của Bộ Giao thông vận tải, khu vực từ Quảng Ninh đến Nghệ An có 183 tàu biển và 259 phương tiện thủy nội địa đang hoạt động; các phương tiện đã nhận được thông tin về bão số 1 để có phương án đảm bảo an toàn.

c) Hàng không: Cục Hàng không Việt Nam có công điện đề nghị dừng tiếp nhận máy bay trong ngày 18/7, tại các sân bay: Nội Bài (từ 11h đến 20h), Cát Bi (từ 9h đến 19h), Vân Đồn (từ 9h đến 19h).

3.2. Tình hình nuôi trồng thủy sản

Các tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Nghệ An có tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 119.803ha, 3.154 lồng, chòi canh, 22.973 lồng/bè; hầu hết các địa phương đã hoàn thành sơ tán dân trên lồng bè.

3.3. Về sơ tán, di dời dân, khách du lịch

a) Đối với khách du lịch: Tính đến 07h00 ngày 18/7, tại Quảng Ninh, Hải Phòng còn 2.577 khách du lịch lưu trú trên các tuyến đảo (Quảng Ninh 606 người, Hải Phòng 1.971 người). Chính quyền địa phương đã chỉ đạo tổ chức bố trí nơi lưu trú an toàn cho du khách.

b) Đối với các khu vực xung yếu: Thành phố Hải Phòng đã xây dựng kế hoạch sơ tán 8.691 người dân khu vực xung yếu (chung cư cũ, khu vực ngoài đê, vùng trũng thấp ven biển,...) tùy theo diễn biến thực tế cơn bão.

3.4. Tình hình sản xuất nông nghiệp

- Vụ Hè thu: Hiện có 173.000 ha lúa Hè Thu đang giai đoạn đẻ nhánh tập trung tại các tỉnh Bắc Trung Bộ.

- Vụ Mùa: Đã gieo cấy được 970.000 ha/1.008.000 ha, đạt 96,2% (trung du miền

núi phía Bắc 380.000 ha/406.000 ha, đạt 93,4%; đồng bằng sông Hồng 450.000 ha/462.000 ha, đạt 97,4%; Bắc Trung Bộ đã gieo cấy xong 140.000 ha)

3.5. Về đê điều: Hệ thống đê điều khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa, Nghệ An có 289 trọng điểm, vị trí xung yếu (đê sông 263; đê biển, đê cửa sông 26); 07 công trình đang thi công dở dang (Hà Nội 03; Ninh Bình 01; Thanh Hóa 02; Nghệ An: 01). 03 sự cố chưa được xử lý triệt căn quan tâm (Hà Nội 01; Bắc Giang 01; Thanh Hóa 01).

3.6. Về hồ chứa

a) Hồ thủy điện khu vực Bắc Bộ: Mực nước các hồ chứa Sơn La, Hoà Bình, Thác Bà, Tuyên Quang đang thấp hơn mực nước cho phép (Tính đến 7h00 ngày 18/7: Sơn La: thấp hơn 4,45m; Hoà Bình thấp hơn 9,22m; Tuyên Quang thấp hơn 6,0m; Thác Bà thấp hơn 7,23m).

b) Hồ thủy lợi khu vực Bắc Bộ:

- Có tổng số 2.543 hồ; trung bình đạt từ 32% - 86% DTTK, một số tỉnh MN hồ chứa ở mức cao như: Vĩnh Phúc 76%, Phú Thọ 86%, Ninh Bình 84%.

- Hồ xung yếu: 487 hồ (Hà Giang 13, Cao Bằng 19, Lai Châu 2, Điện Biên 2, Lào Cai 4, Yên Bái 21, Tuyên Quang 56, Bắc Kạn 11, Thái Nguyên 71, Lạng Sơn 30, Quảng Ninh 13, Sơn La 36, Phú Thọ 63, Vĩnh Phúc 24, Bắc Giang 9, Hải Dương 15, Hà Nội 13, Hoà Bình 81, Ninh Bình 4).

- Hồ đang thi công: 20 hồ (Tuyên Quang 2, Thái Nguyên 5, Sơn La 1, Vĩnh Phúc 2, Hà Nội 1, Hoà Bình 7, Ninh Bình 2).

4. Thiệt hại: Không xảy ra thiệt hại do cơn bão số 1.

5. Nhận xét:

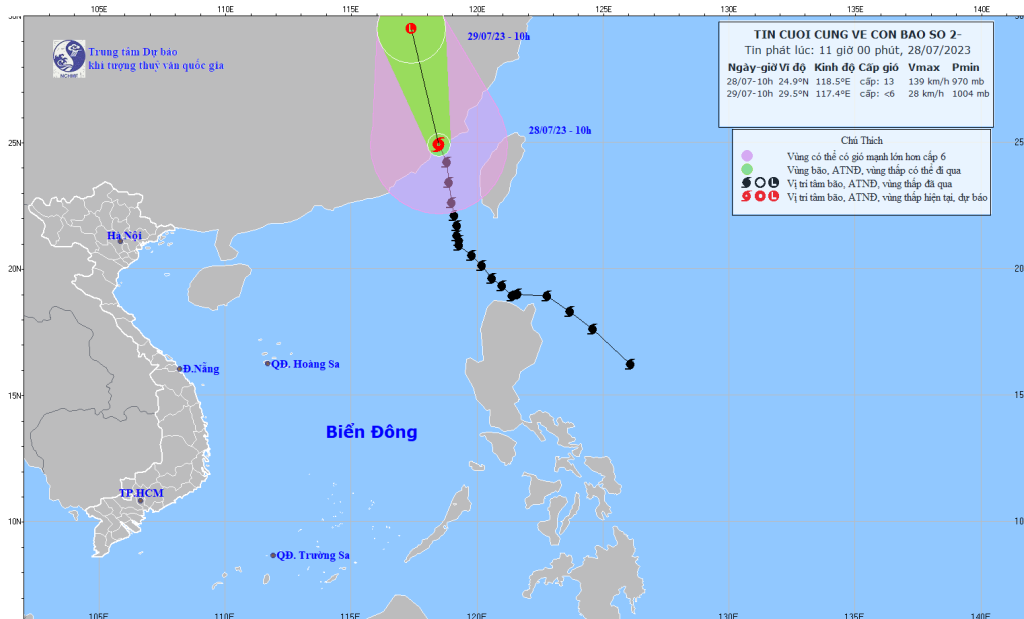
Bão số 1 là cơn bão đầu mùa với cường độ mạnh nhất khi đang cách bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc) khoảng 290km về phía Đông Đông Nam, tuy nhiên, đường đi của bão có diễn biến phức tạp khi đi vào phía Bắc của bán đảo Lôi Châu sau đó chạy dọc bờ biển phía Trung Quốc gây gió mạnh, sóng lớn trên biển khu vực Vịnh Bắc Bộ và đi vào khu vực miền núi phía Bắc do vậy rất được sự quan tâm của Thủ tướng Chính phủ và Nhà nước. Bên cạnh đó, công tác dự báo về mưa lũ sau bão vẫn chưa được chính xác khi dự báo khu vực miền núi phía Bắc cục bộ có mưa lớn trên 400mm, trên thực tế mưa tại khu vực miền núi phía Bắc chỉ từ 100-200mm.

BÃO SỐ 2 (DOKSURI)

(Từ ngày 24-28/7/2023)

1. Diễn biến bão

- Chiều ngày 24/7, vùng biển phía Đông của Philippin xuất hiện 01 cơn bão mạnh (sức gió mạnh cấp 14-15, giạt trên cấp 17) với tên quốc tế là DOKSURI.
- Sáng ngày 27/7, bão DOKSURI đã vượt qua khu vực phía Bắc đảo Lu-Dông (Philippin) đi vào khu vực Đông Bắc của Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 2 trong năm 2023 (sức gió mạnh cấp 13-14, giạt cấp 17).
- Sau khi vào biển Đông, bão di chuyển theo hướng Bắc Tây Bắc đi về phía đất liền Trung Quốc. Đến sáng ngày 28/7, bão nằm trên vùng biển phía Nam tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc) với sức gió mạnh cấp 13-14, giạt cấp 16, sau đó giảm cấp sau khi đi vào đất liền khu vực phía Nam tỉnh Phúc Kiến và tan dần.



Bão số 2 (DOKSURI) từ ngày 24-28/7/2023, gió mạnh cấp 13-14, giạt cấp 17

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó

Ngày 24/7/2023, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã có công văn số 276/VPTT gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Khánh Hoà và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Bộ Giao thông vận tải đề nghị chủ động ứng phó với bão DOKSURI ở vùng biển phía Đông của Philippin.

2.1. Tăng cường công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo

- Duy trì công tác trực ban phòng, chống bão 24/24h.
- Thường xuyên trao đổi với các Bộ ngành và đơn đốc các địa phương, nắm bắt tình hình ứng phó như rà soát và thông báo cho các phương tiện, tàu thuyền đang hoạt động tại khu vực nguy hiểm biết để chủ động phòng tránh.
- Theo dõi sát diễn biến bão, mưa lớn từ Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS) và tham khảo dự báo, cảnh báo của các đài quốc tế, khu vực.

2.2. Các bộ, ngành

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai ứng phó bão, mưa lớn:

- Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Bộ Quốc phòng chỉ đạo các lực lượng sẵn sàng ứng phó và tìm kiếm cứu nạn
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thường trực Ban chỉ đạo: Chỉ đạo Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai - Văn phòng thường trực tổ chức trực ban, theo dõi diễn biến bão và tham mưu chỉ đạo, ứng phó.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo thường xuyên cung cấp các bản tin dự báo bão phục vụ công tác chỉ đạo.
- Bộ đội Biên phòng phối hợp với ngành thủy sản, chính quyền địa phương thông báo, hướng dẫn tàu thuyền di chuyển tránh trú bão.
- Bộ Ngoại giao chủ động liên hệ các quốc gia trong khu vực đề nghị tạo điều kiện cho ngư dân, tàu cá tránh trú và hỗ trợ cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu.
- Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng đưa tin về diễn biến bão và công tác chỉ đạo ứng phó.

3. Thiệt hại: Không có thiệt hại.

4. Nhận xét

Bão DOKSURI là cơn bão mạnh, được dự báo không đi vào vùng biển nước ta, tuy nhiên với tinh thần không chủ quan trước mọi cơn bão, ATNĐ và thiên tai, Văn phòng thường trực vẫn luôn nghiêm túc theo dõi diễn biến cơn bão để chủ động các phương án ứng phó khi có tình huống xảy ra.

BÃO SỐ 3 (SAOLA)

(Từ ngày 29/8-03/9/2023)

1. Diễn biến thực tế

Tình hình bão

- Sáng ngày 29/8, vùng biển phía Đông Bắc đảo Lu-Dông (Philippin) xuất hiện một cơn bão mạnh có tên quốc tế là SAOLA với sức gió mạnh cấp 14, giật cấp 17.
- Chiều ngày 30/8, bão SAOLA đi vào vùng biển phía Đông Bắc của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 3 trong năm 2023. Sức gió mạnh nhất bão đạt được là cấp 16, giật trên cấp 17.
- Tối ngày 01/9, bão đi vào vùng biển phía Nam Hồng Kông (Trung Quốc), sức gió mạnh cấp 14-15, giật trên cấp 17. Bão tiếp tục di chuyển dọc theo bờ biển Trung Quốc và suy yếu thành ATNĐ trên vùng ven biển phía Tây bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc) vào chiều ngày 03/9/2024.



Bão số 3 (SAOLA) từ ngày 29/8-03/9/2023, gió mạnh cấp 16, giật cấp 17

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó

Căn cứ vào các bản tin dự báo, nhận định ban đầu, cơn bão SAOLA sẽ đi vào phía Đông Bắc của khu vực Bắc Biển Đông và đổ bộ vào Trung Quốc, tuy nhiên, khi bắt đầu vào Biển Đông thì bão thay đổi hướng đi và di chuyển về hướng Vịnh Bắc Bộ. Do vậy, Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức theo dõi, giám sát, phân tích, chỉ đạo ứng phó linh hoạt, sát diễn biến thực tế của bão, mưa lũ; chủ động chỉ đạo, triển khai công tác ứng phó và thường xuyên báo cáo lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo Ban Chỉ đạo.

2.1. Ban hành văn bản chỉ đạo

- Ban Chỉ đạo đã ban hành công điện số 10/CĐ-QG hồi 09h00 ngày 31/8/2023 chỉ đạo các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Quảng Ngãi và các bộ, ngành liên quan về chủ động ứng phó bão, giảm thiểu thiệt hại.
- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã ban hành công điện số 09/CĐ-QG hồi 10h30 ngày 29/8/2023 đề nghị các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh và các bộ, ngành liên quan về chủ động ứng phó với diễn biến của bão.
- Bộ Y tế có công điện triển số 1162/CĐ-BYT ngày 01/9/2023 về việc triển khai công tác y tế ứng phó với bão số 3.

2.2. Tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai các biện pháp ứng phó

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo duy trì công tác trực ban và thường xuyên liên hệ Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.

2.3. Tăng cường công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo tăng cường công tác trực ban 24/24h phòng, chống bão, mưa lớn từ ngày 30/8 đến 03/9 như thường xuyên trao đổi với các bộ, ngành và đơn đốc các địa phương, nắm bắt tình hình ứng phó như: Kêu gọi, kiểm đếm tàu thuyền; rà soát, cập nhật phương án ứng phó; Theo dõi sát diễn biến bão từ Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS), tham khảo các đài quốc tế, khu vực để có phương án ứng phó phù hợp nhất.

2.4. Các bộ, ngành

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai ứng phó bão, mưa lớn:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thường trực Ban Chỉ đạo:
 - + Chỉ đạo Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai - Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức trực ban, theo dõi diễn biến bão; ban hành và tham mưu Ban Chỉ đạo ban hành các văn bản chỉ đạo để ứng phó với bão; liên hệ Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh;
 - + Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền, nuôi trồng thủy sản.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo thường xuyên cung cấp các bản tin dự báo bão để chủ động triển khai các biện pháp ứng phó

- Bộ đội Biên phòng phối hợp với ngành thủy sản, chính quyền địa phương kêu gọi, kiểm đếm, hướng dẫn tàu, thuyền di chuyển tránh trú bão.
- Bộ Ngoại giao liên hệ với các quốc gia trong khu vực đề nghị tạo điều kiện cho ngư dân, tàu cá vào tránh trú và hỗ trợ, cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu.
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an và các cơ quan có liên quan đã có các công điện, văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai phương án ứng phó với bão.
- Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng đưa tin về diễn biến bão và công tác chỉ đạo ứng phó.

3. Kết quả chỉ đạo ứng phó

Về tàu thuyền: Theo báo cáo của Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng tính đến 06h00 ngày 02/9, đã thông báo, kiểm đếm, hướng dẫn cho 53.329 phương tiện/226.037 người biết diễn biến, hướng đi của bão để chủ động phòng tránh, cụ thể:

- + Hoạt động ở khu vực Bắc Biển Đông và quần đảo Hoàng Sa: 389 tàu/2.819 người.
- + Hoạt động ở khu vực khác: 5.719 tàu/28.374 người.
- + Neo đậu tại các bến: 47.221 tàu/194.844 người.
- + Không có phương tiện nằm trong khu vực nguy hiểm.

4. Thiệt hại: Không xảy ra thiệt hại do bão số 3

5. Nhận xét

Đây là cơn bão mạnh, có tốc độ và hướng di chuyển phức tạp, tuy nhiên, với tinh thần không chủ quan trước mọi tình huống, các cơ quan từ Trung ương đến địa phương đã chủ động triển khai các biện pháp để ứng phó với bão:

- Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn đã có bản tin về bão, theo dõi chặt chẽ hướng đi của bão để phục vụ công tác chỉ đạo, ứng phó.
- Thường trực Ban Chỉ đạo và Văn phòng thường trực, các Bộ ngành đã chỉ đạo triển khai các biện pháp:
 - + Sẵn sàng ứng phó với bão số 3 một cách kịp thời, chủ động và sát với thực tiễn kể cả về thời điểm, phạm vi và cấp độ.
 - + Chỉ đạo các địa phương triển khai ứng phó phù hợp với diễn biến bão.
- Địa phương: Ngay sau khi nhận được công điện của Ban Chỉ đạo và Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã triển khai các văn bản để kịp thời ứng phó.

BÃO SỐ 4 (KOINU)

(Từ ngày 03-10/10/2023)

1. Diễn biến thực tế

Tình hình bão

- Sáng ngày 03/10, phía Đông Bắc đảo Lu-Dông (Philippin) có cơn bão rất mạnh đang hoạt động có tên quốc tế là KOINU với sức gió mạnh cấp 15, giạt trên cấp 17.
- Chiều ngày 05/10, bão KOINU đi vào vùng biển phía Đông Bắc của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn bão số 04 trong năm 2023, với sức gió mạnh cấp 12, giạt cấp 15.
- Bão số 4 tiếp tục tăng cấp sau khi đi vào biển Đông với sức gió mạnh cấp 13, giạt cấp 16, đây cũng là cơn bão tồn tại trên biển Đông lâu nhất kéo dài 4 ngày. Đến ngày 08/10, bão bắt đầu giảm cấp và suy yếu thành ATNĐ trên vùng biển phía Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), sau đó tan dần.



Bão số 4 (KOINU) từ ngày 03-10/10/2023, gió mạnh cấp 13, giạt cấp 16

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó:

Căn cứ vào các bản tin dự báo, nhận định đây là cơn bão rất mạnh và sẽ đổ bộ vào biển Đông với diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt ở phía Đông Bắc khu vực Bắc Biển Đông, Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức theo dõi, giám sát, phân tích, chỉ đạo ứng phó linh hoạt, sát diễn biến thực tế của bão; chủ động chỉ đạo, triển khai công tác ứng phó và thường xuyên báo cáo lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo Ban Chỉ đạo.

2.1. Ban hành văn bản chỉ đạo

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã ban hành:

+ Công văn số 368/VPTT ngày 03/10/2023 chỉ đạo sớm các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh – Khánh Hòa theo dõi, sẵn sàng ứng phó với diễn biến của bão KOINU.

+ Công điện số 12/CĐ-QG ngày 05/10/2023 đề nghị các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Khánh Hòa và các bộ, ngành liên quan chủ động ứng phó diễn biến của bão KOINU.

2.2. Tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai các biện pháp ứng phó

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo duy trì công tác trực ban và liên hệ Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.

2.3. Tăng cường công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo:

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo duy trì công tác trực ban 24/24h phòng, chống bão; thường xuyên trao đổi với các Bộ ngành và đơn đốc các địa phương thông báo cho các tàu thuyền biết hướng đi của bão để chủ động di chuyển ra khỏi vùng nguy hiểm; theo dõi sát diễn biến bão, mưa lớn từ Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS), tham khảo các đài quốc tế để có phương án ứng phó phù hợp, sát với thực tiễn.

2.4. Các bộ, ngành:

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai ứng phó bão, mưa lũ:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thường trực Ban Chỉ đạo:

+ Chỉ đạo Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai - Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức trực ban, theo dõi diễn biến bão; chủ trì tổ chức họp với các cơ quan đầu mối giúp việc các Bộ ngành liên quan; ban hành và tham mưu Ban Chỉ đạo ban hành các văn bản chỉ đạo để ứng phó với bão và mưa lũ; thường xuyên liên hệ Lãnh đạo Ban chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo cung cấp các bản tin dự báo bão và tăng cường các bản tin khi bão vào biển Đông phục vụ công tác chỉ đạo.

- Bộ đội Biên phòng phối hợp với ngành thủy sản, chính quyền địa phương kêu gọi, kiểm đếm, hướng dẫn tàu, thuyền di chuyển tránh trú bão.
- Bộ Ngoại giao liên hệ với các quốc gia trong khu vực đề nghị tạo điều kiện cho ngư dân, tàu cá vào tránh trú và hỗ trợ, cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu.
- Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng đưa tin về diễn biến bão và công tác chỉ đạo ứng phó.

3. Kết quả chỉ đạo ứng phó

Về tàu thuyền

Theo báo cáo số 344/BC-CQTT của Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng hiện đã thông báo, kiểm đếm, hướng dẫn cho 51.989 phương tiện/225.572 người biết diễn biến, hướng đi của bão để chủ động phòng tránh, cụ thể:

- + Hoạt động ở khu vực Bắc Biển đông và quần đảo Hoàng Sa: 270 tàu/2.107 người.
- + Hoạt động ở khu vực khác: 6.321 tàu/37.132 người.
- + Neo đậu tại các bến: 45.398 tàu/186.333 người.
- + Không có phương tiện nằm trong khu vực nguy hiểm.

4. Thiệt hại: Không xảy ra thiệt hại

5. Nhận xét:

Đây là cơn bão mạnh, có tốc độ và hướng di chuyển phức tạp và cũng là cơn bão có thời gian duy trì trên biển Đông lâu nhất là 4 ngày, các cơ quan từ Trung ương đến địa phương đã chủ động triển khai khác biện pháp để ứng phó với bão:

- Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn đã có bản tin về bão, theo dõi chặt chẽ hướng đi của bão để phục vụ công tác chỉ đạo, ứng phó.
- Thường trực Ban Chỉ đạo và Văn phòng thường trực, các Bộ ngành đã chỉ đạo triển khai các biện pháp:
 - + Sẵn sàng ứng phó với bão số 4 một cách kịp thời, chủ động và sát với thực tiễn kể cả về thời điểm, phạm vi và cấp độ;
 - + Chỉ đạo các địa phương triển khai ứng phó phù hợp với diễn biến bão.
- Địa phương: Ngay sau khi nhận được công điện của Ban Chỉ đạo và Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã triển khai các văn bản để kịp thời ứng phó.

BÃO SỐ 5 (SANBA)

(Từ ngày 17-20/10/2023)

1. Diễn biến

1.1. Về bão:

- Sáng ngày 17/10, một vùng áp thấp trên vùng biển phía Tây Nam của quần đảo Hoàng Sa đã mạnh lên thành ATNĐ, cường độ mạnh cấp 6-7, giạt cấp 9, di chuyển chậm theo hướng Tây Bắc với tốc độ 5-10km/h
- Trưa ngày 18/10, ATNĐ đã mạnh lên thành bão, cơn bão số 5 và có tên quốc tế là SANBA, cường độ mạnh cấp 8, giạt cấp 11, di chuyển theo hướng Bắc Tây Bắc với tốc độ khoảng 10km/h.
- Sáng ngày 19/10, bão di chuyển theo hướng Bắc, sau chuyển hướng Bắc Đông Bắc, tốc độ khoảng 10-15km/h, cường độ bão duy trì cấp 8, giạt cấp 10.
- Sáng ngày 20/10, bão lại chuyển hướng Nam Tây Nam với tốc độ di chuyển khoảng 10km/h. Chiều cùng ngày bão suy yếu thành ATNĐ, cường độ mạnh cấp 7, giạt cấp 9, đến chiều tối suy yếu thành một vùng áp thấp trên đất liền phía Tây Bắc của đảo Hải Nam (Trung Quốc).



Bão số 5 (SANBA) với sức gió mạnh cấp 8-9, giạt cấp 11

* Gió thực đo:

Các đảo: Bạch Long Vỹ (Hải Phòng) Cấp 7, giạt cấp 9; Cô Tô (Quảng Ninh) cấp 5, giạt cấp 7; Lý Sơn (Quảng Ngãi) cấp 7, giạt cấp 8; Côn Cỏ (Quảng Trị) cấp 7, giạt cấp 9.

1.2. Về mưa:

Từ 19h/17/10-19h/20/10, các tỉnh, thành phố từ Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế và Đắk Nông có mưa từ 100-120mm (tập trung trong ngày 17-18/10), một số trạm có mưa lớn hơn như: Hồ An Mã (Quảng Bình) 151mm; Tà Long (Quảng Trị) 245mm; hồ Thọ Sơn (Thừa Thiên Huế) 357mm; Hồ Hoà Mỹ (T.T. Huế) 356mm, Đắk R'Moan (Đắk Nông) 211mm.

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó:

2.1. Ban hành văn bản chỉ đạo

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành công điện số 973/CD-TTg ngày 17/10/2023 chỉ đạo các Bộ ngành, địa phương ứng phó với ATNĐ, bão và mưa lũ.
- Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã ban hành 02 công điện (công điện số 15/CD-QG ngày 17/10/2023 và công điện số 16/CD-QG ngày 18/10/2023) chỉ đạo các tỉnh, thành phố ven biển từ Quảng Ninh đến Khánh Hòa và các bộ, ngành liên quan chủ động ứng phó với vùng áp thấp mạnh lên thành ATNĐ và ATNĐ mạnh lên thành bão số 5.
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Giao thông vận tải, Công Thương đã có công điện chỉ đạo, hướng dẫn ứng phó với ATNĐ, bão.
- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã có văn bản số 379/VPTT ngày 13/10/2023, 382/VPTT ngày 16/10/2023; ban hành 03 công điện (14/CD-QG ngày 16/10/2023, Công điện 15/CD-QG ngày 17/10/2023, 16/CD-QG ngày 18/10/2023) chỉ đạo ứng phó với ATNĐ, bão.
- Ngoài ra, lãnh đạo Ban Chỉ đạo, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo thường xuyên liên hệ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.

2.2. Tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai các biện pháp ứng phó

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo duy trì công tác họp, giao ban, trực ban với các bộ, ngành để nắm bắt tình hình, diễn biến của ATNĐ, bão và thường xuyên liên hệ Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.



Ông Phạm Đức Luận - Chánh Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo chủ trì cuộc họp ứng phó với ATNĐ, bão.

2.3. Tăng cường công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo:

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo tăng cường công tác trực ban 24/24h phòng, chống bão, mưa lớn từ ngày 17-20/10:

- Thường xuyên trao đổi với các bộ ngành và đơn đốc các địa phương, nắm bắt tình hình ứng phó như: Kêu gọi, kiểm đếm tàu thuyền; rà soát, cập nhật phương án ứng phó, đặc biệt là phương án sơ tán dân các địa phương trọng tâm bão ảnh hưởng.
- Theo dõi sát thông tin diễn biến bão, mưa lũ từ Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS), tham khảo các đài quốc tế, khu vực và số liệu trực tuyến theo thời gian thực qua hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS) của Ban Chỉ đạo để có phương án chỉ đạo ứng phó phù hợp, sát với thực tiễn.

2.4. Các bộ, ngành:

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai ứng phó bão, mưa lũ:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo:
 - + Chỉ đạo Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai (Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo) tổ chức trực ban, theo dõi diễn biến bão, mưa lũ; chủ trì tổ chức họp với các cơ quan đầu mối giúp việc các Bộ ngành liên quan; ban hành, tham mưu Ban Chỉ đạo ban hành các văn bản chỉ đạo để ứng phó với bão, mưa lũ; thường xuyên liên hệ lãnh đạo Ban Chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và chỉ đạo, hỗ trợ xử lý các tình huống phát sinh.

+ Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền, nuôi trồng thủy sản, đê điều, hồ chứa và sản xuất nông nghiệp, thu hoạch sớm lúa, hoa màu, thủy sản đã đến thời kỳ thu hoạch.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo theo dõi sát diễn biến của bão, mưa lũ, cung cấp kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo ATNĐ/bão, mưa lũ phục vụ công tác chỉ đạo.

- Bộ Quốc phòng chỉ đạo sẵn sàng phương tiện ứng trực; Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng phối hợp với ngành thủy sản, chính quyền địa phương kêu gọi, kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền di chuyển tránh trú bão và tổ chức sắp xếp tại nơi neo đậu.

- Bộ Giao thông vận tải bố trí lực lượng kiểm soát, phân luồng giao thông các khu vực ảnh hưởng mưa lũ, nhất là trên các tuyến Quốc lộ, giao thông trọng yếu.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo duy trì thông tin liên lạc phục vụ ứng phó và tổ chức nhắn tin đến thuê bao trong khu vực ảnh hưởng của bão, mưa lũ.

- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Giao thông vận tải, Công Thương đã có công điện chỉ đạo, hướng dẫn ứng phó với ATNĐ, bão.

- Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng đưa tin về diễn biến bão, mưa lũ và công tác chỉ đạo ứng phó.

3. Kết quả chỉ đạo ứng phó

3.1. Về tàu thuyền:

Đã thông báo, kiểm đếm, hướng dẫn cho 54.103 phương tiện/246.663 người biết diễn biến, hướng đi của bão để chủ động phòng tránh, cụ thể:

- Hoạt động ven bờ trong khu vực vịnh Bắc Bộ: 444 tàu/2.258 người.

- Hoạt động tại khu vực khác: 2.384 tàu/19.796 người.

- Neo đậu tại các bến: 51.275 tàu/224.609 người.

* Các tỉnh Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Nam đã cấm biển.

3.2. Về đê điều: Trên các tuyến đê biển, đê cửa sông từ Quảng Ninh đến Quảng Nam hiện có 58 trọng điểm, vị trí đê điều xung yếu và 13 công trình đê, kè đang thi công dở dang. Trong ngày trực ban không nhận được thông tin về sự cố đê điều xảy ra đối với các tuyến đê đã được Bộ quyết định phân loại, phân cấp.

3.3. Về hồ chứa:

+ Hồ chứa thủy điện:

Khu vực Bắc Trung Bộ: Có 04 hồ chứa vận hành điều tiết qua tràn, lưu lượng xả/lưu lượng về hồ (m³/s): A Lưới: 42/87; Bình Điền: 56/208; Đa Krông 1: 39/74; Hương Điền: 220/357.

Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ: Có 05 hồ chứa vận hành điều tiết qua tràn, lưu lượng xả/lưu lượng về hồ (m³/s): Đak Mi3: 154/222; Sông Ba Hạ: 50/430; Thượng Sông Ông: 20/54; Vĩnh Sơn: 14/69; Za Hưng: 160/206.

+ Hồ chứa thủy lợi:

- Khu vực Bắc Trung Bộ: Có 01 hồ chứa vận hành điều tiết qua tràn (Hồ Tả Trạch xả 80m³/s).

- Khu vực Nam Trung Bộ: Có 05 hồ chứa vận hành điều tiết qua tràn với lưu lượng nhỏ từ 12-43 m³/s (hồ Khe Tân (Quảng Nam); hồ Nước Trong (Quảng Ngãi); hồ Trà Tân (Bình Thuận); hồ Suối Trầu (Bình Thuận)).

4. Tình hình thiệt hại: Không xảy ra thiệt hại

5. Nhận xét

- Bão số 5 hoạt động trên biển Đông từ ngày 17-20/10 với cường độ mạnh nhất trên biển cấp 8-9, giật cấp 11; bão di chuyển dọc khu vực bờ biển từ Quảng Ngãi - Quảng Ninh; ảnh hưởng đến hoạt động trên biển từ Quảng Ngãi – Quảng Ninh và khu vực Bắc biển Đông. Tuy nhiên với sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị, các lực lượng và người dân nên đã giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do bão, mưa lũ gây ra.

- Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn đã có bản tin kịp thời về bão, theo dõi chặt chẽ hướng đi của bão để phục vụ công tác chỉ đạo, ứng phó.

- Thường trực Ban Chỉ đạo và Văn phòng thường trực, các Bộ ngành đã kịp thời ban hành các văn bản, công điện gửi các bộ, ngành, địa phương; sẵn sàng các phương án ứng phó với bão số 5 một cách kịp thời, chủ động và sát với thực tiễn kể cả về thời điểm, phạm vi và cấp độ.

- Địa phương: Ngay sau khi nhận được công điện của Ban Chỉ đạo và Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo đã triển khai các văn bản để kịp thời ứng phó với bão và mưa lũ, đồng thời khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra từ ngày 10-17/10/2023.

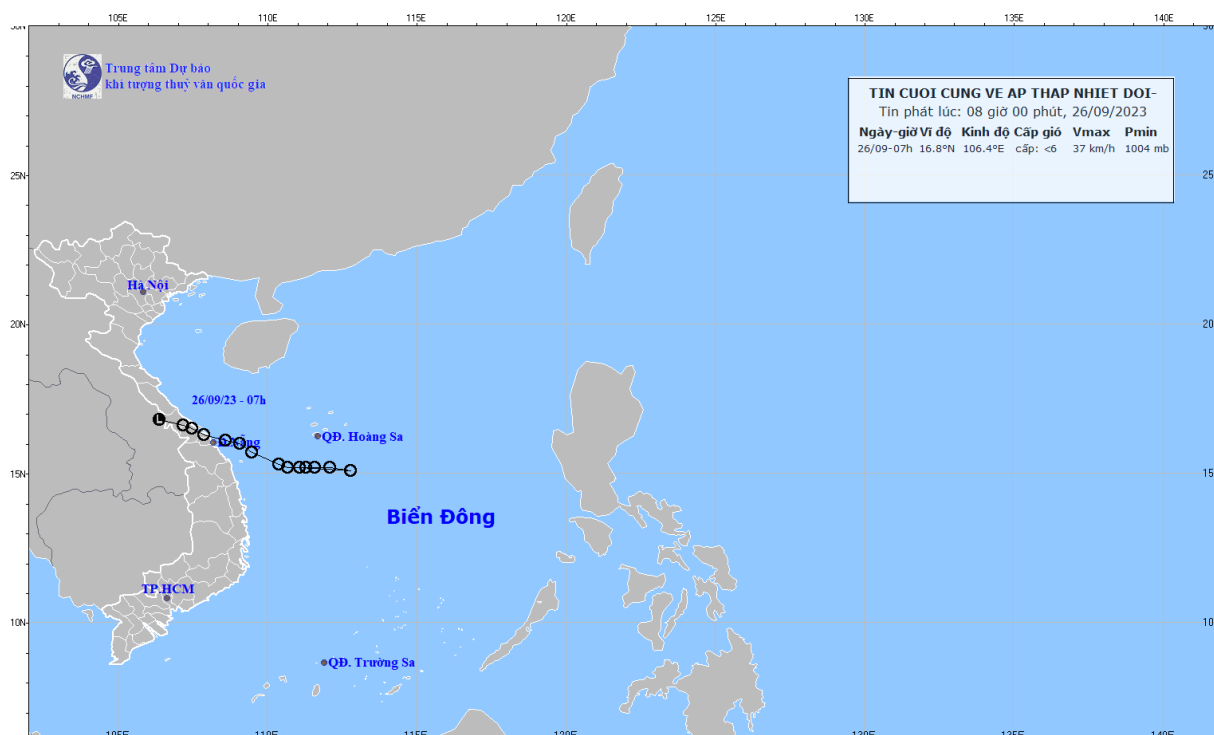
ÁP THẤP NHIỆT ĐỐI

(Từ ngày 24-26/9/2023)

1. Diễn biến

1.1. Về Áp thấp nhiệt đới

- Chiều ngày 24/09, một vùng áp thấp trên vùng biển phía Đông Nam của quần đảo Hoàng Sa đã mạnh lên thành ATNĐ với cường độ mạnh cấp 6, giật cấp 8, di chuyển theo hướng Tây với tốc độ khoảng 10-15km/h.
- Chiều ngày 25/9, ATNĐ chuyển hướng và di chuyển theo hướng Tây Tây Bắc với tốc độ nhanh hơn khoảng 15km/h, cường độ mạnh lên cấp 7, giật cấp 9.
- Đêm 25/9, sau khi di chuyển vào vùng ven biển Quảng Trị-Đà Nẵng, cường độ ATNĐ giảm xuống cấp 6, giật cấp 8, sau đó di chuyển vào đất liền các tỉnh Quảng Trị-Thừa Thiên Huế và suy yếu nhanh thành một vùng áp thấp.

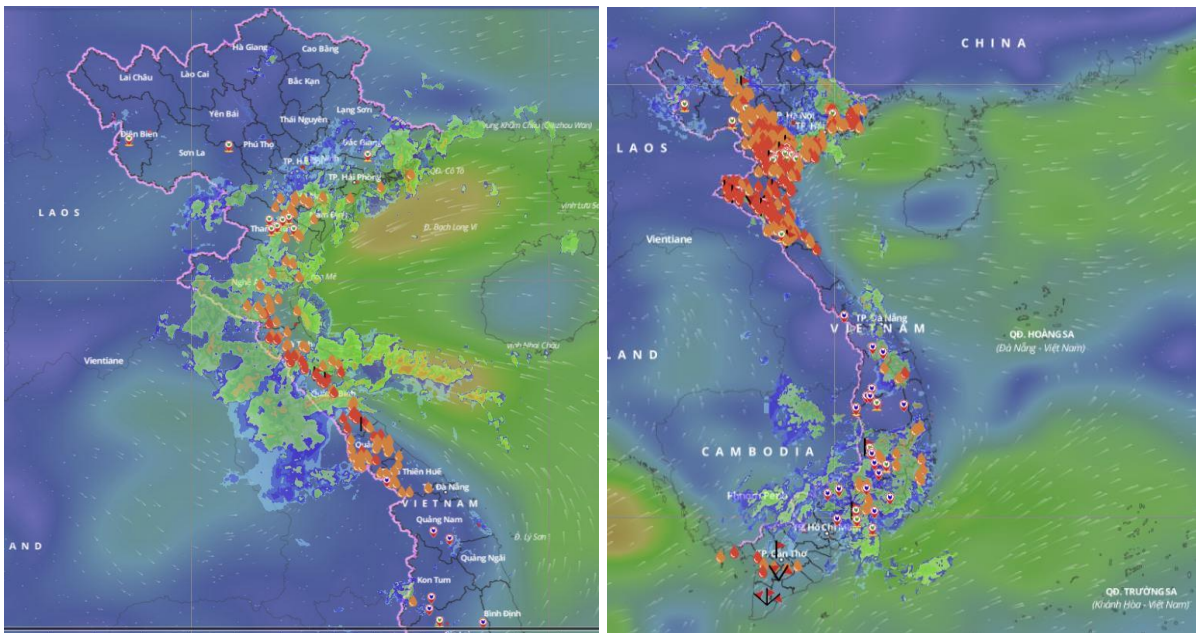


Áp thấp nhiệt đới từ ngày 24-26/9/2023 với sức gió mạnh cấp 7, giật cấp 9

Gió thực đo: Vùng biển từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi gió mạnh cấp 6-7, giật cấp 8-9 (đảo Cồn Cỏ gió cấp 7, giật cấp 8; đảo Lý Sơn gió cấp 7, giật cấp 7; đảo Cù Lao Chàm gió cấp 7, giật cấp 8), vùng ven biển gió mạnh cấp 4-5, giật cấp 6 (Đông Hà gió cấp 4, giật cấp 6; Huế gió cấp 4, giật cấp 6; Đà Nẵng gió cấp 4, giật cấp 6).

1.2. Về mưa

Từ ngày 24-29/9, do ảnh hưởng của Dải hội tụ nhiệt đới (ITCZ) kết hợp với hoàn lưu của ATNĐ và KKLTC nên ở khu vực đồng bằng và trung du Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ có mưa vừa, mưa to và dông, có nơi mưa rất to; riêng khu vực từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế có mưa to đến rất to, có nơi mưa đặc biệt to. Lượng mưa phổ biến ở Trung Trung Bộ và Bình Định từ 100-300mm, có nơi trên 300mm như: Dân Hóa (Quảng Bình) 566,6mm, Thuận Hóa (Quảng Bình) 455,6mm, Triệu Ái (Quảng Trị) 335,4mm, Bạch Mã (Thừa Thiên Huế) 389,2mm, Thủy Bằng (Thừa Thiên Huế) 358,4mm; ở Bắc Trung Bộ từ 300-500mm có nơi trên 600mm như: Quan Sơn (Thanh Hóa) 696,2mm, Thác Mười (Nghệ An) 729,6mm, Phú Gia (Hà Tĩnh) 648,2mm; ở phía Đông Bắc Bộ, Hòa Bình và Nam Sơn La, Lào Cai, Yên Bái từ 150-300mm, có nơi trên 350mm như: Đông Cứu (Phú Thọ) 362,6mm, Hương Sơn (Hà Nội) 436,4mm, Ba Sao (Hà Nam) 395,0mm, Thái Ninh (Thái Bình) 384,2mm,.



Mưa lớn do ảnh hưởng của ATNĐ

1.3 Về lũ, lũ quét, sạt lở đất

Từ ngày 25-30/9, trên các sông từ Thanh Hoá đến Quảng Bình xảy ra một đợt lũ do ảnh hưởng của ATNĐ gây mưa lớn, đỉnh lũ trên thượng lưu sông Mã (Thanh Hoá), sông Cả (Nghệ An), sông La (Hà Tĩnh) và sông Gianh (Quảng Bình) đạt mức BĐ1-BĐ2 và trên BĐ2; hạ lưu sông Cả ở trên mức BĐ1; hạ lưu sông Mã, sông La ở dưới BĐ1.

Ngoài ra, mưa lớn kéo dài nhiều ngày nên ngày 27/9, đã xảy ra lũ ống tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An; ngày 28/9, xảy ra lũ quét trên tuyến đường từ xã Cao Sơn đi xã Trung Thành, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó

2.1. Ban hành văn bản chỉ đạo

- Ngày 24/9/2023, Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai có Công điện số 11/CĐ-QG hồi 18h00 gửi các Ban chỉ huy PCTT và TKCN các tỉnh Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ và các bộ, ngành về việc chủ động ứng phó diễn biến ATNĐ.
- Ngày 24/9/2023, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai có văn bản số 354/VPTT về việc ứng phó với mưa lớn, nguy cơ ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.
- Ngày 24/9/2023, Bộ Công an có công điện số 06/CĐ-V01 chỉ đạo Công an các tỉnh, thành phố Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ chủ động ứng phó với diễn biến ATNĐ và mưa lớn.
- Ngày 28/9/2022, Bộ Y tế đã có công điện số 1265/CĐ-BYT ngày 28/9/2023 về việc triển khai công tác y tế ứng phó với mưa lũ.
- Ngoài ra, lãnh đạo Ban Chỉ đạo, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo thường xuyên liên hệ Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.

2.2. Tổ chức họp đánh giá tình hình triển khai các biện pháp ứng phó

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo duy trì công tác họp, giao ban, trực ban với các bộ, ngành để nắm bắt tình hình, diễn biến của ATNĐ, bão và thường xuyên liên hệ Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố, thành phố để nắm bắt tình hình và hỗ trợ, hướng dẫn xử lý các tình huống phát sinh.

2.3. Tăng cường công tác trực ban theo dõi, giám sát diễn biến và tham mưu chỉ đạo:

Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo duy trì, tăng cường công tác trực ban 24/24h phòng, chống bão, mưa lớn từ ngày 25-27/9:

- Thường xuyên trao đổi với các bộ ngành và đơn đốc các địa phương, nắm bắt tình hình ứng phó như: Kêu gọi, kiểm đếm tàu thuyền; rà soát, cập nhật phương án ứng

phó, đặc biệt là phương án sơ tán dân các địa phương trọng tâm ATNĐ, mưa lũ ảnh hưởng.

- Theo dõi sát thông tin diễn biến bão, mưa lũ từ Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS), tham khảo các đài quốc tế, khu vực và số liệu trực tuyến theo thời gian thực qua hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS) của Ban Chỉ đạo để có phương án chỉ đạo ứng phó phù hợp, sát với thực tiễn.

2.4. Các bộ, ngành:

Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ triển khai ứng phó bão, mưa lũ:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo:

+ Chỉ đạo Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai (Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo) tổ chức trực ban, theo dõi diễn biến ATNĐ, mưa lũ; chủ trì tổ chức họp với các cơ quan đầu mối giúp việc các Bộ ngành liên quan; ban hành, tham mưu Ban Chỉ đạo ban hành các văn bản chỉ đạo để ứng phó với bão, mưa lũ; thường xuyên liên hệ lãnh đạo Ban Chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh, thành phố để nắm bắt tình hình và chỉ đạo, hỗ trợ xử lý các tình huống phát sinh.

+ Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền, nuôi trồng thủy sản, đê điều, hồ chứa và sản xuất nông nghiệp, thu hoạch sớm lúa, hoa màu, thủy sản đã đến thời kỳ thu hoạch.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo theo dõi sát diễn biến của ATNĐ, mưa lũ, cung cấp kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo ATNĐ, mưa lũ phục vụ công tác chỉ đạo.

- Bộ Quốc phòng chỉ đạo sẵn sàng phương tiện ứng trực; Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng phối hợp với ngành thủy sản, chính quyền địa phương kêu gọi, kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền di chuyển tránh trú ATNĐ và tổ chức sắp xếp tại nơi neo đậu.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo duy trì thông tin liên lạc phục vụ ứng phó và tổ chức nhắn tin đến thuê bao trong khu vực ảnh hưởng của ATNĐ, mưa lũ.

- Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng đưa tin về diễn biến ATNĐ, mưa lũ và công tác chỉ đạo ứng phó.

3. Kết quả chỉ đạo ứng phó

Về tàu thuyền: Đã thông báo, kiểm đếm, hướng dẫn cho 26.961 phương tiện/147.456 người biết diễn biến, hướng đi của ATNĐ để chủ động phòng tránh.

4. Tình hình thiệt hại:

Theo báo cáo nhanh của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La, Hòa Bình, Bắc Giang, Phú Thọ, Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình, Thái Bình, Nam Định, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, mưa, lũ lớn do ảnh hưởng của ATNĐ từ ngày 24-29/9/2023 gây thiệt hại như sau:

- Về người: 10 người chết (Sơn La 03; Hòa Bình 01; Phú Thọ 01; Thanh Hóa 03; Nghệ An 01; Quảng Trị 01), 11 người bị thương.
- Về nhà ở: 29 nhà bị thiệt hại hoàn toàn; 460 nhà bị hư hỏng; 2.580 nhà bị ngập nước (tại thời điểm ngập lớn nhất là 2.337 nhà tại Nghệ An).
- Về nông nghiệp: 40.661 ha lúa, hoa màu; 8.748 ha cây trồng khác bị ngập úng, thiệt hại.
- Về chăn nuôi: 2.166 con gia súc; 41.265 con gia cầm bị chết, cuốn trôi; 14 lồng bè và trên 2.518 ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại.
- Về thủy lợi: 15.494 m đê, kè, kênh mương bị sạt lở, hư hỏng.
- Về giao thông: 55.208 m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với trên 312.128 m³ đất, đá, bê tông.

Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế trên 1.055 tỷ đồng.

5. Nhận xét

ATNĐ xảy ra vào tháng 9 không ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta, tuy nhiên đã gián tiếp gây gió mạnh trên biển và mưa lớn diện rộng ở Trung Bộ và một số tỉnh ở Bắc Bộ. Từ Trung ương đến địa phương đã sát sao theo dõi, chỉ đạo công tác ứng phó với mưa, lũ, tuy nhiên, do nhiều yếu tố như sự bất cẩn của người dân, mưa lũ cực đoan, diễn biến phức tạp do biến đổi khí hậu,... nên vẫn có thiệt hại về người và tài sản đáng tiếc xảy ra.

2. MƯA LŨ, NGẬP LỤT, SẠT LỞ ĐẤT

Năm 2023, mưa lớn diện rộng xảy ra ít hơn so với trung bình nhiều năm, mùa lũ chính vụ ở khu vực Bắc Bộ bắt đầu muộn và kết thúc sớm hơn TBNN; khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên tập trung từ cuối tháng 9 đến đầu tháng 12. Các đợt mưa lớn ở khu vực Trung Trung Bộ đa phần không kéo dài, phổ biến chỉ xảy ra từ 2-3 ngày, tuy nhiên, ở khu vực Trung Bộ có tổng lượng mưa tương đối lớn, mưa lớn dồn dập xảy ra trong thời gian ngắn nhiều hơn so với năm 2022. Điển hình là đợt mưa trong tháng 10 kéo dài 09 ngày từ ngày 11-18/10/2023 đã gây ra mưa lớn ở khu vực Trung Trung Bộ với tổng lượng mưa từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Nam từ 700-1000mm, cơ nơi trên 1.300mm gây ngập sâu nhiều khu vực của thành phố,... ; đợt mưa tháng 11 kéo dài 5 ngày từ ngày 13-17/11 gây mưa lớn, ngập lụt tại khu vực Trung Trung Bộ với tổng lượng mưa phổ biến từ 400-700mm, có nơi trên 900mm, đặc biệt là tại Thừa Thiên Huế xảy ra mưa cực đoan trong thời gian ngắn (800mm/24h) gây ngập lụt diện rộng hạ lưu sông Hương và sông Bồ.

Trong năm 2023, mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất đã làm 84 người chết, mất tích; ước tính thiệt hại trên 7.607 tỷ đồng.

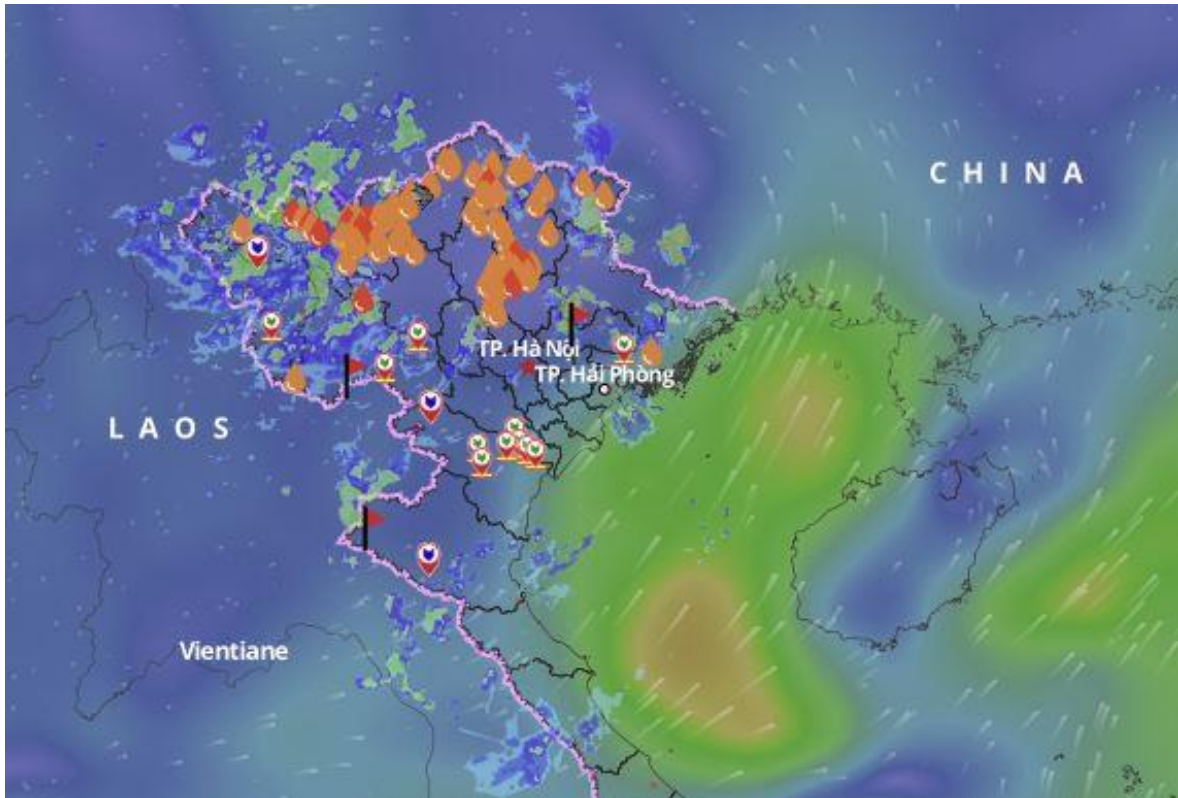
MƯA LỚN, LŨ, NGẬP LỤT, SẠT LỞ ĐẤT, LŨ QUÉT TẠI KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

(Từ ngày 02-08/8/2023)

1. Diễn biến:

1.1. Mưa:

Từ ngày 02-08/8, khu vực miền núi Bắc Bộ có mưa to đến rất to với tổng lượng mưa phổ biến từ 300-400mm; một số trạm mưa lớn như: Chế Tạo (Yên Bái) 567mm; Bum Tở (Lai Châu) 492mm; Tà Tổng (Lai Châu) 475mm; Chiềng Lao (Sơn La) 475mm; Mường Trai (Sơn La) 449mm; Mường Nhé (Điện Biên) 391mm; Gia Phú (Lào Cai) 351mm.



Mưa lớn khu vực miền núi Bắc Bộ từ 02-08/8 gây lũ cục bộ trên sông, suối nhỏ

1.2. Lũ, lũ quét, sạt lở đất và ngập lụt:

Mưa lớn đã gây lũ cục bộ trên sông suối nhỏ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt tại nhiều địa phương khu vực miền núi phía Bắc, đặc biệt tại huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái đã xảy ra lũ quét, sạt lở đất gây thiệt hại lớn về người, nhà ở, sản xuất, cơ sở hạ tầng, nhất là tại các tỉnh Lai Châu, Yên Bái, Sơn La, Lào Cai,...

2. Công tác chỉ đạo ứng phó

2.1 Trung ương

- Thủ tướng Chính phủ đã có Công điện số 726/CĐ-TTg ngày 06/8/2023 chỉ đạo các Bộ, ngành và các địa phương về tập trung ứng phó, khắc phục hậu quả mưa lũ ở miền núi và trung du Bắc Bộ.

- Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai:

+ Ngày 01/8, đã sớm có văn bản đề nghị Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ triển khai các biện pháp ứng phó mưa lớn, nguy cơ ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.

+ Sáng ngày 05/8, ban hành Công điện số 08/CĐ-QG gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh miền núi phía Bắc yêu cầu tập trung ứng phó với diễn biến mưa lớn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất; văn bản số 296/VPTT đề nghị Tập đoàn Điện lực Việt Nam chủ động vận hành hồ chứa trên lưu vực sông Hồng ứng phó mưa lũ.

+ Chiều ngày 06/8, thành lập đoàn công tác do Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo - Chánh Văn phòng thường trực làm Trưởng đoàn đi kiểm tra, chỉ đạo công tác ứng phó, khắc phục hậu quả mưa lũ, sạt lở đất tại tỉnh Lai Châu.



Ông Phạm Đức Luận - Chánh Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai thăm hỏi, động viên các lực lượng chức năng và người dân địa phương

+ Ngày 08/8, Bộ trưởng Lê Minh Hoan - Phó trưởng ban thường trực chủ trì cuộc họp trực tuyến với các Bộ, ngành và 14 tỉnh miền núi phía Bắc để ứng phó, khắc phục hậu quả mưa lũ.



2.2 Địa phương

- Các địa phương ban hành công điện và nghiêm túc triển khai các Công điện của Thủ tướng Chính phủ, Công điện Ban Chỉ đạo quốc gia về PCTT và Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức các đoàn trực tiếp xuống hiện trường chỉ huy công tác ứng phó với mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất; động viên, thăm hỏi gia đình các nạn nhân bị thiệt hại do thiên tai.
- Huy động lực lượng, phương tiện di dời 163 hộ dân (Sơn La 41, Lai Châu 88, Yên Bái 34) trong khu vực nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; hỗ trợ người dân khắc phục tạm thời nhà ở; tổ chức cấm biển cảnh báo, phân luồng giao thông tại ngầm tràn, đường ngập sâu; huy động lực lượng, phương tiện khắc phục sạt lở, thông tuyến bước đầu,...

3. Thiệt hại

Mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất đã gây thiệt hại như sau:

- Về người: 16 người chết, mất tích (Hà Giang 01; Cao Bằng 01; Lào Cai 01; Yên Bái 04; Lai Châu 06; Sơn La 02; Thái Nguyên 01), 10 người bị thương.
- Về nhà ở: 109 nhà thiệt hại hoàn toàn; 1.580 nhà bị hư hỏng, tốc mái.
- Về nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản: 1.611 ha lúa, hoa màu, 168 ha cây trồng khác bị ngập úng, thiệt hại; 458 con gia súc, 3.409 con gia cầm bị chết, cuốn trôi; 25 ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại.
- Về thủy lợi: 32.415 m kè, kênh mương bị sạt lở, hư hỏng.
- Về giao thông: 394.449 m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với tổng khối lượng đất, đá, bê tông trên 1,37 triệu m³.

Ước tính tổng thiệt hại kinh tế trên 969,8 tỷ đồng.



Nhiều nhà dân bị mưa lũ vùi lấp gây thiệt hại nặng về người và tài sản.

MƯA LỚN, SẠT LỞ KHU VỰC TÂY NGUYÊN

(Từ tháng 6-8/2023)

1. Diễn biến mưa:

Từ giữa tháng 6/2023 đến đầu tháng 8/2023, khu vực Tây Nguyên xảy ra nhiều đợt mưa lớn gây sạt lở, thiệt hại nghiêm trọng về người, nhà ở, cơ sở hạ tầng. Một số đợt mưa lớn, sạt lở điển hình như:

- Rạng sáng ngày 29/6, tại TP. Đà Lạt đã xảy ra mưa lớn lên tới 128mm, gây ra 13 vụ sạt lở đã làm 02 người chết, 03 người bị thương, 02 nhà bị sập, 10 nhà bị hư hỏng,...



Mưa lớn gây sạt lở tại TP Đà Lạt rạng sáng ngày 29/6/2023

- Từ ngày 29/7-04/8, khu vực Tây Nguyên xảy ra mưa lớn từ 250-350mm, một số trạm mưa lớn như Ia Toi (Kon Tum) 343mm; Ia O (Gia Lai) 345mm; Quảng Thành (Đắk Nông) 573mm; Đèo Bảo Lộc (Lâm Đồng) 589mm; mưa lớn đã gây sạt lở đất, ngập úng cục bộ, đặc biệt vụ sạt lở nghiêm trọng ngày 30/7 tại đèo Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã vùi lấp 03 chiến sỹ công an và 01 người dân; nhiều điểm sạt lở tại đèo Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng, đường Hồ Chí Minh, tỉnh Đắk Nông,...; một số công trình thủy lợi bị hư hại như: Hồ chứa Đồng Thanh, tỉnh Lâm Đồng và hồ chứa Đắk N'Ting, tỉnh Đắk Nông.



Mưa lớn gây sạt lở tại đèo Bảo Lộc, Lâm Đồng



Sạt lở xảy ra tại Hồ chứa Đông Thanh - Lâm Đồng

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó

2.1. Trung ương:

- Thủ tướng Chính phủ đã có các Công điện số 725/CĐ-TTg ngày 04/8/2023 về tập trung ứng phó mưa lũ, sụt lún, sạt lở đất, bảo đảm an toàn hồ đập tại các tỉnh Tây Nguyên; số 691/CĐ-TTg ngày 31/7/2023 về việc tập trung khắc phục sạt lở đất tại đèo Bảo Lộc, chủ động ứng phó với mưa lớn khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ.

- Ngày 31/7/2023, đoàn công tác do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng Ban Chỉ đạo làm trưởng đoàn để kiểm tra và chỉ đạo công tác ứng phó, khắc phục hậu quả do mưa lũ, sạt lở đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.



- Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã ban hành Quyết định số 11/QĐ-QGPCTT ngày 04/8/2023 thành lập Đoàn công tác liên ngành do Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp - Phó Trưởng ban làm Trưởng đoàn kiểm tra, đánh giá tình hình lũ, ngập lụt và sạt lở đất tại các tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng từ ngày 6-8/8/2023.



- Ngày 30/7/2023, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã có công điện số 06/CĐ-QG gửi các tỉnh khu vực miền Trung, Tây Nguyên ứng phó với mưa lớn; văn bản số 286/VPTT gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng về việc ứng phó, khắc phục hậu quả do mưa lớn; ngày 18/8/2023, đã có văn bản số 315/VPTT gửi các tỉnh khu vực Tây Nguyên đề nghị ứng phó với mưa lớn, sạt lở đất trong khu vực.

2.2. Địa phương

- Các địa phương ban hành công điện và nghiêm túc triển khai các công điện của Thủ tướng Chính phủ, Công điện Ban Chỉ đạo quốc gia về PCTT và Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT.

- Tổ chức các đoàn trực tiếp xuống hiện trường chỉ huy công tác ứng phó với mưa lớn, sạt lở đất và tìm kiếm, cứu nạn các nạn nhân bị sạt lở; động viên, thăm hỏi gia đình các nạn nhân bị thiệt hại do thiên tai.

- Huy động lực lượng, phương tiện di dời các hộ dân trong khu vực nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất; hỗ trợ người dân khắc phục tạm thời nhà ở; tổ chức cắm biển cảnh báo, phân luồng giao thông tại ngầm tràn, đường ngập sâu, khắc phục sạt lở.

- Ngày 08/8/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai để ứng phó, khắc phục đối với 03 công trình, khu vực hồ chứa nước Đắk N'Ting (xã Quảng Sơn, huyện Đắk G'long); đường Hồ Chí Minh tại Km 1.900+350 (đoạn qua phường Nghĩa Thành, TP. Gia Nghĩa); khu vực sạt trượt ở Bon Bu Krắc và Bon Bu Prăng 1A (xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức).

3. Thiệt hại

Mưa lớn, ngập lụt và sạt lở từ giữa tháng 6 đến đầu tháng 8 đã gây thiệt hại như sau:

- Về người: 09 người chết (Lâm Đồng 07; Đắk Nông 02).

- Về nhà ở: 07 nhà thiệt hại hoàn toàn; 110 nhà bị hư hỏng.

- Về nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản: 8.264 ha lúa, hoa màu, 656 ha cây trồng khác bị ngập úng, thiệt hại; 4.944 con gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi; 10 lồng bè và 252 ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại.

- Về thủy lợi, đê điều: 19.805m kênh mương bị sạt lở, hư hỏng; 07 hồ chứa bị sạt lở, hư hại.

- Về giao thông: 17.831 m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với tổng khối trên 2.236 m³ đất, đá, bê tông.

Ước tính thiệt hại về kinh tế khoảng 1.228 tỷ đồng

MƯA LỚN, LŨ, NGẬP LỤT TẠI KHU VỰC MIỀN TRUNG

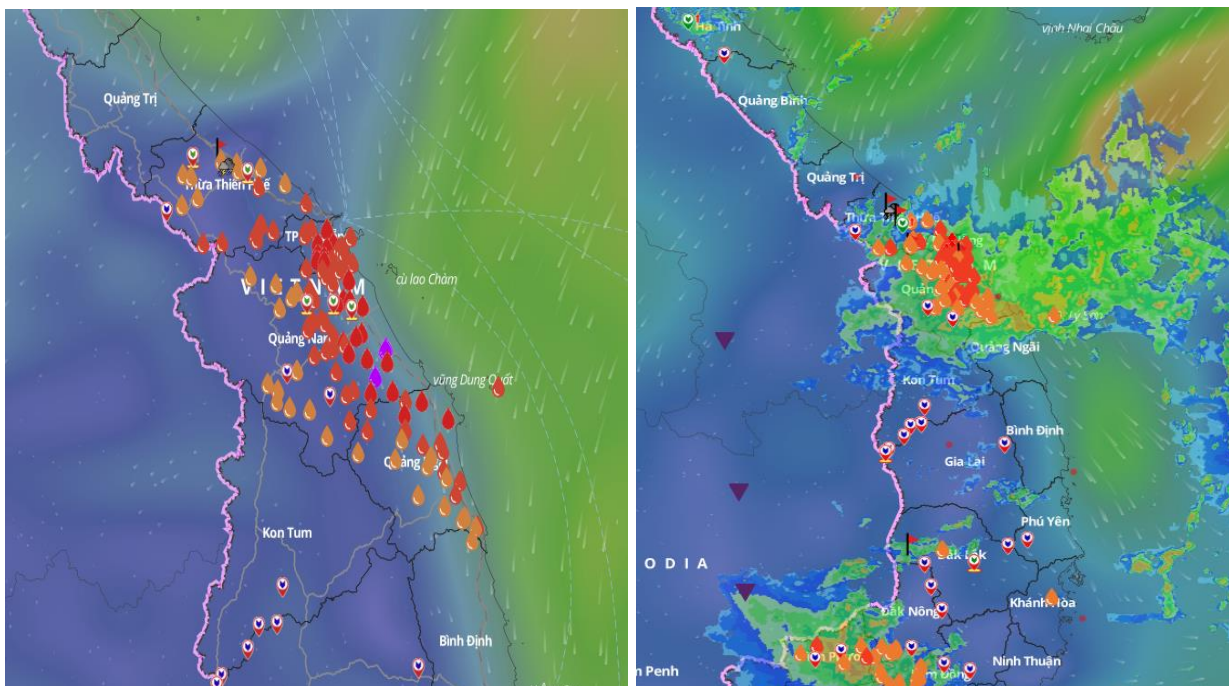
(Từ ngày 10-17/10/2023)

1. Diễn biến mưa lũ:

1.1. Mưa

Từ ngày 10-17/10/2023, các tỉnh miền Trung từ Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi đã có mưa to đến rất to, trong đó tại TP. Đà Nẵng từ 900-1.200mm, có nơi trên 1.300mm, Thừa Thiên Huế từ 800-1.100mm, Quảng Nam từ 700-1.000mm; từ Hà Tĩnh - Quảng Trị và Quảng Ngãi từ 300-600mm; một số trạm mưa rất lớn như: xã Nhâm (Thừa Thiên Huế) 2.235 mm; Tà Lương (Thừa Thiên Huế) 1.890mm; TP. Huế (Thừa Thiên Huế) 1.381mm; Hòa Khê (Đà Nẵng) 1.399mm; Suối Đá (Đà Nẵng) 1.357mm; Đại Hiệp (Quảng Nam) 1.192mm.

Tại thành phố Đà Nẵng, mưa tổng lượng rất lớn (trên 1.000mm), mưa kéo dài, lượng mưa ngày lớn nhất là 454mm/ngày tại hồ Hồ Cau ngày 14/10 (bằng 58% lượng mưa ngày lớn nhất năm 2022); mưa 01 giờ lớn nhất tại hồ Thạch Gián là 71mm/giờ (bằng 43% cường suất mưa giờ năm 2022). So sánh với đợt mưa từ ngày 14-16/10/2022: Tổng đợt lớn nhất là 831mm (Suối Đá); tuy nhiên cường suất mưa rất lớn là 787mm/ngày (Suối Đá); mưa giờ lớn nhất là 165mm/giờ (Suối Đá).



Mưa lớn xảy ra tại miền Trung từ ngày 10-18/10/2023

1.2. Lũ, ngập lụt

Mưa lớn đã ngập lụt nghiêm trọng các khu vực trũng, thấp tại TP. Đà Nẵng, trong đó thời điểm ngập lớn nhất chiều tối ngày 14/10 với 48/77 phường, xã có khu vực bị ngập (ngập lụt từ 0,3-0,5m, một số nơi ngập rất sâu từ 1,5-2,0m như phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu; phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê; phường Mỹ Lộc, huyện Hoà Vang,...), ngập cục bộ một số khu vực trũng thấp tại Thừa Thiên Huế và các tỉnh miền Trung khác.

Lũ trên các sông Quảng Bình, Thừa Thiên Huế ở mức trên BĐ1, đỉnh lũ trên các sông như sau:

- Trên sông Bồ (TT.Huế) tại Phú Ốc là 4,37m, dưới BĐ3 là 0,13m (13h/18/10).
- Trên sông Hương (TT.Huế) tại Kim Long là 2,38m, trên BĐ2 là 0,38m (15h/18/10).
- Trên sông Kiến Giang (Quảng Bình) tại Lệ Thủy là 1,91m, dưới BĐ2 là 0,29m (16/18/10).

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó

2.1. Trung ương

- Ngày 12/10/2023, Thủ tướng chính phủ đã ban hành Công điện số 950/CD-TTg gửi Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các bộ, ngành, địa phương từ Thanh Hoá đến Quảng Ngãi về việc chủ động ứng phó mưa lũ.
- Ban Chỉ đạo đã ban hành 03 văn bản, công điện chỉ đạo từ rất sớm (ngày 09/10/2023); cử đoàn công tác của Văn phòng thường trực kiểm tra, chỉ đạo công tác ứng phó và khắc phục hậu quả tại tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng; phối hợp với Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam hỗ trợ 2.000 thùng mì tôm cho người dân thành phố Đà Nẵng để khắc phục hậu quả.
- Bộ Y tế đã có công điện số công điện số 1348/CD-BYT ngày 17/10/2023 về việc triển khai công tác y tế ứng phó với mưa lũ.
- Các Bộ Công an, Công thương, Giao thông Vận tải, Giáo dục và Đào tạo đã có công điện chỉ đạo ứng phó với mưa lũ.
- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai tổ chức trực ban, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai, chuyển các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai tới các địa phương để triển khai các biện pháp ứng phó.



Đoàn công tác động viên, tặng nhu yếu phẩm cho hộ gia đình vừa bị ngập lụt sâu ở quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

2.2. Địa phương

- Các tỉnh đã triển khai ứng phó với mưa lũ; kiểm soát giao thông tại các ngàm, tràn, đường bị ngập sâu; xử lý sạt lở, thông tuyến giao thông.
- Tổ chức sơ tán 7.264 người dân khu vực bị ngập sâu (Quảng Bình: 08 người; Quảng Trị: 147 người, Thừa Thiên Huế: 421 người, TP. Đà Nẵng 6.835 người). Đến sáng 16/10, người dân đi sơ tán cơ bản đã trở về nhà.
- Tỉnh Thừa Thiên Huế cho học sinh nghỉ học ngày 13-14/10; TP. Đà Nẵng cho học sinh nghỉ học các ngày 13, 14, 16, 17/10; TP. Tam Kỳ, Quảng Nam cho học sinh nghỉ học trong ngày 16/10; Quảng Trị cho học sinh 19 điểm trường tại huyện Hải Lăng, Gio Linh nghỉ học ngày 18/10.
- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN thành phố Đà Nẵng đã tổ chức họp; Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố trực tiếp kiểm tra chỉ đạo ứng phó với mưa lớn; huy động 4.833 cán bộ, chiến sĩ ứng trực tại các địa bàn xung yếu và sơ tán người dân khỏi khu vực ngập lụt; bố trí các máy bơm dã chiến để bơm tiêu thoát nước các khu vực trũng thấp.
- Bộ chỉ huy quân sự Thừa Thiên Huế đã huy động 100 cán bộ, chiến sĩ, dân quân và người dân xử lý sự cố sạt lở bờ kênh nội đồng tại khu vực xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền.

- Các địa phương vận hành đảm bảo an toàn hồ chứa và hạ du trong đó từ ngày 10-20/10 cụ thể như sau:

+ Liên hồ chứa trên lưu vực sông Hương: Cắt giảm 822,9 triệu m³ cho hạ du, trong đó mực nước thượng lưu hồ Bình Điền tăng 22,13m, cắt giảm 259,2 triệu m³; hồ Hương Điền tăng 9,29m, cắt giảm 280,4 triệu m³; hồ Tả Trạch tăng 17,66m, cắt giảm 283,3 triệu m³.

+ Liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn: Cắt giảm 480,7 triệu m³ cho hạ du, trong đó hồ A Vương tăng 22,34m, cắt giảm 150,7 triệu m³; hồ Đăk Mi 4 tăng 9,95m, cắt giảm 90,5 triệu m³; hồ Sông Bung 4 tăng 3,87m, cắt giảm 49,7 triệu m³; hồ Sông Tranh 2 tăng 14,07m, cắt giảm 189,8 triệu m³.

3. Thiệt hại

Mưa lũ, ngập lụt, sạt lở đất gây thiệt hại như sau:

- Về người: 02 người chết (Thừa Thiên Huế 01; Quảng Nam 01); 02 người bị thương.
- Về nhà ở: 09 nhà bị hư hỏng; 3.765 nhà bị ngập nước (Quảng Trị 317; Thừa Thiên Huế 1.820; Đà Nẵng 1.432; Quảng Nam 196).
- Về nông nghiệp, chăn nuôi: 842,9 ha lúa, hoa màu bị ngập, thiệt hại; 732 con gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi.
- Về thủy lợi, đê điều: 15.063 m đê, kè, kênh mương; 27.579 m bờ sông, bờ biển bị sạt lở, hư hỏng.
- Về giao thông: 10.400 m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với tổng khối lượng trên 42.686 m³ đất, đá, bê tông.

Ước tính thiệt hại về kinh tế trên 548,6 tỷ đồng.

MƯA LŨ TẠI KHU VỰC MIỀN TRUNG TỪ NGÀY 29/10 - 02/11/2023

1. Diễn biến thiên tai

1.1. Mưa

Do ảnh hưởng của không khí lạnh kết hợp nhiều động gió Đông trên cao, các tỉnh miền Trung từ Hà Tĩnh đến Bình Định đã có mưa to đến rất to, trong đó Hà Tĩnh mưa phổ biến từ 250-450mm có nơi trên 600mm; Quảng Nam - Quảng Ngãi từ 200-400mm; các tỉnh khác từ 150-300mm; một số trạm mưa lớn như: Hương Thủy (Hà Tĩnh) 698,6mm; Phúc Đồng (Hà Tĩnh) 645,2mm; Chu Lễ (Hà Tĩnh) 521mm, Quảng Phúc (Quảng Bình) 286,4mm; Bạch Mã (Thừa Thiên Huế) 312mm; Trà Giáp (Quảng Nam) 447mm, Trà Hiệp (Quảng Ngãi) 522mm.

1.2. Lũ, ngập lụt

Mưa lớn gây lũ trên BĐ3 trên sông Ngàn Sâu, tỉnh Hà Tĩnh và trên BĐ1 sông Kiến Giang, tỉnh Quảng Bình; đỉnh lũ trên các sông như sau:

- Trên sông Ngàn Sâu (Hà Tĩnh) tại Chu Lễ là 14,39m, trên BĐ3 là 0,39m (lúc 01h/31/10); tại Hoà Duyệt là 9,84m, dưới BĐ3 là 0,66m (lúc 17h/31/10).
- Trên sông Kiến Giang (Quảng Bình) tại Lệ Thủy là 1,62m, trên BĐ1 là 0,42m (14h/30/10).

Mưa lớn đã ngập lụt nghiêm trọng các khu vực trũng, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (nhất là các huyện Hương Khê, Vũ Quang) và ngập lụt vùng trũng, thấp các tỉnh từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi.

2. Công tác chỉ đạo, ứng phó

2.1. Trung ương

- Ngày 31/10/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 1034/CD-TTg yêu cầu Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN, các Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo, triển khai công tác ứng phó mưa, lũ, bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân khu vực miền Trung và Tây nguyên.
- Ngày 31/10/2023, đoàn công tác của Ban Chỉ đạo do Thứ trưởng - Phó Trưởng ban Nguyễn Hoàng Hiệp làm trưởng đoàn kiểm tra tình hình mưa lũ, hiện trạng hồ đập và công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai tại tỉnh Hà Tĩnh.



Thứ trưởng Bộ nông nghiệp và PTNT Nguyễn Hoàng Hiệp - Phó Trưởng ban và đoàn công tác kiểm tra hồ chứa công trình Thủy điện Ngàn Trươi, huyện Vũ Quang.

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã ban hành 02 văn bản (công văn số 400/VPTT ngày 30/10 và số 399/VPTT ngày 29/10/2023) gửi các tỉnh chỉ đạo các tỉnh, thành phố từ Nghệ An đến Phú Yên về việc ứng phó với mưa lớn, ngập lụt, nguy cơ lũ, lũ quét, sạt lở đất.
- Bộ Y tế đã có công điện số 1391/CD-BYT ngày 01/11/2023 về việc chủ động triển khai công tác y tế ứng phó với mưa lũ.
- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai tổ chức trực ban, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai, chuyển các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai tới các địa phương để triển khai các biện pháp ứng phó.

2.2. Địa phương

- Các tỉnh đã triển khai ứng phó với mưa lũ; kiểm soát giao thông tại các ngầm, tràn, đường bị ngập sâu; xử lý sạt lở, thông tuyến giao thông.
- Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh và các thành viên Ban Chỉ huy đã tổ chức đoàn công tác đôn đốc, chỉ đạo ứng phó với mưa lũ tại huyện Hương Khê; đã cho 54 trường/230.000 học sinh trên địa bàn huyện Hương Khê nghỉ học.

- Tổ chức sơ tán 98 hộ dân khu vực nguy cơ cao sạt lở đất nơi an toàn (Hà Tĩnh 04 hộ; Quảng Nam 95 hộ).

3. Thiệt hại

Mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở đã gây thiệt hại:

- Về người: 03 người chết do lũ cuốn ở Hà Tĩnh.
 - Về nhà: 02 nhà bị hư hỏng; 3.800 nhà bị ngập nước.
 - Về nông nghiệp, chăn nuôi: 250,2 ha lúa, rau màu bị thiệt hại; 19 con gia súc, 4.850 con gia cầm bị chết, cuốn trôi.
 - Về thủy sản: 422 ha diện tích nuôi, trồng thủy sản bị thiệt hại.
 - Về thủy lợi:
- + Đập Tát, xã Hòa Hải, huyện Hương Khê, Hà Tĩnh bị vỡ thân đập dài 15m, rộng 7m, sâu xuống 4m.
- + 5.400n kè, kênh mương; 4.950m bờ sông bị sạt lở, hư hỏng.
- Về giao thông: 10.310m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với tổng khối lượng trên 23.000m³ đất, đá, bê tông.

Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế trên 223,6 tỉ đồng



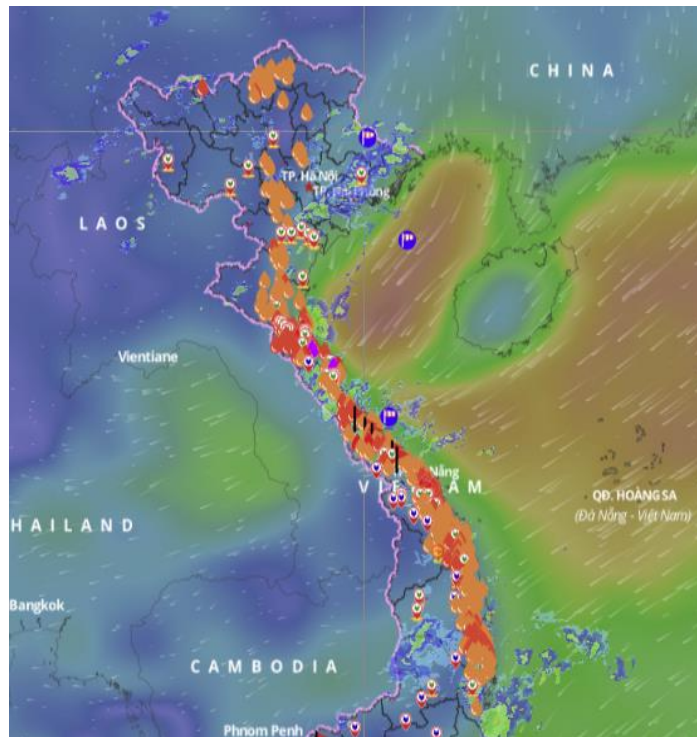
Đập Tát (xã Hòa Hải, huyện Hương Khê) bị vỡ thân đập trong ngày 30/10.

MƯA LỚN, LŨ, NGẬP LỤT TẠI KHU VỰC MIỀN TRUNG TỪ NGÀY 13-17/11/2023

1. Diễn biến mưa, lũ

1.1. Mưa:

Từ ngày 13-17/11/2023, do ảnh hưởng của không khí lạnh tăng cường kết hợp với nhiễu động trong đới gió Đông trên cao, các tỉnh miền Trung từ Hà Tĩnh đến Ninh Thuận đã có mưa to đến rất to, trong đó Thừa Thiên Huế có mưa từ 600-1.100mm, có nơi trên 1.300mm (đặc biệt mưa cường suất rất lớn 957mm/ngày (Thượng Quảng)); Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định có mưa từ 300-500mm, có nơi trên 600mm; Hà Tĩnh, Quảng Bình, Phú Yên mưa 200-300mm, có nơi trên 400mm; Ninh Thuận mưa phổ biến từ 100-200mm, cơ nơi trên 200mm. Một số trạm có mưa rất lớn như: Bạch Mã (Thừa Thiên Huế) 1.924mm; Thượng Lộ (Thừa Thiên Huế) 1.316mm, Bình Điền (Thừa Thiên Huế) 1.272mm; Rào Trăng 4 (TT.Huế) 1.223mm, Bà Nà (Đà Nẵng) 1.107mm; Đà Nẵng (TP. Đà Nẵng) 824mm, Phước Hiệp (Quảng Nam) 997mm, Ba Điền (Quảng Ngãi) 1.157mm; Canh Liên (Bình Định) 682mm; Sông Hinh (Phú Yên) 637mm; Khánh Hiệp (Khánh Hòa) 562mm.



Mưa lớn khu vực Trung Bộ từ 13-17/11/2023

1.2. Lũ

Từ ngày 13-18/11, trên các sông từ Quảng Bình đến Ninh Thuận đã xảy ra đợt lũ lớn nhất trong năm 2023. Đỉnh lũ trên các sông ở Thừa Thiên Huế trên mức BĐ3; sông Kiến Giang (Quảng Bình), sông Hiếu (Quảng Trị), sông Vu Gia-Thu Bồn (Quảng Nam), sông Trà Khúc-Vệ (Quảng Ngãi), sông Kôn (Bình Định), sông Ba tại Củng Sơn (Phú Yên), sông Dinh - Ninh Hoà, sông Cái - Nha Trang (Khánh Hoà), sông Cái Phan Rang (Ninh Thuận) lên mức BĐ2-BĐ3; sông Thạch Hãn (Quảng Trị), các sông nhỏ Bình Định, Phú Yên lên mức BĐ1-BĐ2. Cụ thể đỉnh lũ trên các sông như sau:

- Trên sông Hiếu tại Đông Hà 3,93m (03h/14/11, dưới BĐ3: 0,07m);
- Trên sông Thạch Hãn tại Thạch Hãn 3,82m (11h/14/11, dưới BĐ2: 0,68m);
- Trên sông Bồ tại Phú Ốc 4,99m (19h/15/11, trên BĐ3: 0,49m), thấp hơn lũ lịch sử năm 2020 là 0,25m và tương đương đỉnh lũ năm 2022.;
- Trên sông Hương tại Kim Long 4,34m (17h/15/11, trên BĐ3: 0,84m), thấp hơn lũ lịch sử năm 1999 là 1,47m và cao hơn đỉnh lũ năm 2020 và 2022;
- Trên sông Vu Gia tại Ái Nghĩa 8,69m (21h/14/11, dưới BĐ3: 0,31m);
- Trên sông Thu Bồn tại Nông Sơn 13,80m (18h/14/11, trên BĐ2: 0,80m), tại Cầu Lâu 3,29m (01h/15/11, trên BĐ2: 0,29m);
- Trên sông Trà Khúc tại Trà Khúc 6,16m (15h/14/11, dưới BĐ3: 0,34m);
- Trên sông Vệ tại Sông Vệ 4,32m (15h/14/11, dưới BĐ3: 0,18m);
- Trên sông Kôn tại Thạnh Hòa 7,54m (17h/17/11, dưới BĐ3: 0,46m);
- Trên sông Kỳ Lộ tại Hà Bằng 8,52m (13h/17/11, ở mức BĐ2);
- Trên sông Ba tại Củng Sơn 32,01m (04h/17/11, ở mức BĐ2);
- Trên sông Dinh tại Ninh Hòa 5,45m (05h/16/11, dưới BĐ3: 0,25m);
- Trên sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng 10,20m (20h/15/11, trên BĐ2: 0,70m);
- Trên sông Cái Phan Rang tại Tân Mỹ 37,85m (21h/16/11, trên BĐ3: 0,35m).



Mưa lớn ở Miền Trung, riêng Thừa Thiên Huế đến Phú Yên mưa to đến rất to

Mưa lớn đã ngập lụt nghiêm trọng các khu vực ven sông, trũng, thấp tại Thừa Thiên Huế, trong đó thời điểm ngập lớn nhất chiều tối ngày 14/11, ngày 15/11, ngập sâu một số khu vực trũng thấp tại các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi với tổng số 25.612 nhà ngập, nơi sâu nhất đến 1,0m (Quảng Trị 4.068 nhà, Thừa Thiên Huế: 20.522 nhà; TP. Đà Nẵng: 432 nhà; Quảng Ngãi: 162 nhà; Bình Định: 172 nhà; Phú Yên: 256 nhà).

2. Công tác chỉ đạo ứng phó

2.1. Trung ương

- Thủ tướng Chính phủ có Công điện số 1095/CD-TTg ngày 15/11/2023 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố từ Hà Tĩnh đến Phú Yên và các bộ, ngành liên quan về việc tập trung ứng phó, khắc phục hậu quả mưa lũ tại khu vực Trung Bộ.
- Vào hồi 18h ngày 16/11/2023, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng Ban Chỉ đạo đã chủ trì họp với các Bộ, ngành và tỉnh Thừa Thiên Huế để chỉ đạo công tác ứng phó và khắc phục hậu quả mưa lũ.



- Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai - Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn đã có Công điện số 17/CĐ-QG ngày 12/11/2023 chỉ đạo công tác ứng phó với mưa lũ từ Thanh Hoá đến Phú Yên.
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng, Công Thương, Y tế đã có công điện chỉ đạo ứng phó với mưa lớn, ngập lụt, nguy cơ lũ, lũ quét, sạt lở đất.
- Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai đã có công văn số 416/VPTT ngày 10/11/2023, 421/VPTT ngày 14/11/2023 và 424/VPTT ngày 15/11/2023 về chủ động ứng phó với mưa lớn, ngập lụt, nguy cơ lũ, lũ quét, sạt lở đất gió mùa Đông Bắc, gió mạnh trên biển và mưa lớn và vận hành hồ chứa đảm bảo an toàn hạ du lưu vực sông Hương; cử đoàn công tác chỉ đạo ứng phó mưa lớn, lũ, ngập lụt tại tỉnh Thừa Thiên Huế; đã phối hợp gửi tin nhắn trên ứng dụng Zalo cảnh báo và khuyến cáo kỹ năng ứng phó với mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất cho hơn 04 triệu tài khoản cá nhân trên địa bàn các tỉnh từ Quảng Trị đến Phú Yên.
- Ngày 18/11/2023, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai đã phối hợp với tổ chức UNICEF và công ty cổ phần Acecook Việt Nam, hỗ trợ 2.000 thùng mì tôm và 340 máy lọc nước giúp đỡ người dân tỉnh Thừa Thiên Huế khắc phục hậu quả mưa lũ.



2.2. Địa phương:

- Các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai Công điện số 1095/CD-TTg ngày 15/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Công điện số 17/CD-QG ngày 12/11/2023 của Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT, các Công văn số 416/VPTT, 421/VPTT và 424/VPTT của Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai, trong đó tổ chức sơ tán người dân, tìm kiếm người mất tích, cứu trợ người dân vùng ngập sâu, tổ chức kiểm soát giao thông khu vực ngập sâu, sạt lở, hỗ trợ người dân dọn vệ sinh môi trường, nhà ở sau lũ.

- Tỉnh Thừa Thiên Huế: Tối các ngày 13-15/11, Lãnh đạo UBND tỉnh đã đến Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh trực tiếp chỉ đạo công tác vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hương; ngày 16/11, Lãnh đạo UBND tỉnh đã tổ chức đoàn công tác kiểm tra, chỉ đạo việc triển khai khắc phục hậu quả tại huyện Quảng Điền; Công an tỉnh tổ chức trực 100% quân số; huy động 1.800 lượt CBCS bảo đảm an ninh trật tự, an toàn, hỗ trợ sơ tán người và di dời tài sản.

- Tổ chức sơ tán 4.903 hộ/19.933 người các khu vực ngập sâu, nguy cơ sạt lở đất, lũ quét đến nơi an toàn (Quảng Trị: 793 hộ/1.930 người; TT.Huế 3.968 hộ/17.453 người, TP. Đà Nẵng: 07 hộ/29 người, Q.Nam 50 hộ/183 người, Q.Ngãi: 51 hộ/183 người; Khánh Hòa 34 hộ/155 người).

- Các tỉnh cho học sinh khu vực mưa lớn, ngập sâu nghỉ học, trong đó Thừa Thiên Huế toàn tỉnh nghỉ học từ 15-17/11; huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị cho 10.314 học sinh nghỉ học ngày 16/11; Đà Nẵng cho nghỉ học ngày 13/11; Bình Định cho 107 lớp học/ tổng số 3.150 học sinh nghỉ học ngày 16/11; Khánh Hòa cho 4.311 học sinh nghỉ học ngày 16/11.

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh đã chỉ đạo vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông tham gia giảm lũ cho hạ du, đến nay các công trình đảm bảo an toàn, trong đó lưu vực sông Hương có diễn biến phức tạp, lưu lượng về tăng đột biến (Lưu lượng về/ Lưu lượng xả lớn nhất hồ Bình Điền 3.296/2.350 (m³/s); Hương Điền 3.333/3.333 (m³/s), Tả Trạch 4.992/2.218 (m³/s)).

3. Thiệt hại

Mưa lũ đã gây thiệt hại như sau:

- Về người: 08 người chết (Quảng Trị: 03; Thừa Thiên Huế: 03 người chết; Quảng Nam: 01; Phú Yên: 01 người chết).

- Về nhà: Thời điểm lớn nhất 25.612 nhà ngập, nơi sâu nhất đến 1,0m (Quảng Trị 4.068 nhà, Thừa Thiên Huế: 20.522 nhà; TP. Đà Nẵng: 432 nhà; Quảng Ngãi: 162 nhà; Bình Định: 172 nhà; Phú Yên: 256 nhà).

- Về nông nghiệp: 999 ha lúa, hoa màu; hơn 1,7 triệu chậu hoa, cây cảnh bị thiệt hại.

- Về chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: 138 con gia súc, 10.977 con gia cầm bị chết, cuốn trôi; 69 ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại.

- Về thủy lợi: 91.013 m đê, kè, kênh mương; 50.515 m bờ sông, bờ biển bị sạt lở, hư hỏng.

- Về giao thông: 46.104 m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với tổng khối lượng trên 95.540 m³ đất, đá, bê tông.

Thời điểm lớn nhất 85% các tuyến đường tại TP. Huế bị ngập; ngập lụt gây ách tắc tại các tuyến đường Quốc lộ 1A, 49B, 49C (T.T.Huế, Quảng Trị), tỉnh lộ 582, 582B, 584, 4, 6, 6B, 8C, 9, 11A, 11B, 11C, 17, 17B, nhiều tuyến đường liên thôn, xã (Quảng Trị, T.T.Huế). Tuyến đường sắt Bắc - Nam qua Thừa Thiên Huế đoạn gần ga Văn Xá (Hương Trà) và ga Phò Trạch (Phong Điền) bị ngập khoảng 0,3 - 0,5m, làm các chuyến tàu SE2, SE4 và SE6 (cùng chạy hướng Nam - Bắc) phải dừng lại ở Ga Huế trong ngày 16/11/2023.

Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế trên 667 tỷ đồng.

3. LŨ ỚNG, LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT

Trong năm 2023, do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn, mưa lớn cục bộ đã gây ra 05 trận lũ ống, lũ quét gây sạt lở đất gây thiệt hại không nhỏ về người và tài sản. Lũ ống, lũ quét xảy ra từ cuối tháng 7 đến hết tháng 9 cụ thể như sau:

TT	Tỉnh	Địa điểm	Thời gian
1	Bình Thuận	Lũ quét tại Tánh Linh.	27-29/7
2	Lào Cai	Lũ ống từ thượng nguồn đổ về làm sạt lở đất tại xã Hợp Thành, TP. Lào Cai.	07/8
3	Yên Bái	Lũ ống ở thôn Khe Dệt, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên.	08/8
4	Lào Cai	Lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng tại xã Liên Minh, TX. Sa Pa; lũ cuốn ở xã Phìn Ngan, h.Bát Xát.	20h30 ngày 12/9
5	Nghệ An	Lũ ống tại huyện Kỳ Sơn; sạt lở đất tại xã Mường Ải và Mường Típ (huyện Kỳ Sơn); bản Kê Can, xã Châu Bình (huyện Quỳnh Châu).	09h ngày 27/9

Ngoài các trận lũ ống, lũ quét xảy ra trong các đợt mưa lớn thì có trận lũ quét, sạt lở đất đặc biệt nghiêm trọng xảy ra tại xã Liên Minh, TX. Sa Pa; lũ cuốn ở xã Phìn Ngan, huyện Bát Xát, diễn biến cụ thể như sau:

1. Diễn biến

Từ chiều ngày 12/9 đến 07h00 ngày 13/9, trên địa bàn tỉnh Lào Cai có mưa vừa và dông, có nơi mưa to đến rất to, các huyện: Văn Bàn, Bát Xát, Thị xã Sa Pa, lượng mưa tính từ 17h ngày 12/9 đến 08h ngày 13/9, lượng mưa quan trắc được cụ thể như sau: Trung Chải (Thị xã Sa Pa) 170,8mm, Bản Hồ (Thị xã Sa Pa): 85,0 mm; Tả Van (Thị xã Sa Pa): 62,4mm; Gia Phú (Bảo Thắng): 109,2mm; Nhà máy Thủy điện Tà Thàng: 118,4mm; Phìn Ngan (Bát Xát): 81,0mm; Sơn Thủy (Văn Bàn): 106,6mm. Các khu vực còn lại có lượng mưa phổ biến từ 50-70mm. Lượng mưa đo được từ 19h/12/9 đến 07h/13/9 tại xã Liên Minh: Trạm Nậm Cang: 108,8mm; trạm Nậm Cang 2: 68,2mm. Mưa tập trung chủ yếu từ lúc 19- 21h/12/9 (trạm Nậm Cang: 78,6mm; trạm Nậm Cang 2: 43,2mm).

2. Thiệt hại

Mưa lũ trên toàn tỉnh và lũ quét xảy ra tại xã Liên Minh, Thị xã. Sa Pa, huyện Văn Bàn gây thiệt hại như sau:

- Về người: 09 người chết, mất tích (TX Sa Pa 08 người; huyện Văn Bàn 01 người).
- Về nhà ở: 02 nhà bị thiệt hại hoàn toàn; 21 nhà bị hư hỏng.
- Về nông nghiệp, thủy sản: 164 ha lúa, hoa màu, nhiều trại cá nước lạnh bị thiệt hại.
- Về giao thông: 607 m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng với tổng khối lượng trên 5.000 m³ đất, đá, bê tông.

Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế khoảng 260 tỷ đồng.



Lũ quét xảy ra tại xã Liên Minh, Thị xã. Sa Pa, huyện Văn Bàn

3. Công tác chỉ đạo, ứng phó

- Ngày 13/9/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 797/CĐ-TTg chỉ đạo tập trung khắc phục hậu quả lũ quét tại Lào Cai và chủ động ứng phó với mưa lũ ở miền núi, trung du Bắc Bộ.
- Sáng 13/9/2023, đoàn công tác của Trung ương do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà làm trưởng đoàn, cùng Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Nguyễn Hoàng Hiệp và các bộ, ngành liên quan đã trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả, tìm kiếm cứu nạn tại thị xã Sapa, tỉnh Lào Cai.

- Ngày 12/9/2023, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã có công văn số 342/VPTT gửi BCH PCTT&TKCN các tỉnh/TP Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ ứng phó với mưa lớn, nguy cơ ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.



Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả lũ quét tại Lào Cai

4. DÔNG, LỐC, SÉT VÀ MƯA ĐÁ

Dông, lốc, sét và mưa đá thường xuất hiện với quy mô nhỏ, có những trường hợp xuất hiện ở phạm vi hẹp, do vậy, việc thống kê số trận và thiệt hại do thiên tai còn nhiều khó khăn. Theo thống kê từ các báo cáo nhanh của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong năm 2023 đã xảy ra trên 509 trận dông, lốc, sét, mưa đá (năm 2022 là 258 trận) trên 49 tỉnh, thành phố gây thiệt hại như sau:

- Về người: 42 người chết, 87 người bị thương.
- Về nhà ở: 717 nhà bị thiệt hại hoàn toàn; 13.135 nhà bị hư hỏng, tốc mái.
- Về nông nghiệp, chăn nuôi: 79.134 ha diện tích lúa, hoa màu; 1.900 ha cây trồng khác bị thiệt hại; 205 con gia súc, 4.354 con gia cầm bị chết.

Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế trên 616,7 tỷ đồng.

So với năm 2022 thì dông, lốc, sét và mưa đá năm 2023 đến sớm hơn, trận đầu tiên được ghi nhận vào đầu tháng 2/2024 tại Điện Biên và Lào Cai và xuất hiện nhiều nhất vào tháng 4,5,6. Một số trận điển hình như:

1. Tỉnh Điện Biên: Theo báo cáo nhanh số 08/BC-BCH ngày 05/2/2023 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Điện Biên, vào lúc 18h00 ngày 04/2/2023 trên địa bàn thành phố Điện Biên đã xảy ra dông, lốc kèm mưa đá làm 20 nhà bị tốc mái; 80 cây xanh đô thị và nhiều biển hiệu quảng cáo bị gãy đổ. **Ước tính tổng thiệt hại khoảng 4,2 tỷ đồng.**

2. Tỉnh Yên Bái: Theo báo cáo nhanh số 05/BC-BCH ngày 30/4/2023 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Yên Bái, do ảnh hưởng của KKL nén rãnh áp thấp nên từ rạng sáng ngày 29/4 trên địa bàn tỉnh Yên Bái đã có mưa to kèm theo lốc xoáy làm 334 nhà, 01 cơ sở y tế, 01 nhà văn hóa bị hư hỏng, tốc mái; 714 ha lúa, hoa màu, 124 ha cây trồng khác bị thiệt hại; 180 con gia cầm bị chết. **Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế trên 13 tỷ đồng.**

3. Tỉnh Thái Nguyên: Theo báo cáo nhanh số 02/BC-VPTT ngày 30/4/2023 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Thái Nguyên, do ảnh hưởng của KKL nén rãnh áp thấp nên ngày 29/4 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã có mưa to kèm theo lốc xoáy làm 1.024 nhà, 02 điểm trường bị hư hỏng, tốc mái; 368 ha lúa bị thiệt hại; 1.400 con gia cầm bị chết. **Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế trên 9,8 tỷ đồng.**

4. Tỉnh Gia Lai: Theo báo cáo nhanh số 108/BC-PCTT ngày 27/4/2023 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Gia Lai từ ngày 22-23/4 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra mưa, dông, lốc do ảnh hưởng của không khí lạnh làm 111 nhà hư hỏng, tốc mái, 270 ha lúa, 147 ha diện tích cây trồng khác bị thiệt hại. **Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế trên 11,8 tỷ đồng.**

5. Tỉnh Tiền Giang: Theo báo cáo nhanh số 98/BCN-PCTT ngày 05/2/2023 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Tiền Giang trên địa bàn Thị xã Cai Lậy đã xảy ra mưa kèm dông lốc làm 02 người bị thương; 93 nhà bị hư hỏng, tốc mái; 01 cột điện bị gãy, đổ. **Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế trên 12,3 tỷ đồng.**

6. Tỉnh Kiên Giang: Theo báo cáo nhanh số 29/BC-VPTT ngày 31/7/2023 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Kiên Giang, từ ngày 28-30/7, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra mưa lớn kèm dông lốc làm 13 người bị thương; 82 nhà bị thiệt hại hoàn toàn, 144 nhà bị hư hỏng, tốc mái; 5.306 ha lúa, hoa màu bị thiệt hại; 03 thuyền bị chìm, hư hỏng, 14 cột điện bị gãy đổ. **Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế trên 8,5 tỷ đồng.**

7. Tỉnh Cà Mau: Theo báo cáo nhanh số 66/BC-VPBCH ngày 31/7/2023 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Cà Mau, từ ngày 29-31/7, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra mưa lớn kèm dông lốc làm 04 người bị thương; 74 nhà bị thiệt hại hoàn toàn, 311 nhà bị hư hỏng, tốc mái; 41 ha diện tích cây trồng khác bị thiệt hại. **Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế trên 10,5 tỷ đồng.**

Ngoài ra, chiều tối 08/5, sau đợt nắng nóng kỷ lục, các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Cao Bằng, Yên Bái, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Giang, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị đã xảy ra dông mạnh kèm lốc, sét, mưa đá, gió giật mạnh đã làm 03 người chết, mất tích trên biển (Quảng Bình 01; Quảng Trị 02), 03 người bị thương; 05 nhà bị thiệt hại hoàn toàn, 1.030 nhà bị tốc mái, hư hỏng, 11.857 ha lúa, hoa màu bị thiệt hại, 22 con gia súc bị chết. **Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế trên 5,2 tỷ đồng.**

5. RÉT ĐẬM, RÉT HẠI, BĂNG GIÁ

Trong năm 2023 đã có 25 đợt không khí lạnh (KKL) ảnh hưởng đến nước ta, trong đó có 18 đợt gió mùa Đông Bắc (GMĐB), bao gồm: 07 đợt mạnh, 03 đợt trung bình, 08 đợt yếu; 07 đợt KKL tăng cường (KKLTC) gồm: 02 đợt mạnh, 04 đợt trung bình, 01 đợt yếu. KKL đã gây ra 03 đợt rét đậm, rét hại ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, một số nơi ở vùng núi cao xảy ra hiện tượng băng giá, nhiệt độ thấp nhất trong năm xảy ra tại trạm Mẫu Sơn (Lạng Sơn) là $-2,5^{\circ}\text{C}$.

- Sáng ngày 15/1, một đợt KKL có cường độ mạnh đã ảnh hưởng khu vực Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ và một số nơi ở Nam Trung Bộ. KKL đã gây mưa, mưa rào ở khu vực từ Nghệ An đến Quảng Ngãi; rét đậm, rét hại ở Bắc Bộ và Thanh Hóa đến Quảng Bình từ ngày 16-19/1. Nhiệt độ thấp nhất ở một số nơi như: Mẫu Sơn $-0,1^{\circ}\text{C}$, Trùng Khánh $6,3^{\circ}\text{C}$, Tam Đảo $5,0^{\circ}\text{C}$, Lạng Sơn $7,3^{\circ}\text{C}$, Ngân Sơn $6,4^{\circ}\text{C}$, Đồng Văn $2,6^{\circ}\text{C}$, Sa Pa $3,5^{\circ}\text{C}$, Mộc Châu $5,0^{\circ}\text{C}$, Sìn Hồ $6,5^{\circ}\text{C}$. Ở Vịnh Bắc Bộ có gió Đông Bắc mạnh cấp 7, giạt cấp 9. Sáng sớm ngày 16/01 trên đỉnh Mẫu Sơn (Lạng Sơn) xuất hiện băng giá.

- Đêm 26/1, một đợt KKL có cường độ mạnh đã ảnh hưởng đến khu vực Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ, một số nơi ở Nam Trung Bộ. Do ảnh hưởng của KKL ở Bắc Bộ, Thanh Hóa và Nghệ An có mưa và mưa nhỏ; khu vực từ Hà Tĩnh đến Phú Yên có mưa, mưa rào. KKL gây ra rét đậm ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, rét hại ở khu vực vùng núi Bắc Bộ từ ngày 28-31/01, nhiệt độ thấp nhất ở một số nơi như: Mẫu Sơn $6,5^{\circ}\text{C}$, Trùng Khánh $9,2^{\circ}\text{C}$, Nguyên Bình $9,8^{\circ}\text{C}$, Tam Đảo $11,3^{\circ}\text{C}$, Đồng Văn $7,8^{\circ}\text{C}$, Sa Pa $10,0^{\circ}\text{C}$, Mộc Châu $11,0^{\circ}\text{C}$, Sìn Hồ $9,3^{\circ}\text{C}$.

- Sáng 16/12, một đợt KKL có cường độ mạnh ảnh hưởng đến khu vực Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ, đến sáng sớm ngày 19/12, một đợt KKLTC có cường độ mạnh tiếp tục ảnh hưởng đến các khu vực trên. Do ảnh hưởng của KKL nên Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ có mưa nhỏ, mưa vừa đến mưa to có nơi mưa rất to và dông. KKL và KKLTC đã gây ra rét đậm, rét hại ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ từ ngày 17-23/12, khu vực miền núi phía Bắc xuất hiện băng giá, nhiệt độ thấp nhất ở một số nơi như: Mẫu Sơn $-2,5^{\circ}\text{C}$, Trùng Khánh $2,7^{\circ}\text{C}$, Đồng Văn $1,8^{\circ}\text{C}$, Sa Pa $3,0^{\circ}\text{C}$, Mộc Châu $2,7^{\circ}\text{C}$, Pha Đin $2,4^{\circ}\text{C}$.

Trong các đợt KKL, Các địa phương đã chủ động triển khai các biện pháp ứng phó nên đã không xảy ra thiệt hại lớn về gia súc, gia cầm do rét đậm, rét hại.

6. ĐỘNG ĐẤT

Trong năm 2023, động đất hoạt động rộng và nhiều hơn so với năm 2022, trên cả nước đã xảy ra 346 trận động (năm 2022 là 286 trận) đất xảy ra trên địa bàn 10 tỉnh/thành phố (Lai Châu 02, Điện Biên 03, Sơn La 03, Quảng Ninh 01, Vĩnh Phúc 01; Nghệ An 01; Quảng Bình 01, Quảng Nam 14, Quảng Ngãi 06, Kon Tum 314), trong đó tỉnh Kon Tum chiếm 90,7% các trận động đất xảy ra với độ lớn từ 2,5 đến 4,4 độ theo thang Mô men trên lãnh thổ và vùng biển Việt Nam. Động đất ở Kon Tum, cụ thể là tại huyện Kon Plông có tần suất xuất hiện nhiều hơn, điển hình như ngày 07/7/2023, đã xảy ra liên tiếp 14 trận động đất trong một ngày với độ lớn từ 2,5 đến 4,2.

Các trận động đất xảy ra trong năm:

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
1	Nghệ An	08 giờ 53 phút 32 giây ngày 06 tháng 01 năm 2023	Tương Dương	3	19.028 độ vĩ Bắc, 104.560 độ kinh Đông	10 km
2	Kon Tum	05 giờ 33 phút 33 giây ngày 08 tháng 01 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.752 độ vĩ Bắc, 108.257 độ kinh Đông	8.0 km
3	Kon Tum	19 giờ 49 phút 12 giây ngày 08 tháng 01 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.801 độ vĩ Bắc, 108.266 độ kinh Đông	8.1 km
4	Kon Tum	23 giờ 48 phút 04 giây ngày 08 tháng 01 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.806 độ vĩ Bắc, 108.298 độ kinh Đông	8.1 km
5	Kon Tum	08 giờ 42 phút 42 giây ngày 10 tháng 01 năm 2023	Kon Plông	3	14.904 độ vĩ Bắc, 108.259 độ kinh Đông	8.1 km
6	Kon Tum	07 giờ 42 phút 32 giây ngày 12 tháng 01 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.795 độ vĩ Bắc, 108.256 độ kinh Đông	8.1 km
7	Kon Tum	19 giờ 20 phút 05 giây ngày 13 tháng 01 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.850 độ vĩ Bắc, 108.239 độ kinh Đông	8 km
8	Điện Biên	22 giờ 04 phút 33 giây ngày 14 tháng 01 năm 2023	Tuần Giáo	3,2	21.619 độ vĩ Bắc, 103.360 độ kinh Đông	10 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
9	Kon Tum	21 giờ 16 phút 41 giây ngày 21 tháng 01 năm 2023	Kon Plông	3	14.902 độ vĩ Bắc, 108.211 độ kinh Đông	8 km
10	Kon Tum	06 giờ 04 phút 23 giây ngày 24 tháng 01 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.941 độ vĩ Bắc, 108.191 độ kinh Đông	8.1 km
11	Kon Tum	02 giờ 00 phút 34 giây ngày 25 tháng 01 năm 2023	Kon Plông	3	14.941 độ vĩ Bắc, 108.261 độ kinh Đông	8.1 km
12	Kon Tum	18 giờ 07 phút 50 giây ngày 25 tháng 01 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.852 độ vĩ Bắc, 108.225 độ kinh Đông	8.1 km
13	Kon Tum	03 giờ 48 phút 01 giây ngày 26 tháng 01 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.928 độ vĩ Bắc, 108.226 độ kinh Đông	8.1 km
14	Kon Tum	23 giờ 42 phút 13 giây ngày 29 tháng 01 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.765 độ vĩ Bắc, 108.312 độ kinh Đông	8.1 km
15	Kon Tum	22 giờ 44 phút 31 giây ngày 03 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3	14.800 độ vĩ Bắc, 108.300 độ kinh Đông	8.2 km
16	Lai Châu	10 giờ 25 phút 32 giây ngày 04 tháng 02 năm 2023	Sìn Hồ	2,6	22.389 độ vĩ Bắc, 103.200 độ kinh Đông	12 km
17	Kon Tum	16 giờ 10 phút 01 giây ngày 04 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3	14.789 độ vĩ Bắc, 108.256 độ kinh Đông	8.8 km
18	Kon Tum	00 giờ 20 phút 46 giây ngày 05 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.939 độ vĩ Bắc, 108.185 độ kinh Đông	8 km
19	Kon Tum	08 giờ 29 phút 37 giây ngày 05 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.906 độ vĩ Bắc, 108.199 độ kinh Đông	8 km
20	Điện Biên	19 giờ 31 phút 00 giây ngày 05 tháng 02 năm 2023	Mường Chà	2,7	21.920 độ vĩ Bắc, 103.220 độ kinh Đông	12 km
21	Kon Tum	22 giờ 53 phút 25 giây ngày 06 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.851 độ vĩ Bắc, 108.239 độ kinh Đông	8 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
22	Kon Tum	16 giờ 31 phút 42 giây ngày 07 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3,6	14.925 độ vĩ Bắc, 108.181 độ kinh Đông	8.1 km
23	Kon Tum	17 giờ 11 phút 28 giây ngày 07 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.927 độ vĩ Bắc, 108.181 độ kinh Đông	8.1 km
24	Kon Tum	19 giờ 11 phút 24 giây ngày 07 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.895 độ vĩ Bắc, 108.207 độ kinh Đông	8.1 km
25	Kon Tum	06 giờ 10 phút 08 giây ngày 09 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.948 độ vĩ Bắc, 108.233 độ kinh Đông	8 km
26	Kon Tum	11 giờ 03 phút 45 giây ngày 09 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3,4	14.962 độ vĩ Bắc, 108.165 độ kinh Đông	8 km
27	Kon Tum	11 giờ 29 phút 28 giây ngày 09 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	2,8	15.026 độ vĩ Bắc, 108.186 độ kinh Đông	8 km
28	Kon Tum	12 giờ 12 phút 0 giây ngày 09 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.927 độ vĩ Bắc, 108.208 độ kinh Đông	8 km
29	Kon Tum	12 giờ 14 phút 02 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3	14.953 độ vĩ Bắc, 108.162 độ kinh Đông	8,3 km
30	Kon Tum	11 giờ 47 phút 29 giây (giờ Hà Nội) ngày 10 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.936 độ vĩ Bắc, 108.191 độ kinh Đông	8,1 km
31	Quảng Nam	20 giờ 37 phút 33 giây (giờ Hà Nội) ngày 11 tháng 02 năm 2023	Nam Trà My	2,5	15.073 độ vĩ Bắc, 108.071 độ kinh Đông	10 km
32	Kon Tum	16 giờ 18 phút 54 giây (giờ Hà Nội) ngày 12 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.967 độ vĩ Bắc, 108.220 độ kinh Đông	8,1 km
33	Kon Tum	19 giờ 10 phút 09 giây (giờ Hà Nội) ngày 12 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.947 độ vĩ Bắc, 108.250 độ kinh Đông	8,1 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
34	Kon Tum	17 giờ 43 phút 24 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 02 năm 2023	Ngọc Hồi	2,8	14.887 độ vĩ Bắc, 107.777 độ kinh Đông	8,1 km
35	Kon Tum	22 giờ 18 phút 23 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3,5	14.859 độ vĩ Bắc, 108.236 độ kinh Đông	8,1 km
36	Kon Tum	01 giờ 41 phút 48 giây (giờ Hà Nội) ngày 15 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3,5	14.848 độ vĩ Bắc, 108.220 độ kinh Đông	8,1 km
37	Kon Tum	20 giờ 53 phút 19 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.754 độ vĩ Bắc, 108.318 độ kinh Đông	8,1 km
38	Kon Tum	00 giờ 08 phút 24 giây (giờ Hà Nội) ngày 17 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.708 độ vĩ Bắc, 108.322 độ kinh Đông	8,1 km
39	Kon Tum	03 giờ 57 phút 54 giây (giờ Hà Nội) ngày 18 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3,9	14.813 độ vĩ Bắc, 108.339 độ kinh Đông	8,2 km
40	Kon Tum	09 giờ 30 phút 34 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.815 độ vĩ Bắc, 108.196 độ kinh Đông	8 km
41	Kon Tum	17 giờ 25 phút 57 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.704 độ vĩ Bắc, 108.403 độ kinh Đông	8,2 km
42	Kon Tum	23 giờ 09 phút 33 giây (giờ Hà Nội) ngày 25 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.821 độ vĩ Bắc, 108.235 độ kinh Đông	8 km
43	Kon Tum	11 giờ 33 phút 48 giây (giờ Hà Nội) ngày 28 tháng 02 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.717 độ vĩ Bắc, 108.247 độ kinh Đông	8 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
44	Điện Biên	23 giờ 24 phút 22 giây (giờ Hà Nội) ngày 01 tháng 03 năm 2023	Tuần Giáo	3	21.747 độ vĩ Bắc, 103.330 độ kinh Đông	10 km
45	Lai Châu	04 giờ 49 phút 54 giây (giờ Hà Nội) ngày 03 tháng 03 năm 2023	Mường Tè	4,4	22.534 độ vĩ Bắc, 102.672 độ kinh Đông	16 km
46	Vĩnh Phúc	08 giờ 09 phút 43 giây (giờ Hà Nội) ngày 03 tháng 3 năm 2023	Yên Lạc	3,2	21.215 độ vĩ Bắc, 105.554 độ kinh Đông	16 km
47	Kon Tum	00 giờ 07 phút 52 giây (giờ Hà Nội) ngày 04 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.889 độ vĩ Bắc, 108.250 độ kinh Đông	10 km
48	Kon Tum	20 giờ 38 phút 49 giây (giờ Hà Nội) ngày 04 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.872 độ vĩ Bắc, 108.238 độ kinh Đông	10 km
49	Kon Tum	09 giờ 14 phút 52 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.798 độ vĩ Bắc, 108.300 độ kinh Đông	10 km
50	Kon Tum	11 giờ 23 phút 45 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.871 độ vĩ Bắc, 108.266 độ kinh Đông	10 km
51	Kon Tum	12 giờ 21 phút 06 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	3	14.838 độ vĩ Bắc, 108.295 độ kinh Đông	8,1 km
52	Kon Tum	17 giờ 34 phút 57 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.811 độ vĩ Bắc, 108.297 độ kinh Đông	8,1 km
53	Kon Tum	20 giờ 44 phút 06 giây (giờ Hà Nội) ngày 08 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	3,7	14.825 độ vĩ Bắc, 108.241 độ kinh Đông	8 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
54	Kon Tum	05 giờ 09 phút 28 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.849 độ vĩ Bắc, 108.228 độ kinh Đông	10 km
55	Kon Tum	06 giờ 24 phút 26 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.835 độ vĩ Bắc, 108.209 độ kinh Đông	8 km
56	Kon Tum	17 giờ 15 phút 27 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.739 độ vĩ Bắc, 108.437 độ kinh Đông	8 km
57	Kon Tum	17 giờ 39 phút 30 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.821 độ vĩ Bắc, 108.239 độ kinh Đông	8 km
58	Kon Tum	08 giờ 19 phút 36 giây (giờ Hà Nội) ngày 10 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	3	14.819 độ vĩ Bắc, 108.276 độ kinh Đông	8,2 km
59	Kon Tum	20 giờ 16 phút 51 giây (giờ Hà Nội) ngày 12 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.811 độ vĩ Bắc, 108.299 độ kinh Đông	8,1 km
60	Kon Tum	05 giờ 40 phút 26 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.755 độ vĩ Bắc, 108.256 độ kinh Đông	8,1 km
61	Kon Tum	09 giờ 20 phút 08 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.850 độ vĩ Bắc, 108.209 độ kinh Đông	8,1 km
62	Kon Tum	14 giờ 58 phút 08 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.841 độ vĩ Bắc, 108.219 độ kinh Đông	8,1 km
63	Quảng Ngãi	02 giờ 27 phút 02 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 3 năm 2023	Sơn Hà	2,5	14.966 độ vĩ Bắc, 108.469 độ kinh Đông	10 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
64	Kon Tum	06 giờ 25 phút 19 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.864 độ vĩ Bắc, 108.266 độ kinh Đông	8 km
65	Kon Tum	17 giờ 30 phút 02 giây (giờ Hà Nội) ngày 16/03 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.814 độ vĩ Bắc, 108.225 độ kinh Đông	8 km
66	Kon Tum	18 giờ 58 phút 06 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.883 độ vĩ Bắc, 108.165 độ kinh Đông	6 km
67	Kon Tum	13 giờ 04 phút 07 giây (giờ Hà Nội) ngày 17 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.761 độ vĩ Bắc, 108.343 độ kinh Đông	8,1 km
68	Kon Tum	16 giờ 56 phút 05 giây (giờ Hà Nội) ngày 21 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.915 độ vĩ Bắc, 108.246 độ kinh Đông	8,1 km
69	Kon Tum	04 giờ 00 phút 58 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	3,4	14.852 độ vĩ Bắc, 108.266 độ kinh Đông	8,1 km
70	Kon Tum	23 giờ 48 phút 28 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.842 độ vĩ Bắc, 108.212 độ kinh Đông	7 km
71	Kon Tum	17 giờ 36 phút 58 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.877 độ vĩ Bắc, 108.200 độ kinh Đông	7 km
72	Kon Tum	19 giờ 26 phút 11 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	3	14.840 độ vĩ Bắc, 108.250 độ kinh Đông	7 km
73	Kon Tum	20 giờ 18 phút 49 giây (giờ Hà Nội) ngày 29 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.760 độ vĩ Bắc, 108.286 độ kinh Đông	8,1 km
74	Kon Tum	03 giờ 27 phút 45 giây (giờ Hà Nội) ngày 30 tháng 03 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.891 độ vĩ Bắc, 108.316 độ kinh Đông	5,5 km
75	Kon Tum	22 giờ 49 phút 37 giây (giờ Hà Nội) ngày 30 tháng 3 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.894 độ vĩ Bắc, 108.282 độ kinh Đông	6,8 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
76	Kon Tum	21 giờ 49 phút 42 giây (giờ Hà Nội) ngày 02 tháng 4 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.765 độ vĩ Bắc, 108.321 độ kinh Đông	8,1 km
77	Kon Tum	04 giờ 49 phút 44 giây (giờ Hà Nội) ngày 05 tháng 4 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.882 độ vĩ Bắc, 108.274 độ kinh Đông	8,1 km
78	Kon Tum	06 giờ 53 phút 14 giây (giờ Hà Nội) ngày 15 tháng 4 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.805 độ vĩ Bắc, 108.283 độ kinh Đông	8,1 km
79	Kon Tum	04 giờ 33 phút 02 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 4 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.784 độ vĩ Bắc, 108.332 độ kinh Đông	8,1 km
80	Kon Tum	20 giờ 19 phút 54 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 04 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.782 độ vĩ Bắc, 108.367 độ kinh Đông	7,2 km
81	Kon Tum	10 giờ 39 phút 00 giây (giờ Hà Nội) ngày 21 tháng 4 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.903 độ vĩ Bắc, 108.249 độ kinh Đông	8,1 km
82	Kon Tum	13 giờ 54 phút 17 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 04 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.837 độ vĩ Bắc, 108.315 độ kinh Đông	8 km
83	Kon Tum	19 giờ 06 phút 08 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 4 năm 2023	Kon Plông	3	14.816 độ vĩ Bắc, 108.302 độ kinh Đông	8 km
84	Kon Tum	19 giờ 08 phút 42 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 4 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.866 độ vĩ Bắc, 108.235 độ kinh Đông	8 km
85	Kon Tum	23 giờ 42 phút 46 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 4 năm 2023	Kon Plông	3	14.836 độ vĩ Bắc, 108.250 độ kinh Đông	8 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
86	Kon Tum	21 giờ 10 phút 59 giây (giờ Hà Nội) ngày 24 tháng 04 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.857 độ vĩ Bắc, 108.221 độ kinh Đông	8,1 km
87	Kon Tum	18 giờ 12 phút 56 giây (giờ Hà Nội) ngày 26 tháng 04 năm 2023	Kon Plông	3	14.843 độ vĩ Bắc, 108.225 độ kinh Đông	8,1 km
88	Kon Tum	05 giờ 53 phút 59 giây (giờ Hà Nội) ngày 29 tháng 4 năm 2023	Kon Plông	3	14.845 độ vĩ Bắc, 108.220 độ kinh Đông	8,1 km
89	Kon Tum	08 giờ 05 phút 50 giây (giờ Hà Nội) ngày 30 tháng 04 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.801 độ vĩ Bắc, 108.224 độ kinh Đông	8 km
90	Kon Tum	12 giờ 59 phút 07 giây (giờ Hà Nội) ngày 30 tháng 04 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.840 độ vĩ Bắc, 108.283 độ kinh Đông	9 km
91	Kon Tum	03 giờ 20 phút 28 giây (giờ Hà Nội) ngày 04 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.941 độ vĩ Bắc, 108.267 độ kinh Đông	8,2 km
92	Kon Tum	06 giờ 45 phút 46 giây (giờ Hà Nội) ngày 05 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	3	14.843 độ vĩ Bắc, 108.291 độ kinh Đông	9 km
93	Kon Tum	05 giờ 44 phút 23 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 05 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.760 độ vĩ Bắc, 108.227 độ kinh Đông	8 km
94	Kon Tum	10 giờ 52 phút 36 giây (giờ Hà Nội) ngày 08 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	3	14.810 độ vĩ Bắc, 108.299 độ kinh Đông	8,1 km
95	Kon Tum	07 giờ 53 phút 44 giây (giờ Hà Nội) ngày 10 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.866 độ vĩ Bắc, 108.250 độ kinh Đông	8,1 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
96	Kon Tum	04 giờ 24 phút 03 giây (giờ Hà Nội) ngày 12 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.910 độ vĩ Bắc, 108.234 độ kinh Đông	9 km
97	Kon Tum	06 giờ 09 phút 33 giây (giờ Hà Nội) ngày 12 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.986 độ vĩ Bắc, 108.170 độ kinh Đông	8 km
98	Kon Tum	18 giờ 39 phút 23 giây (giờ Hà Nội) ngày 12 tháng 05 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.913 độ vĩ Bắc, 108.213 độ kinh Đông	8 km
99	Kon Tum	03 giờ 05 phút 15 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 05 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.977 độ vĩ Bắc, 108.254 độ kinh Đông	10 km
100	Quảng Ngãi	20 giờ 03 phút 04 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 05 năm 2023	Sơn Hà	2,5	14.964 độ vĩ Bắc, 108.549 độ kinh Đông	10 km
101	Kon Tum	15 giờ 59 phút 05 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 05 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.833 độ vĩ Bắc, 108.186 độ kinh Đông	8 km
102	Kon Tum	17 giờ 05 phút 13 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 05 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.840 độ vĩ Bắc, 108.176 độ kinh Đông	8 km
103	Kon Tum	17 giờ 56 phút 16 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.887 độ vĩ Bắc, 108.233 độ kinh Đông	8 km
104	Kon Tum	05 giờ 35 phút 06 giây (giờ Hà Nội) ngày 15 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.800 độ vĩ Bắc, 108.321 độ kinh Đông	8 km
105	Kon Tum	10 giờ 32 phút 00 giây (giờ Hà Nội) ngày 15 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.780 độ vĩ Bắc, 108.285 độ kinh Đông	8 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
106	Kon Tum	07 giờ 52 phút 51 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	3	14.902 độ vĩ Bắc, 108.303 độ kinh Đông	8 km
107	Kon Tum	11 giờ 31 phút 44 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	3,7	14.835 độ vĩ Bắc, 108.186 độ kinh Đông	8 km
108	Kon Tum	12 giờ 21 phút 21 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.823 độ vĩ Bắc, 108.235 độ kinh Đông	8 km
109	Kon Tum	21 giờ 06 phút 11 giây (giờ Hà Nội) ngày 17 tháng 05 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.851 độ vĩ Bắc, 108.280 độ kinh Đông	8,1 km
110	Kon Tum	21 giờ 33 phút 18 giây (giờ Hà Nội) ngày 17 tháng 05 năm 2023	Kon Plông	4	14.843 độ vĩ Bắc, 108.261 độ kinh Đông	8,3 km
111	Kon Tum	01 giờ 22 phút 13 giây (giờ Hà Nội) ngày 18 tháng 05 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.840 độ vĩ Bắc, 108.278 độ kinh Đông	8 km
112	Kon Tum	04 giờ 13 phút 01 giây (giờ Hà Nội) ngày 18 tháng 05 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.828 độ vĩ Bắc, 108.277 độ kinh Đông	8,2 km
113	Kon Tum	02 giờ 36 phút 56 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 05 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.828 độ vĩ Bắc, 108.277 độ kinh Đông	8,2 km
114	Kon Tum	22 giờ 02 phút 37 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 05 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.807 độ vĩ Bắc, 108.254 độ kinh Đông	8 km
115	Kon Tum	20 giờ 49 phút 53 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 05 năm 2023	Kon Plông	3	14.858 độ vĩ Bắc, 108.218 độ kinh Đông	8 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
116	Kon Tum	16 giờ 00 phút 59 giây (giờ Hà Nội) ngày 31 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.798 độ vĩ Bắc, 108.301 độ kinh Đông	8 km
117	Kon Tum	16 giờ 04 phút 26 giây (giờ Hà Nội) ngày 31 tháng 5 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.821 độ vĩ Bắc, 108.287 độ kinh Đông	8 km
118	Kon Tum	04 giờ 23 phút 35 giây (giờ Hà Nội) ngày 04 tháng 06 năm 2023	Tu Mơ Rông	2,8	14.872 độ vĩ Bắc, 108.115 độ kinh Đông	9 km
119	Quảng Ngãi	05 giờ 38 phút 14 giây (giờ Hà Nội) ngày 04 tháng 06 năm 2023	Ba Tơ	2,5	14.848 độ vĩ Bắc, 108.606 độ kinh Đông	8 km
120	Kon Tum	19 giờ 20 phút 09 giây (giờ Hà Nội) ngày 04 tháng 6 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.869 độ vĩ Bắc, 108.206 độ kinh Đông	8 km
121	Kon Tum	11 giờ 45 phút 57 giây (giờ Hà Nội) ngày 05 tháng 6 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.782 độ vĩ Bắc, 108.315 độ kinh Đông	8 km
122	Kon Tum	11 giờ 36 phút 03 giây (giờ Hà Nội) ngày 06 tháng 6 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.935 độ vĩ Bắc, 108.226 độ kinh Đông	8 km
123	Kon Tum	15 giờ 30 phút 45 giây (giờ Hà Nội) ngày 06 tháng 6 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.786 độ vĩ Bắc, 108.310 độ kinh Đông	8 km
124	Kon Tum	15 giờ 31 phút 33 giây (giờ Hà Nội) ngày 06 tháng 6 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.868 độ vĩ Bắc, 108.262 độ kinh Đông	8 km
125	Kon Tum	21 giờ 10 phút 02 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 06 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.838 độ vĩ Bắc, 108.283 độ kinh Đông	8,2 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
126	Kon Tum	22 giờ 35 phút 54 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 06 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.854 độ vĩ Bắc, 108.262 độ kinh Đông	8,3 km
127	Kon Tum	00 giờ 33 phút 54 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 06 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.806 độ vĩ Bắc, 108.271 độ kinh Đông	8 km
128	Kon Tum	01 giờ 43 phút 05 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 6 năm 2023	Kon Plông	3	14.826 độ vĩ Bắc, 108.224 độ kinh Đông	8,2 km
129	Kon Tum	00 giờ 44 phút 15 giây (giờ Hà Nội) ngày 15 tháng 06 năm 2023 giờ 43 phút 05 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 6 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.833 độ vĩ Bắc, 108.294 độ kinh Đông	8,1 km
130	Kon Tum	23 giờ 59 phút 47 giây (giờ Hà Nội) ngày 24 tháng 06 năm 2023	Kon Plông	2,8	15.006 độ vĩ Bắc, 108.203 độ kinh Đông	8 km
131	Kon Tum	04 giờ 29 phút 37 giây (giờ Hà Nội) ngày 25 tháng 06 năm 2023	Kon Plông	2,8	15.027 độ vĩ Bắc, 108.164 độ kinh Đông	8 km
132	Kon Tum	09 giờ 10 phút 41 giây (giờ Hà Nội) ngày 26 tháng 06 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.833 độ vĩ Bắc, 108.277 độ kinh Đông	8,2 km
133	Quảng Ngãi	02 giờ 27 phút 06 giây (giờ Hà Nội) ngày 27 tháng 06 năm 2023	Ba Tư	2,6	14.724 độ vĩ Bắc, 108.628 độ kinh Đông	10 km
134	Kon Tum	08 giờ 20 phút 15 giây (giờ Hà Nội) ngày 27 tháng 6 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.819 độ vĩ Bắc, 108.275 độ kinh Đông	8,1 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
135	Kon Tum	12 giờ 28 phút 39 giây (giờ Hà Nội) ngày 27 tháng 6 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.789 độ vĩ Bắc, 108.305 độ kinh Đông	8,5 km
136	Kon Tum	20 giờ 06 phút 35 giây (giờ Hà Nội) ngày 27 tháng 6 năm 2023	Kon Plông	3,5	14.789 độ vĩ Bắc, 108.319 độ kinh Đông	8,1 km
137	Kon Tum	09 giờ 04 phút 33 giây (giờ Hà Nội) ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.783 độ vĩ Bắc, 108.335 độ kinh Đông	8,1 km
138	Kon Tum	11 giờ 49 phút 54 giây (giờ Hà Nội) ngày 04 tháng 7 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.875 độ vĩ Bắc, 108.237 độ kinh Đông	8,1 km
139	Kon Tum	09 giờ 44 phút 47 giây (giờ Hà Nội) ngày 05 tháng 7 năm 2023	Kon Plông	3,7	14.848 độ vĩ Bắc, 108.260 độ kinh Đông	10,2 km
140	Kon Tum	15 giờ 22 phút 27 giây (giờ Hà Nội) ngày 05 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.846 độ vĩ Bắc, 108.264 độ kinh Đông	8,1 km
141	Quảng Ngãi	01 giờ 17 phút 13 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 07 năm 2023	Ba Tơ	3,1	14.799 độ vĩ Bắc, 108.618 độ kinh Đông	10 km
142	Kon Tum	09 giờ 31 phút 31 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,9	14.783 độ vĩ Bắc, 108.331 độ kinh Đông	8,1 km
143	Kon Tum	09 giờ 32 phút 10 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	4	14.769 độ vĩ Bắc, 108.314 độ kinh Đông	8,1 km
144	Kon Tum	09 giờ 37 phút 18 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,5	14.890 độ vĩ Bắc, 108.285 độ kinh Đông	8,1 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
145	Kon Tum	09 giờ 48 phút 02 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	4,2	14.790 độ vĩ Bắc, 108.323 độ kinh Đông	8,1 km
146	Kon Tum	10 giờ 10 phút 04 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.913 độ vĩ Bắc, 108.264 độ kinh Đông	8,2 km
147	Kon Tum	10 giờ 13 phút 48 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.844 độ vĩ Bắc, 108.304 độ kinh Đông	8,6 km
148	Kon Tum	10 giờ 14 phút 37 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.921 độ vĩ Bắc, 108.286 độ kinh Đông	8,1 km
149	Kon Tum	10 giờ 16 phút 39 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.927 độ vĩ Bắc, 108.272 độ kinh Đông	8,4 km
150	Kon Tum	11 giờ 09 phút 02 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.889 độ vĩ Bắc, 108.269 độ kinh Đông	8,1 km
151	Kon Tum	11 giờ 09 phút 34 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 7 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.887 độ vĩ Bắc, 108.245 độ kinh Đông	10 km
152	Kon Tum	19 giờ 06 phút 44 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 7 năm 2023	Kon Plông	3,9	14.896 độ vĩ Bắc, 108.265 độ kinh Đông	8,1 km
153	Kon Tum	19 giờ 56 phút 11 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 7 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.857 độ vĩ Bắc, 108.304 độ kinh Đông	8,2 km
154	Kon Tum	23 giờ 20 phút 58 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.885 độ vĩ Bắc, 108.286 độ kinh Đông	10,3 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
155	Kon Tum	23 giờ 50 phút 14 giây (giờ Hà Nội) ngày 07 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3	14.893 độ vĩ Bắc, 108.290 độ kinh Đông	8,3 km
156	Kon Tum	05 giờ 08 phút 09 giây (giờ Hà Nội) ngày 08 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3	14.939 độ vĩ Bắc, 108.271 độ kinh Đông	8,2 km
157	Kon Tum	12 giờ 01 phút 06 giây (giờ Hà Nội) ngày 08 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.955 độ vĩ Bắc, 108.249 độ kinh Đông	8 km
158	Kon Tum	22 giờ 35 phút 39 giây (giờ Hà Nội) ngày 08 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.930 độ vĩ Bắc, 108.269 độ kinh Đông	8,1 km
159	Kon Tum	23 giờ 06 phút 24 giây (giờ Hà Nội) ngày 08 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.934 độ vĩ Bắc, 108.272 độ kinh Đông	10 km
160	Kon Tum	02 giờ 15 phút 03 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,2	15.014 độ vĩ Bắc, 108.171 độ kinh Đông	8 km
161	Kon Tum	05 giờ 04 phút 43 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.876 độ vĩ Bắc, 108.289 độ kinh Đông	8,1 km
162	Kon Tum	05 giờ 43 phút 16 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.902 độ vĩ Bắc, 108.283 độ kinh Đông	8,2 km
163	Kon Tum	08 giờ 27 phút 31 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.912 độ vĩ Bắc, 108.278 độ kinh Đông	8,1 km
164	Kon Tum	10 giờ 28 phút 48 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.926 độ vĩ Bắc, 108.271 độ kinh Đông	8,2 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
165	Quảng Ngãi	15 giờ 00 phút 36 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 07 năm 2023	Sơn Tây	2,5	15.017 độ vĩ Bắc, 108.269 độ kinh Đông	10,6 km
166	Kon Tum	01 giờ 41 phút 35 giây (giờ Hà Nội) ngày 10 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.946 độ vĩ Bắc, 108.232 độ kinh Đông	8,1 km
167	Kon Tum	01 giờ 52 phút 52 giây (giờ Hà Nội) ngày 10 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.939 độ vĩ Bắc, 108.245 độ kinh Đông	8,1 km
168	Kon Tum	06 giờ 26 phút 56 giây (giờ Hà Nội) ngày 10 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.912 độ vĩ Bắc, 108.262 độ kinh Đông	8,1 km
169	Kon Tum	06 giờ 55 phút 42 giây (giờ Hà Nội) ngày 10 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.942 độ vĩ Bắc, 108.248 độ kinh Đông	8,1 km
170	Kon Tum	22 giờ 00 phút 40 giây (giờ Hà Nội) ngày 10 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	4	14.849 độ vĩ Bắc, 108.295 độ kinh Đông	8,8 km
171	Kon Tum	03 giờ 27 phút 27 giây (giờ Hà Nội) ngày 11 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.916 độ vĩ Bắc, 108.312 độ kinh Đông	3,8 km
172	Kon Tum	05 giờ 26 phút 38 giây (giờ Hà Nội) ngày 11 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.889 độ vĩ Bắc, 108.267 độ kinh Đông	6,9 km
173	Kon Tum	23 giờ 02 phút 52 giây (giờ Hà Nội) ngày 11 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,4	14.906 độ vĩ Bắc, 108.287 độ kinh Đông	10,1 km
174	Kon Tum	23 giờ 07 phút 20 giây (giờ Hà Nội) ngày 11 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.907 độ vĩ Bắc, 108.263 độ kinh Đông	8,1 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
175	Kon Tum	23 giờ 29 phút 26 giây (giờ Hà Nội) ngày 11 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.934 độ vĩ Bắc, 108.263 độ kinh Đông	8,1 km
176	Kon Tum	02 giờ 37 phút 10 giây (giờ Hà Nội) ngày 12 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.906 độ vĩ Bắc, 108.280 độ kinh Đông	10,1 km
177	Kon Tum	02 giờ 39 phút 29 giây (giờ Hà Nội) ngày 12 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.899 độ vĩ Bắc, 108.263 độ kinh Đông	9,1 km
178	Kon Tum	04 giờ 16 phút 59 giây (giờ Hà Nội) ngày 12 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3	14.896 độ vĩ Bắc, 108.189 độ kinh Đông	10 km
179	Kon Tum	06 giờ 50 phút 43 giây (giờ Hà Nội) ngày 12 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,8	14.913 độ vĩ Bắc, 108.254 độ kinh Đông	8,1 km
180	Quảng Nam	12 giờ 53 phút 33 giây (giờ Hà Nội) ngày 12 tháng 07 năm 2023	Nam Trà My	2,9	15.060 độ vĩ Bắc, 108.134 độ kinh Đông	10 km
181	Kon Tum	11 giờ 17 phút 45 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.930 độ vĩ Bắc, 108.195 độ kinh Đông	10 km
182	Kon Tum	21 giờ 16 phút 09 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,2	15.002 độ vĩ Bắc, 108.245 độ kinh Đông	10,2 km
183	Kon Tum	22 giờ 08 phút 50 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,2	15.015 độ vĩ Bắc, 108.199 độ kinh Đông	8,2 km
184	Kon Tum	13 giờ 49 phút 27 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3	15.000 độ vĩ Bắc, 108.216 độ kinh Đông	8,2 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
185	Kon Tum	18 giờ 10 phút 55 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,9	15.030 độ vĩ Bắc, 108.213 độ kinh Đông	8,2 km
186	Kon Tum	19 giờ 40 phút 21 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,6	14.709 độ vĩ Bắc, 108.335 độ kinh Đông	8,2 km
187	Kon Tum	22 giờ 45 phút 25 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.764 độ vĩ Bắc, 108.463 độ kinh Đông	8,1 km
188	Kon Tum	06 giờ 00 phút 20 giây (giờ Hà Nội) ngày 15 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.811 độ vĩ Bắc, 108.191 độ kinh Đông	10 km
189	Kon Tum	14 giờ 28 phút 33 giây (giờ Hà Nội) ngày 15 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.727 độ vĩ Bắc, 108.269 độ kinh Đông	8 km
190	Kon Tum	00 giờ 19 phút 23 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3	14.743 độ vĩ Bắc, 108.313 độ kinh Đông	8,1 km
191	Kon Tum	00 giờ 51 phút 19 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.728 độ vĩ Bắc, 108.315 độ kinh Đông	8,1 km
192	Kon Tum	03 giờ 50 phút 57 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 07 năm 2023	Kon Rẫy	2,5	14.733 độ vĩ Bắc, 108.215 độ kinh Đông	8,3 km
193	Kon Tum	06 giờ 15 phút 43 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.867 độ vĩ Bắc, 108.255 độ kinh Đông	8,6 km
194	Kon Tum	07 giờ 27 phút 46 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3	14.732 độ vĩ Bắc, 108.315 độ kinh Đông	8,2 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
195	Kon Tum	22 giờ 44 phút 23 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3	14.833 độ vĩ Bắc, 108.294 độ kinh Đông	8,1 km
196	Kon Tum	04 giờ 19 phút 38 giây (giờ Hà Nội) ngày 17 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.995 độ vĩ Bắc, 108.196 độ kinh Đông	10,1 km
197	Kon Tum	06 giờ 10 phút 39 giây (giờ Hà Nội) ngày 18 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.810 độ vĩ Bắc, 108.235 độ kinh Đông	8,2 km
198	Kon Tum	07 giờ 37 phút 57 giây (giờ Hà Nội) ngày 18 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.771 độ vĩ Bắc, 108.316 độ kinh Đông	8,1 km
199	Kon Tum	21 giờ 54 phút 25 giây (giờ Hà Nội) ngày 18 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.860N độ vĩ Bắc, 108.316 độ kinh Đông	8,1 km
200	Kon Tum	00 giờ 26 phút 08 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3	14.796 độ vĩ Bắc, 108.318 độ kinh Đông	8,1 km
201	Kon Tum	01 giờ 39 phút 42 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.751 độ vĩ Bắc, 108.315 độ kinh Đông	9 km
202	Kon Tum	11 giờ 45 phút 07 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,6	14.755 độ vĩ Bắc, 108.325 độ kinh Đông	10,1 km
203	Kon Tum	13 giờ 42 phút 13 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.769 độ vĩ Bắc, 108.313 độ kinh Đông	8,2 km
204	Kon Tum	02 giờ 53 phút 51 giây (giờ Hà Nội) ngày 20 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.937 độ vĩ Bắc, 108.190 độ kinh Đông	10 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
205	Kon Tum	03 giờ 17 phút 28 giây (giờ Hà Nội) ngày 20 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.954 độ vĩ Bắc, 108.168 độ kinh Đông	10 km
206	Kon Tum	03 giờ 44 phút 12 giây (giờ Hà Nội) ngày 20 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.946 độ vĩ Bắc, 108.208 độ kinh Đông	10 km
207	Kon Tum	04 giờ 11 phút 23 giây (giờ Hà Nội) ngày 20 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.985 độ vĩ Bắc, 108.223 độ kinh Đông	10 km
208	Kon Tum	15 giờ 10 phút 29 giây (giờ Hà Nội) ngày 20 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,7	15.009 độ vĩ Bắc, 108.171 độ kinh Đông	8,1 km
209	Kon Tum	17 giờ 27 phút 18 giây (giờ Hà Nội) ngày 20 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.948 độ vĩ Bắc, 108.191 độ kinh Đông	8,1 km
210	Kon Tum	16 giờ 58 phút 42 giây (giờ Hà Nội) ngày 21 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.918 độ vĩ Bắc, 108.166 độ kinh Đông	8,1 km
211	Kon Tum	19 giờ 54 phút 16 giây (giờ Hà Nội) ngày 21 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.851 độ vĩ Bắc, 108.271 độ kinh Đông	10 km
212	Kon Tum	01 giờ 32 phút 55 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.949 độ vĩ Bắc, 108.241 độ kinh Đông	8 km
213	Kon Tum	02 giờ 10 phút 45 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,4	14.997 độ vĩ Bắc, 108.212 độ kinh Đông	10 km
214	Kon Tum	19 giờ 35 phút 25 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.951 độ vĩ Bắc, 108.156 độ kinh Đông	10 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
215	Kon Tum	21 giờ 41 phút 05 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.739 độ vĩ Bắc, 108.321 độ kinh Đông	8,1 km
216	Kon Tum	23 giờ 54 phút 11 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.756 độ vĩ Bắc, 108.381 độ kinh Đông	8,2 km
217	Kon Tum	00 giờ 33 phút 55 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.943 độ vĩ Bắc, 108.195 độ kinh Đông	8,1 km
218	Kon Tum	03 giờ 39 phút 39 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.769 độ vĩ Bắc, 108.314 độ kinh Đông	8,1 km
219	Kon Tum	16 giờ 25 phút 33 giây (giờ Hà Nội) ngày 24 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.940 độ vĩ Bắc, 108.192 độ kinh Đông	8,1 km
220	Kon Tum	17 giờ 55 phút 19 giây (giờ Hà Nội) ngày 24 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.811 độ vĩ Bắc, 108.279 độ kinh Đông	8,1 km
221	Kon Tum	00 giờ 38 phút 00 giây (giờ Hà Nội) ngày 26 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.788 độ vĩ Bắc, 108.256 độ kinh Đông	8,2 km
222	Kon Tum	23 giờ 02 phút 23 giây (giờ Hà Nội) ngày 27 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.843 độ vĩ Bắc, 108.272 độ kinh Đông	8 km
223	Kon Tum	19 giờ 26 phút 30 giây (giờ Hà Nội) ngày 28 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,5	15.006 độ vĩ Bắc, 108.203 độ kinh Đông	8 km
224	Quảng Nam	12 giờ 00 phút 20 giây (giờ Hà Nội) ngày 29 tháng 07 năm 2023	Nam Trà My	2,6	14.978 độ vĩ Bắc, 108.131 độ kinh Đông	10 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
225	Kon Tum	18 giờ 52 phút 57 giây (giờ Hà Nội) ngày 29 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.734 độ vĩ Bắc, 108.270 độ kinh Đông	10 km
226	Kon Tum	21 giờ 15 phút 34 giây (giờ Hà Nội) ngày 29 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.933 độ vĩ Bắc, 108.192 độ kinh Đông	8,1 km
227	Kon Tum	22 giờ 40 phút 34 giây (giờ Hà Nội) ngày 29 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.918 độ vĩ Bắc, 108.171 độ kinh Đông	10 km
228	Kon Tum	01 giờ 23 phút 25 giây (giờ Hà Nội) ngày 30 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.939 độ vĩ Bắc, 108.264 độ kinh Đông	8 km
229	Kon Tum	11 giờ 56 phút 18 giây (giờ Hà Nội) ngày 30 tháng 07 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.906 độ vĩ Bắc, 108.316 độ kinh Đông	6,2 km
230	Sơn La	12 giờ 45 phút 43 giây (giờ Hà Nội) ngày 30 tháng 07 năm 2023	Quỳnh Nhai	2,5	21.951 độ vĩ Bắc, 103.582 độ kinh Đông	8,2 km
231	Quảng Nam	03 giờ 03 phút 33 giây (giờ Hà Nội) ngày 01 tháng 08 năm 2023	Nam Trà My	2,8	15.047 độ vĩ Bắc, 108.123 độ kinh Đông	10 km
232	Quảng Nam	07 giờ 51 phút 09 giây (giờ Hà Nội) ngày 01 tháng 08 năm 2023	Nam Trà My	2,5	15.020 độ vĩ Bắc, 108.135 độ kinh Đông	10 km
233	Kon Tum	14 giờ 41 phút 21 giây (giờ Hà Nội) ngày 02 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.968 độ vĩ Bắc, 108.187 độ kinh Đông	8,2 km
234	Kon Tum	15 giờ 36 phút 52 giây (giờ Hà Nội) ngày 02 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.818 độ vĩ Bắc, 108.257 độ kinh Đông	8,2 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
235	Kon Tum	15 giờ 53 phút 16 giây (giờ Hà Nội) ngày 02 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.759 độ vĩ Bắc, 108.360 độ kinh Đông	8,2 km
236	Kon Tum	21 giờ 33 phút 33 giây (giờ Hà Nội) ngày 02 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.759 độ vĩ Bắc, 108.252 độ kinh Đông	8,2 km
237	Kon Tum	00 giờ 24 phút 35 giây (giờ Hà Nội) ngày 03 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.950 độ vĩ Bắc, 108.189 độ kinh Đông	8,1 km
238	Kon Tum	07 giờ 06 phút 59 giây (giờ Hà Nội) ngày 03 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.848 độ vĩ Bắc, 108.251 độ kinh Đông	8,1 km
239	Kon Tum	10 giờ 17 phút 11 giây (giờ Hà Nội) ngày 03 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.896 độ vĩ Bắc, 108.196 độ kinh Đông	8,1 km
240	Kon Tum	15 giờ 34 phút 50 giây (giờ Hà Nội) ngày 03 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.843 độ vĩ Bắc, 108.304 độ kinh Đông	8,3 km
241	Kon Tum	16 giờ 00 phút 40 giây (giờ Hà Nội) ngày 03 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.874 độ vĩ Bắc, 108.264 độ kinh Đông	8,1 km
242	Kon Tum	16 giờ 57 phút 48 giây (giờ Hà Nội) ngày 03 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.864 độ vĩ Bắc, 108.267 độ kinh Đông	8,1 km
243	Kon Tum	13 giờ 11 phút 09 giây (giờ Hà Nội) ngày 04 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,8	15.007 độ vĩ Bắc, 108.220 độ kinh Đông	8,2 km
244	Kon Tum	17 giờ 43 phút 20 giây (giờ Hà Nội) ngày 05 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.940 độ vĩ Bắc, 108.184 độ kinh Đông	8,3 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
245	Kon Tum	20 giờ 51 phút 07 giây (giờ Hà Nội) ngày 05 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.957 độ vĩ Bắc, 108.168 độ kinh Đông	8,1 km
246	Kon Tum	00 giờ 25 phút 34 giây (giờ Hà Nội) ngày 08 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.946 độ vĩ Bắc, 108.233 độ kinh Đông	10 km
247	Kon Tum	04 giờ 04 phút 36 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.906 độ vĩ Bắc, 108.230 độ kinh Đông	8,1 km
248	Kon Tum	13 giờ 07 phút 25 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	3,2	15.023 độ vĩ Bắc, 108.171 độ kinh Đông	10 km
249	Quảng Nam	18 giờ 09 phút 21 giây (giờ Hà Nội) ngày 09 tháng 08 năm 2023	Bắc Trà My	2,7	15.344 độ vĩ Bắc, 108.145 độ kinh Đông	10 km
250	Kon Tum	20 giờ 54 phút 28 giây (giờ Hà Nội) ngày 10 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.815 độ vĩ Bắc, 108.266 độ kinh Đông	10,1 km
251	Kon Tum	14 giờ 59 phút 30 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.748 độ vĩ Bắc, 108.302 độ kinh Đông	10 km
252	Kon Tum	15 giờ 10 phút 33 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	3	14.711 độ vĩ Bắc, 108.323 độ kinh Đông	10 km
253	Kon Tum	09 giờ 20 phút 21 giây (giờ Hà Nội) ngày 20 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.728 độ vĩ Bắc, 108.305 độ kinh Đông	8,1 km
254	Kon Tum	10 giờ 33 phút 02 giây (giờ Hà Nội) ngày 20 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.763 độ vĩ Bắc, 108.297 độ kinh Đông	8,1 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
255	Kon Tum	20 giờ 23 phút 18 giây (giờ Hà Nội) ngày 20 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.966 độ vĩ Bắc, 108.166 độ kinh Đông	8,3 km
256	Kon Tum	08 giờ 49 phút 59 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.937 độ vĩ Bắc, 108.148 độ kinh Đông	8,1 km
257	Kon Tum	14 giờ 38 phút 34 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.857 độ vĩ Bắc, 108.221 độ kinh Đông	10 km
258	Kon Tum	18 giờ 09 phút 37 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.867 độ vĩ Bắc, 108.207 độ kinh Đông	8 km
259	Kon Tum	00 giờ 15 phút 56 giây (giờ Hà Nội) ngày 25 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	3,4	14.857 độ vĩ Bắc, 108.302 độ kinh Đông	8,2 km
260	Kon Tum	00 giờ 34 phút 39 giây (giờ Hà Nội) ngày 25 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.862 độ vĩ Bắc, 108.298 độ kinh Đông	8,2 km
261	Kon Tum	01 giờ 27 phút 59 giây (giờ Hà Nội) ngày 25 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.846 độ vĩ Bắc, 108.286 độ kinh Đông	8,1 km
262	Quảng Nam	18 giờ 54 phút 32 giây (giờ Hà Nội) ngày 25 tháng 08 năm 2023	Nam Trà My	2,7	15.062 độ vĩ Bắc, 108.216 độ kinh Đông	8,1 km
263	Kon Tum	10 giờ 48 phút 29 giây (giờ Hà Nội) ngày 29 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.926 độ vĩ Bắc, 108.263 độ kinh Đông	8,1 km
264	Kon Tum	20 giờ 44 phút 40 giây (giờ Hà Nội) ngày 29 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	3,4	15.040 độ vĩ Bắc, 108.180 độ kinh Đông	8,1 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
265	Kon Tum	20 giờ 48 phút 54 giây (giờ Hà Nội) ngày 29 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	3,4	15.031 độ vĩ Bắc, 108.155 độ kinh Đông	8,1 km
266	Quảng Ninh	06 giờ 33 phút 14 giây (giờ Hà Nội) ngày 31 tháng 08 năm 2023	Tiên Yên	2,6	21.209 độ vĩ Bắc, 107.371 độ kinh Đông	8 km
267	Kon Tum	07 giờ 28 phút 39 giây (giờ Hà Nội) ngày 31 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.794 độ vĩ Bắc, 108.288 độ kinh Đông	8,3 km
268	Kon Tum	20 giờ 21 phút 36 giây (giờ Hà Nội) ngày 31 tháng 08 năm 2023	Kon Plông	3	15.043 độ vĩ Bắc, 108.162 độ kinh Đông	8,1 km
269	Kon Tum	02 giờ 00 phút 18 giây (giờ Hà Nội) ngày 03 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.876 độ vĩ Bắc, 108.271 độ kinh Đông	8,1 km
270	Kon Tum	22 giờ 30 phút 21 giây (giờ Hà Nội) ngày 08 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.837 độ vĩ Bắc, 108.232 độ kinh Đông	8,2 km
271	Kon Tum	00 giờ 17 phút 39 giây (giờ Hà Nội) ngày 10 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.796 độ vĩ Bắc, 108.294 độ kinh Đông	10 km
272	Kon Tum	04 giờ 52 phút 41 giây (giờ Hà Nội) ngày 10 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.978 độ vĩ Bắc, 108.180 độ kinh Đông	8,1 km
273	Kon Tum	15 giờ 54 phút 40 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,7	15.000 độ vĩ Bắc, 108.241 độ kinh Đông	10 km
274	Kon Tum	20 giờ 01 phút 23 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.793 độ vĩ Bắc, 108.305 độ kinh Đông	8,1 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
275	Kon Tum	11 giờ 48 phút 13 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.798 độ vĩ Bắc, 108.382 độ kinh Đông	8,1 km
276	Kon Tum	12 giờ 06 phút 00 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.729 độ vĩ Bắc, 108.329 độ kinh Đông	8,1 km
277	Kon Tum	13 giờ 37 phút 06 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	3	14.742 độ vĩ Bắc, 108.281 độ kinh Đông	8,1 km
278	Kon Tum	13 giờ 37 phút 06 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.826 độ vĩ Bắc, 108.210 độ kinh Đông	8,1 km
279	Kon Tum	05 giờ 03 phút 51 giây (giờ Hà Nội) ngày 21 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.809 độ vĩ Bắc, 108.256 độ kinh Đông	8,1 km
280	Kon Tum	23 giờ 21 phút 16 giây (giờ Hà Nội) ngày 21 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.927 độ vĩ Bắc, 108.268 độ kinh Đông	10 km
281	Kon Tum	05 giờ 04 phút 29 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.819 độ vĩ Bắc, 108.263 độ kinh Đông	8,1 km
282	Kon Tum	07 giờ 45 phút 47 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	4,4	14.883 độ vĩ Bắc, 108.303 độ kinh Đông	8 km
283	Kon Tum	08 giờ 02 phút 32 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.889 độ vĩ Bắc, 108.310 độ kinh Đông	10 km
284	Kon Tum	08 giờ 35 phút 58 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.901 độ vĩ Bắc, 108.334 độ kinh Đông	10 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
285	Kon Tum	08 giờ 57 phút 40 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.882 độ vĩ Bắc, 108.321 độ kinh Đông	10 km
286	Kon Tum	09 giờ 57 phút 05 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	3,9	14.895 độ vĩ Bắc, 108.306 độ kinh Đông	8,1 km
287	Kon Tum	10 giờ 12 phút 14 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	3,4	14.872 độ vĩ Bắc, 108.295 độ kinh Đông	8,1 km
288	Kon Tum	10 giờ 25 phút 10 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	3,6	14.892 độ vĩ Bắc, 108.297 độ kinh Đông	8,1 km
289	Kon Tum	12 giờ 47 phút 41 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	3	14.883 độ vĩ Bắc, 108.254 độ kinh Đông	8,1 km
290	Kon Tum	21 giờ 01 phút 07 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.837 độ vĩ Bắc, 108.290 độ kinh Đông	8,1 km
291	Quảng Nam	22 giờ 35 phút 18 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 09 năm 2023	Bắc Trà My	3	15.335 độ vĩ Bắc, 108.164 độ kinh Đông	10 km
292	Kon Tum	00 giờ 34 phút 36 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.888 độ vĩ Bắc, 108.305 độ kinh Đông	10 km
293	Kon Tum	01 giờ 07 phút 24 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.882 độ vĩ Bắc, 108.237 độ kinh Đông	8,1 km
294	Kon Tum	18 giờ 18 phút 32 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.771 độ vĩ Bắc, 108.456 độ kinh Đông	8,1 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
295	Kon Tum	08 giờ 28 phút 55 giây (giờ Hà Nội) ngày 24 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.876 độ vĩ Bắc, 108.269 độ kinh Đông	8,1 km
296	Kon Tum	10 giờ 02 phút 20 giây (giờ Hà Nội) ngày 24 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.937 độ vĩ Bắc, 108.176 độ kinh Đông	8,1 km
297	Quảng Nam	20 giờ 04 phút 06 giây (giờ Hà Nội) ngày 24 tháng 09 năm 2023	Bắc Trà My	2,8	15.352 độ vĩ Bắc, 108.154 độ kinh Đông	8,1 km
298	Kon Tum	02 giờ 52 phút 03 giây (giờ Hà Nội) ngày 25 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	3,4	14.890 độ vĩ Bắc, 108.295 độ kinh Đông	8,1 km
299	Kon Tum	16 giờ 35 phút 07 giây (giờ Hà Nội) ngày 26 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.851 độ vĩ Bắc, 108.235 độ kinh Đông	8,1 km
300	Kon Tum	00 giờ 32 phút 13 giây (giờ Hà Nội) ngày 28 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,7	15.037 độ vĩ Bắc, 108.203 độ kinh Đông	8,0 km
301	Kon Tum	11 giờ 04 phút 36 giây (giờ Hà Nội) ngày 29 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	3	14.787 độ vĩ Bắc, 108.260 độ kinh Đông	10 km
302	Quảng Nam	04 giờ 21 phút 52 giây (giờ Hà Nội) ngày 30 tháng 09 năm 2023	Nam Trà My	3,1	15.055 độ vĩ Bắc, 108.192 độ kinh Đông	10
303	Kon Tum	04 giờ 44 phút 46 giây (giờ Hà Nội) ngày 30 tháng 09 năm 2023	Kon Plông	2,6	15.022 độ vĩ Bắc, 108.210 độ kinh Đông	
304	Kon Tum	18 giờ 27 phút 42 giây (giờ Hà Nội) ngày 02 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.855 độ vĩ Bắc, 108.247 độ kinh Đông	

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
305	Kon Tum	06 giờ 39 phút 13 giây (giờ Hà Nội) ngày 05 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.801 độ vĩ Bắc, 108.233 độ kinh Đông	
306	Kon Tum	11 giờ 58 phút 10 giây (giờ Hà Nội) ngày 05 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	2,6	20.928 độ vĩ Bắc, 103.810 độ kinh Đông	
307	Kon Tum	07 giờ 18 phút 50 giây (giờ Hà Nội) ngày 06 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.906 độ vĩ Bắc, 108.265 độ kinh Đông	
308	Kon Tum	08 giờ 30 phút 41 giây (giờ Hà Nội) ngày 06 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.830 độ vĩ Bắc, 108.229 độ kinh Đông	
309	Kon Tum	14 giờ 53 phút 49 giây (giờ Hà Nội) ngày 08 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.813 độ vĩ Bắc, 108.234 độ kinh Đông	
310	Kon Tum	19 giờ 10 phút 00 giây (giờ Hà Nội) ngày 08 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	3,4	14.895 độ vĩ Bắc, 108.253 độ kinh Đông	
311	Kon Tum	19 giờ 28 phút 56 giây (giờ Hà Nội) ngày 10 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.944 độ vĩ Bắc, 108.243 độ kinh Đông	
312	Kon Tum	01 giờ 45 phút 31 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	3,4	14.807 độ vĩ Bắc, 108.283 độ kinh Đông	
313	Kon Tum	23 giờ 13 phút 33 giây (giờ Hà Nội) ngày 19 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.858 độ vĩ Bắc, 108.152 độ kinh Đông	8.1 km
314	Kon Tum	22 giờ 07 phút 46 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.825 độ vĩ Bắc, 108.324 độ kinh Đông	8.1 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
315	Kon Tum	22 giờ 28 phút 57 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.894 độ vĩ Bắc, 108.300 độ kinh Đông	8.1 km
316	Kon Tum	22 giờ 29 phút 39 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.833 độ vĩ Bắc, 108.353 độ kinh Đông	8.1 km
317	Kon Tum	07 giờ 08 phút 38 giây (giờ Hà Nội) ngày 23 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	3,2	15.022 độ vĩ Bắc, 108.175 độ kinh Đông	8.1 km
318	Quảng Bình	06 giờ 55 phút 45 giây (giờ Hà Nội) ngày 25 tháng 10 năm 2023	Quảng Trạch	4	17.868 độ vĩ Bắc, 106.392 độ kinh Đông	12 km
319	Kon Tum	13 giờ 27 phút 22 giây (giờ Hà Nội) ngày 27 tháng 10 năm 2023	Kon Plông	2,5	14.855 độ vĩ Bắc, 108.332 độ kinh Đông	8.1 km
320	Quảng Nam	22 giờ 56 phút 25 giây (giờ Hà Nội) ngày 29 tháng 10 năm 2023	Bắc Trà My	2,8	15.217 độ vĩ Bắc, 108.235 độ kinh Đông	8 km
321	Quảng Nam	00 giờ 32 phút 35 giây (giờ Hà Nội) ngày 02 tháng 11 năm 2023	Nam Trà My	2,8	14.973 độ vĩ Bắc, 108.150 độ kinh Đông	8.1 km
322	Quảng Nam	04 giờ 41 phút 19 giây (giờ Hà Nội) ngày 03 tháng 11 năm 2023	Bắc Trà My	3	15.220 độ vĩ Bắc, 108.182 độ kinh Đông	8.1 km
323	Quảng Nam	08 giờ 45 phút 03 giây (giờ Hà Nội) ngày 03 tháng 11 năm 2023	Nam Trà My	2,6	15.183 độ vĩ Bắc, 108.184 độ kinh Đông	10 km
324	Kon Tum	10 giờ 46 phút 0 giây (giờ Hà Nội) ngày 08 tháng 11 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.792 độ vĩ Bắc, 108.310 độ kinh Đông	8.1 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
325	Kon Tum	05 giờ 29 phút 25 giây (giờ Hà Nội) ngày 12 tháng 11 năm 2023	Kon Plông	3	14.850 độ vĩ Bắc, 108.244 độ kinh Đông	8.1 km
326	Kon Tum	01 giờ 09 phút 05 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 11 năm 2023	Kon Plông	3	14.816 độ vĩ Bắc, 108.306 độ kinh Đông	8.1 km
327	Kon Tum	10 giờ 02 phút 12 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 11 năm 2023	Kon Plông	4	14.744 độ vĩ Bắc, 108.260 độ kinh Đông	8.1 km
328	Kon Tum	10 giờ 31 phút 39 giây (giờ Hà Nội) ngày 13 tháng 11 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.781 độ vĩ Bắc, 108.287 độ kinh Đông	8.1 km
329	Kon Tum	16 giờ 07 phút 04 giây (giờ Hà Nội) ngày 16 tháng 11 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.774 độ vĩ Bắc, 108.254 độ kinh Đông	8.1 km
330	Kon Tum	01 giờ 05 phút 49 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 11 năm 2023	Kon Plông	3,2	14.823 độ vĩ Bắc, 108.315 độ kinh Đông	8.1 km
331	Kon Tum	01 giờ 32 phút 31 giây (giờ Hà Nội) ngày 22 tháng 11 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.724 độ vĩ Bắc, 108.310 độ kinh Đông	8.1 km
332	Kon Tum	19 giờ 02 phút 24 giây (giờ Hà Nội) ngày 30 tháng 11 năm 2023	Kon Plông	2,8	14.821 độ vĩ Bắc, 108.266 độ kinh Đông	8.1 km
333	Sơn La	19 giờ 39 phút 43 giây (giờ Hà Nội) ngày 05 tháng 12 năm 2023	Thuận Châu	3	21.428 độ vĩ Bắc, 103.684 độ kinh Đông	16 km
334	Kon Tum	05 giờ 10 phút 45 giây (giờ Hà Nội) ngày 11 tháng 12 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.749 độ vĩ Bắc, 108.347 độ kinh Đông	8.1 km

TT	Tỉnh	Thời gian xảy ra	Địa bàn	Độ lớn	Tọa độ	Độ sâu chấn tiêu
335	Kon Tum	01 giờ 08 phút 47 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 12 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.712 độ vĩ Bắc, 108.506 độ kinh Đông	10 km
336	Kon Tum	01 giờ 19 phút 55 giây (giờ Hà Nội) ngày 14 tháng 12 năm 2023	Kon Plông	3,3	14.725 độ vĩ Bắc, 108.465 độ kinh Đông	10 km
337	Kon Tum	23 giờ 54 phút 07 giây (giờ Hà Nội) ngày 15 tháng 12 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.890 độ vĩ Bắc, 108.265 độ kinh Đông	8.3 km
338	Kon Tum	23 giờ 28 phút 24 giây (giờ Hà Nội) ngày 17 tháng 12 năm 2023	Kon Plông	4	14.822 độ vĩ Bắc, 108.311 độ kinh Đông	8.1 km
339	Kon Tum	10 giờ 32 phút 11 giây (giờ Hà Nội) ngày 21 tháng 12 năm 2023	Kon Plông	2,9	14.907 độ vĩ Bắc, 108.272 độ kinh Đông	8.1 km
340	Sơn La	05 giờ 44 phút 45 giây (giờ Hà Nội) ngày 24 tháng 12 năm 2023	Mường La	2,7	21.498 độ vĩ Bắc, 104.013 độ kinh Đông	7 km
341	Kon Tum	07 giờ 27 phút 23 giây (giờ Hà Nội) ngày 24 tháng 12 năm 2023	Kon Plông	3	14.794 độ vĩ Bắc, 108.352 độ kinh Đông	8 km
342	Kon Tum	19 giờ 26 phút 45 giây (giờ Hà Nội) ngày 26 tháng 12 năm 2023	Kon Plông	2,7	14.825 độ vĩ Bắc, 108.278 độ kinh Đông	8.1 km
343	Kon Tum	19 giờ 27 phút 17 giây (giờ Hà Nội) ngày 26 tháng 12 năm 2023	Kon Plông	3	14.803 độ vĩ Bắc, 108.282 độ kinh Đông	8.1 km
344	Kon Tum	19 giờ 19 phút 02 giây (giờ Hà Nội) ngày 31 tháng 12 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.756 độ vĩ Bắc, 108.346 độ kinh Đông	8.1 km
345	Kon Tum	23 giờ 20 phút 30 giây (giờ Hà Nội) ngày 31 tháng 12 năm 2023	Kon Plông	3,1	14.805 độ vĩ Bắc, 108.306 độ kinh Đông	8.1 km
346	Kon Tum	23 giờ 23 phút 10 giây (giờ Hà Nội) ngày 31 tháng 12 năm 2023	Kon Plông	2,6	14.807 độ vĩ Bắc, 108.280 độ kinh Đông	8.1 km

7. SẠT LỬ TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Năm 2023, sạt lở tại khu vực đồng bằng sông cửu Long có diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường gây thiệt hại lớn về nhà và tài sản của người dân. Trong năm đã xảy ra trên 813 điểm sạt lở lớn, nhỏ gây thiệt hại như sau:

- Về người: 02 người bị thương.
- Về nhà ở: 74 nhà bị thiệt hại hoàn toàn; 230 nhà bị sạt lở, hư hỏng.
- Về nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản: 1.001 ha diện tích lúa, hoa màu, 270 ha cây trồng khác bị thiệt hại; 2.370 con gia cầm bị chết; 145 ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại.
- Về thủy lợi: 7.691 m bờ bao, kè, kênh mương; trên 64 km bờ sông, bờ biển bị sạt lở, hư hỏng.
- Về giao thông: 3.278 m đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng.

Ước tính tổng thiệt hại về kinh tế trên 147,8 tỷ đồng.

PHẦN II
CÁC HOẠT ĐỘNG
PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Văn bản quy phạm pháp luật; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phòng, chống thiên tai

Công tác hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được quan tâm và triển khai với các hoạt động cụ thể như sau:

- Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được Quốc hội khoá 15 thông qua tại kỳ họp thứ 5 ngày 20/6/2023 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2024; xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự; tổng kết pháp luật về tình trạng khẩn cấp và lập Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Tình trạng khẩn cấp.
- Nghị định thay thế Nghị định số 02/2017/NĐ-CP về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình Thủ tướng Chính phủ đề xuất xây dựng 02 Nghị định riêng và đã được Thủ tướng đồng ý tại các văn bản số 4809/VPCP-NN ngày 29/6/2023 và số 137/VPCP-NN ngày 05/01/2024 của Văn phòng Chính phủ. Hiện đang tổ chức dự thảo Nghị định và dự kiến trình Chính phủ ban hành trong năm 2024.
- Nghị định sửa đổi Nghị định 78/2021/NĐ-CP về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai: Đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định tại Tờ trình số 9636/TTr-BNN-ĐĐ ngày 29/12/2023.
- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 25/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 hướng dẫn quy trình duy tu bảo dưỡng đê điều và xử lý khẩn cấp (cấp bách) sự cố đê điều.

2. Tổ chức, bộ máy

Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các bộ ngành, địa phương đã tổ chức kiện toàn, phân công nhiệm vụ, rà soát, điều chỉnh quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ủy ban Quốc gia, Ban Chỉ huy các cấp, cụ thể :

- Quyết định kiện toàn, danh sách thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai². Rà soát sửa đổi quy chế trực ban, họp và ban hành công điện

² Quyết định số 169/QĐ-TTg ngày 01/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai; Quyết định số 03/QĐ-QGPCTT ngày 10/4/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai ban hành danh sách thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia về PCTT.

chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai³, Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai⁴, Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai phù hợp với cơ cấu tổ chức và yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới⁵.

- Ban Chỉ đạo và Ủy ban Quốc gia đã ban hành chương trình, kế hoạch công tác năm; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách địa bàn; thành lập và tổ chức 23 đoàn công tác của thành viên Ban Chỉ đạo đi kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của các tỉnh, thành phố tại Quyết định số 07/QĐ-QGPCTT ngày 07/6/2023.

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp ở địa phương đã kiện toàn, phân công nhiệm vụ, rà soát, điều chỉnh quy chế hoạt động; tổ chức các đoàn công tác của thành viên Ban Chỉ huy đi kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại các địa phương trực thuộc.

3. Phòng ngừa và kiểm soát rủi ro thiên tai

Năm qua, công tác phòng ngừa đã được triển khai đồng bộ cả chiều sâu và diện rộng, gồm:

- Tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia về phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021); Kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia đến năm 2025 (Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15/3/2021). Triển khai xây dựng Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia, đôn đốc các Bộ ngành, địa phương triển khai thực hiện (văn bản số 341/BNN-CPTT ngày 18/01/2023).

- Hoàn thành việc xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023); điều chỉnh Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình (Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 21/4/2023).

- Tổ chức thành công Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023 tại trụ sở Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng ban Chỉ đạo

³ Quyết định số 04/QĐ-QGPCTT ngày 11/4/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai.

⁴ Quyết định số 05/QĐ-QGPCTT ngày 07/6/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai.

⁵ Quyết định số 01/QĐ-QGPCTT ngày 09/02/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai.

và Bộ trưởng Lê Minh Hoan - Phó Trưởng ban thường trực chủ trì; tổ chức Hội nghị nâng cao năng lực cho Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh/thành phố vào ngày 13/10/2023 tại Quảng Ninh.

- Tổ chức Tuần lễ Quốc gia về phòng, chống thiên tai với chủ đề “Từ ứng phó đến hành động sớm” tại tỉnh Quảng Nam và hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện; Ban Chỉ đạo báo cáo Lãnh đạo Chính phủ về kết quả đánh giá công tác phòng, chống thiên tai cấp tỉnh năm 2022; tổ chức đánh giá kết quả 03 năm thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo khung giám sát, đánh giá; phê duyệt nội dung Sách trắng về phòng chống thiên tai Việt Nam và công bố rộng rãi trên Website của Ban Chỉ đạo.

4. Dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai

- Công tác dự báo cảnh báo, đã cung cấp kịp thời các bản tin dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm phục vụ công tác chỉ đạo, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai và chủ động kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Các địa phương tổ chức lắp đặt bổ sung các trạm đo mưa tự động phục vụ công tác dự báo, cảnh báo thiên tai (tổng số trạm chuyên dùng đến tháng 3/2024 là 2.552 trạm).

- Công tác dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai đã được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo nhanh chóng, kịp thời, sát với tình hình thực tế. Nội dung dự báo, cảnh báo được truyền tải đến người dân với nhiều hình thức khác nhau (qua các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình, báo chí, nhắn tin qua mạng di động, các ứng dụng OTT) đảm bảo thông tin luôn được truyền tải đầy đủ, kịp thời đến các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương và người dân, cụ thể:

+ Trên các mạng viễn thông di động: Triển khai nhắn tin để tuyên truyền, dự báo, cảnh báo về thiên tai trên các mạng viễn thông di động theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai với tổng cộng trên 6 triệu lượt tin nhắn SMS đã được gửi đến người dân trong vùng ảnh hưởng của thiên tai.

+ Trên các phương tiện thông tin đại chúng: Các đơn vị báo chí, phát thanh, truyền hình đã truyền tải kịp thời truyền tải các nội dung cảnh báo cáo thiên tai với 3.560 tin bài được đăng tải trên các báo, tạp chí điện tử, phát thanh, truyền hình để tuyên truyền, dự báo, cảnh báo về công tác phòng, chống thiên tai.

+ Trên hệ thống các Đài Thông tin duyên hải: Hệ thống Đài thông tin Duyên Hải Việt Nam đã thực hiện công tác tiếp nhận và phát quang bá chính xác, kịp thời, đủ tần suất, phủ sóng tin cậy các bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai trên biển bằng các phương thức và trên các tần số theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 19/2013/TT-BTTTT (đã tiếp nhận, xử lý 1.145 bản tin cảnh báo, 1.839 bản tin dự báo thiên tai trên biển lấy nguồn từ Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia và thực hiện phát quang bá bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết Biển (WX) với 79.698 lượt; 382 bản tin nguồn về các sự kiện, phương tiện bị nạn, thuyền viên cần trợ giúp và thực hiện phát quang bá điện Tìm kiếm Cứu nạn (SAR) với hơn 23.721 lượt).

5. Chỉ đạo ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai

Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành ứng phó với các tình huống thiên tai đã được chú trọng và đổi mới theo hướng chặt chẽ, sâu sát, quyết liệt, linh hoạt, bám sát thực tiễn nên đã giảm thiểu tối đa thiệt hại do thiên tai, cụ thể:

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo, Ủy ban Quốc gia và Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh đã tổ chức trực ban 24/24h⁶, theo dõi, nắm bắt sớm các tình huống thiên tai đồng thời phân tích, nhận định, đánh giá diễn biến để đưa ra các biện pháp ứng phó; tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành 16 công điện, Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai - Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và TKCN, Văn phòng thường trực ban hành 64 công điện, văn bản chỉ đạo các Bộ ngành, địa phương ứng phó với các đợt thiên tai.

- Thường xuyên cập nhật thông tin dự báo, cảnh báo, theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình thiên tai, xây dựng các kịch bản và tham mưu đầy đủ, kịp thời cho lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo Ban Chỉ đạo chỉ đạo, điều hành ứng phó với các tình huống thiên tai. Báo cáo, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin đến Lãnh đạo, các thành viên Ban Chỉ đạo, Lãnh đạo Ban Chỉ huy các Bộ, ngành, địa phương và nhân dân, cộng đồng.

- Năm 2023, các bộ, ngành, địa phương đã điều động 204.507 lượt người/23.132 lượt phương tiện ứng phó, xử lý hiệu quả 4.336 vụ, cứu được 3.968 người, 207 phương tiện; hướng dẫn, hỗ trợ di dời 962.933 người, 201.799 phương tiện từ nơi nguy hiểm về nơi an toàn; đã kêu gọi, kiểm đếm, hướng dẫn cho 328.227

⁶ Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo duy trì nghiêm túc, bài bản với 4.050 lượt cán bộ tham gia trực ban với 10 bộ phận trực.

tàu/1.608.015 lao động biết diễn biến, hướng di chuyển của bão, ATNĐ để chủ động phòng tránh.

- Tổ chức tính toán theo dõi, thực hiện công tác vận hành các liên liên hồ lưu vực sông Hồng và 10 lưu vực khu vực miền Trung Tây nguyên và Đông Nam Bộ; Trong năm qua phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Nam chỉ đạo điều hành trong 02 đợt mưa lớn từ 10-18/10 và 13-17/11/2023 nên đã cắt lũ hiệu quả, giảm ngập lụt cho hạ du.

6. Truyền thông và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

- Tăng cường công tác thông tin truyền thông về phòng, chống thiên tai. Các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương, địa phương nhất là Câu lạc bộ Phóng viên Phòng, chống thiên tai thường xuyên cung cấp thông tin liên quan đến tình hình thiên tai, công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ban Chỉ đạo, Ủy ban Quốc gia, các Bộ ngành, địa phương. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai bằng các hình thức truyền tải thông qua: Báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, ấn phẩm đa phương tiện, mạng xã hội... Trong năm 2023, có khoảng 40.207 tin bài về phòng chống thiên tai được các cơ quan báo chí tuyên truyền đến cộng đồng. Duy trì và tăng cường truyền thông, cảnh báo phòng, chống thiên tai trên các trang thông tin như website (trang tiếng Anh và tiếng Việt), mạng xã hội: Facebook (Phongchongthientai; Thiên tai thế giới), Zalo, Tiktok và gửi 38,2 triệu tin nhắn Zalo cảnh báo cộng đồng tới các thuê bao khu vực bị ảnh hưởng. Tổ chức các hội nghị, tập huấn, hội thảo về nâng cao năng lực cộng đồng trong phòng, chống thiên tai như: Tuyên truyền phổ biến pháp luật; tập huấn mô hình “Cộng đồng an toàn, sạch và xanh”; hướng dẫn tổ chức hoạt động ngoại khóa về chủ đề phòng, chống thiên tai; tập huấn lồng ghép, tích hợp kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình giảng dạy cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp Trung học cơ sở; tổ chức 03 cuộc thi Rung chuông vàng “Cùng em phòng chống thiên tai” tại 03 tỉnh Hòa Bình, Quảng Nam, Lai Châu.

- Các bộ, ngành, địa phương đã chủ động chỉ đạo các cơ quan chức năng làm tốt công tác đào tạo, huấn luyện, tập huấn, diễn tập theo các phương án, tình huống cơ bản bảo đảm phương châm “cơ bản, thiết thực, vững chắc” phát huy được

“bốn tại chỗ”, “ba sẵn sàng” như: Đã tổ chức 239 lớp đào tạo, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ cứu hộ, cứu nạn cho 18.633 học viên của các Bộ ngành, địa phương, các quân khu, quân đoàn, quân binh chủng. Tổ chức 10 cuộc diễn tập quốc tế, 24 cuộc diễn tập cấp tỉnh, thành phố, 64 cuộc diễn tập cấp quận, huyện, 162 cuộc diễn tập cấp xã, phường ứng phó với các tình huống thiên tai, sự cố và tìm kiếm cứu nạn với đầy đủ các lực lượng tham gia.

- Tổ chức thành công các hoạt động thông tin, tuyên truyền phục vụ hội nghị Bộ trưởng ASEAN về Quản lý thiên tai (AMMDM) lần thứ 11, trong đó nổi bật như phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Truyền hình Quân đội, Vì An ninh Tổ quốc, chương trình Khoa học giáo dục Quốc phòng xây dựng và phát sóng Trailer, các chương trình “Cửa sổ ASEAN”, “Vấn đề hôm nay”, “Tương lai xanh”, “Sự kiện và bình luận”, các bản tin, phóng sự trên các chương trình “Thời sự”, “Chào buổi sáng”, “Việt Nam hôm nay”,...; Xây dựng phim tài liệu tuyên truyền sử dụng chất liệu mùa rớt nước dân gian về hợp tác đa phương ASEAN về quản lý thiên tai và giới thiệu năm Chủ tịch của Việt Nam; Giải chạy hưởng ứng ngày Quốc tế Giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại thành phố Hạ Long, Quảng Ninh với sự tham dự và hưởng ứng của hơn 1.200 người; Cuộc thi hùng biện tiếng Anh về phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu với sự tham gia của hơn 5.000 học sinh tham gia trên toàn quốc. Xây dựng và phát hành nhiều nội dung hấp dẫn tuyên truyền về phòng, chống thiên tai dành cho trẻ em⁷.

- Triển khai Đề án nâng cao nhận thức cho cộng đồng (Đề án 553) và hướng dẫn địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Bảo đảm thông tin cập nhật liên tục kịp thời, chính xác về công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Tăng cường hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý. Tổ chức 40 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai, quản lý đề chuyên trách và cán bộ địa phương với tổng số 1840 lượt người.

- Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức 03 buổi Tọa đàm “Phát triển sinh kế bền vững, giảm nhẹ rủi ro thiên tai” cho các khuyến nông

⁷Tổ chức các cuộc thi như: Truyện tranh “Biệt đội thiên tài phòng, chống thiên tai” và sách tô màu tìm hiểu kiến thức “Cùng em phòng, chống thiên tai”; 10 tập phim đặc biệt về phòng, chống thiên tai phát sóng trong chương trình hoạt hình “An toàn cho con” trên kênh VTV3; cuộc thi nhảy đồng diễn flashmob “Như cánh điều bay - Flying Kites” cho trẻ em thu hút 1.796 tác phẩm dự thi với hơn 63.000 em nhỏ tham gia nhảy đến từ 50/63 tỉnh, thành phố

viên và hợp tác xã tại tỉnh Ninh Thuận, Quảng Trị, Lào Cai với 320 lượt đại biểu tham dự để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; định hướng các giải pháp về sinh kế để phát triển nông nghiệp bền vững.

- Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách về phòng, chống thiên tai cho thanh thiếu nhi; hướng dẫn kỹ năng phòng, chống thiên tai, nhất là kỹ năng ứng phó với tình huống thiên tai phức tạp cho đoàn viên, thanh thiếu nhi, cán bộ đoàn các cấp, đặc biệt tại những các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới, ngập úng, lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển,...). Tuyên truyền kiến thức, kỹ năng về các hoạt động phòng ngừa ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; các mô hình, bài học kinh nghiệm tại cộng đồng về phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; công tác dự báo, cảnh báo thiên tai, hỗ trợ, chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phòng chống thiên tai tại cơ quan, cộng đồng; xây dựng và sử dụng các công cụ tuyên truyền trực quan như infographic, video clip phóng sự ngắn về cách xử lý những tình huống đối với các loại hình thiên tai cho đội thanh niên tình nguyện xung kích phòng chống thiên tai, cán bộ đoàn chủ chốt, đoàn viên, tuyên truyền viên các cấp.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức tập huấn chính sách trợ giúp xã hội; trong đó, ưu tiên các tỉnh và địa phương thường xuyên xảy ra thiên tai.

7. Đề điều, hồ đập và công trình phòng, chống thiên tai

Công tác quản lý đề điều tiếp tục được duy trì một cách bài bản, nề nếp, từ việc tổ chức đánh giá hiện trạng, xác định các trọng điểm xung yếu, xây dựng phương án hộ đề, bảo vệ trọng điểm trước mùa lũ bão và triển khai trên thực tế; theo dõi chặt chẽ diễn biến lũ, bão, công trình và kịp thời xử lý các sự cố xảy ra đảm bảo an toàn hệ thống đề điều, nhất là các tuyến đề từ cấp III đến cấp đặc biệt. Hàng tháng đều tổng hợp tình hình vi phạm pháp luật về đề điều, thông báo đến UBND cấp tỉnh đề nghị chỉ đạo xử lý theo quy định. Đồng thời, thường xuyên hướng dẫn, phối hợp các địa phương, các Chủ đầu tư trong việc triển khai các dự án tu bổ, nâng cấp và duy tu bảo dưỡng đề điều đảm bảo chất lượng, tiến độ, cụ thể:

- Ban hành Chỉ thị số 1148/CT-BNN-ĐĐ ngày 01/3/2023 gửi các địa phương về việc tăng cường công tác quản lý đê điều và chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, chống lũ bão năm 2023;
- Ban hành các văn bản hướng dẫn, 18 tỉnh/tp miền Bắc, 11 tỉnh/tp miền Trung, 17 tỉnh miền Nam đánh giá hiện trạng hệ thống đê biển, đê sông, đê cửa sông, đê bao, bờ bao và xây dựng phương án hộ đê, đảm bảo an toàn năm 2023;
- Hướng dẫn và tổ chức họp với các địa phương báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước lũ năm 2023 và phương án bảo vệ trọng điểm đê điều. Tổ chức kiểm tra thực tế các tuyến đê trước lũ và công tác chuẩn bị của các địa phương; đôn đốc xử lý các sự cố, hoàn thành việc thi công xây dựng các công qua đê, sẵn sàng đảm bảo an toàn đê điều trong mùa mưa bão;
- Ban hành văn bản số 3276/BNN-ĐĐ-QLĐĐ ngày 22/5/2023 về việc triển khai thực hiện phương án bảo vệ 288 trọng điểm đê điều xung yếu; các văn bản gửi UBND các tỉnh, thành phố về việc khẩn trương hoàn thành việc thi công xây dựng các công qua đê, sẵn sàng đảm bảo an toàn đê điều trong mùa lũ bão năm 2023;
- Ban hành Quyết định phân loại, phân cấp đê trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, Trà Vinh, Nam Định, Phú Thọ theo đề nghị của các địa phương;
- Thẩm định thiết kế, dự toán các công trình đầu tư, tu bổ, nâng cấp đối với các tuyến đê cấp I, cấp đặc biệt và các dự án khác được giao;
- Đối với công tác duy tu bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều: Đã phê duyệt Báo cáo KTKT/Dự án duy tu bảo dưỡng đê điều của 21 tỉnh, thành phố; thẩm định thiết kế bản vẽ thi công Dự án duy tu bảo dưỡng đê điều 12 tỉnh, thành phố (đến nay các địa phương đã hoàn thành công tác duy tu bảo dưỡng đê điều theo Kế hoạch). Tổ chức kiểm tra thực địa, có ý kiến về chủ trương và phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật 08 công trình xử lý cấp bách sự cố đê điều trên cơ sở đề nghị của các địa phương.
- Đối với các dự án nâng cấp đê điều thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (gồm 04 dự án: Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều giai đoạn 2021-2025; xử lý cấp bách các công xung yếu dưới đê từ cấp III trở lên; củng cố hoàn thiện và xử lý sạt lở đê biển một số tỉnh Bắc Bộ và Xử lý sạt lở cấp bách sông suối một số tỉnh miền núi phía Bắc). Các chủ đầu tư cam kết giải ngân 100% vốn 2023 trong tháng 01/2024.

- Tổ chức Hội nghị Chủ tịch UBND cấp huyện các tỉnh, TP có đê từ cấp III trở lên tại Nghệ An; Hội nghị Tập huấn kỹ thuật hộ đê, phòng chống lụt bão cho lực lượng quản lý đê chuyên trách 21 tỉnh, thành phố có đê từ cấp III đến cấp đặc biệt tại Cần Thơ;
- Hệ thống camera, theo dõi mực nước tự động tại các vị trí trọng điểm lược bổ sung, duy trì thường xuyên, đảm bảo hoạt động liên tục phục vụ công tác theo dõi, giám sát, ứng phó hộ đê được nhanh chóng, chính xác, đảm bảo an toàn, nhất là các vị trí trọng điểm xung yếu.
- Đôn đốc các địa phương thực hiện Kế hoạch thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng đê kiểu mẫu” giai đoạn 2022-2025.

8. Ứng dụng khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

Hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế trong phòng, chống thiên tai được triển khai trên nhiều lĩnh vực đạt kết quả.

Việc ứng dụng khoa học, công nghệ, hợp tác quốc tế trong phòng, chống thiên tai ngày càng được quan tâm; các hoạt động hợp tác quốc tế trong khuôn khổ các thỏa thuận Việt Nam vẫn được triển khai tích cực:

8.1. Về khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong phòng chống thiên tai; tổ chức thực hiện 13 nhiệm vụ xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), trong đó: 03 TCVN đã được công bố⁸; 02 TCVN đã thẩm tra hồ sơ; 06 TCVN đang tiếp tục triển khai thực hiện; 02 TCVN bắt đầu thực hiện từ năm 2023 (đến hạn năm 2024). Thường xuyên cập nhật các dữ liệu về dân sinh, kinh tế, công trình PCTT, kết nối với các hệ thống dữ liệu của địa phương vào Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam (VNDMS) phục vụ cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành trong các tình huống thiên tai. Triển khai lắp đặt và vận hành hệ thống cảnh báo sớm trượt lở đất tại xã Hát Lìu, huyện Trạm Tấu tỉnh Yên Bái; khởi công xây dựng thí điểm hệ thống đập sào tại xã Nậm Pấm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La; hoàn thành xây dựng, vận hành hệ thống điều hành hồ chứa trong tình huống khẩn cấp tại lưu vực sông Hương, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁸ (i) TCVN 8303:2022 Quy trình khảo sát, đánh giá diễn biến lòng sông, bờ biển; (ii) TCVN 8419:2022 Công trình bảo vệ đê, bờ sông-Yêu cầu thiết kế tại Quyết định số 2771/QĐ-BKHHCN ngày 30/12/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ; (iii) TCVN 9901:2023 Công trình đê biển - Yêu cầu thiết kế tại Quyết định số 3185/QĐ-BKHHCN ngày 22/12/2023.

- Tổ chức nhiều Hội thảo, tập huấn về hỗ trợ kỹ thuật như: Hội thảo hành động sớm dựa vào dự báo hạn hán ngày 15/5/2023 để nâng cao nhận thức về cách tiếp cận hành động sớm và giới thiệu quy trình hành động sớm dựa vào dự báo hạn hán cho chính quyền các tỉnh vùng ĐBSCL; tập huấn thu thập dữ liệu dân sinh kinh tế phục vụ công tác phòng, chống thiên tai tại các tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên; Diễn tập hành động sớm dựa vào dự báo bão và ngập lụt tại tỉnh Quảng Nam.

- Phối hợp với WWF tổ chức triển khai các hoạt động “Xây dựng cơ sở dữ liệu ngân hàng cát” và “Xây dựng kế hoạch duy trì ổn định hình thái sông ở ĐBSCL”; đến nay các đơn vị tư vấn của WWF đã hoàn thành công tác quan trắc, đo đạc, tính toán mô hình và xây dựng cơ sở dữ liệu ngân hàng cát và chuẩn bị hoàn thiện xây dựng kế hoạch chỉnh trị sông khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

8.2. Về hợp tác quốc tế

- Năm 2023, Việt Nam thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban ASEAN về Quản lý thiên tai (ACDM); phối hợp với Ban thư ký ASEAN, các cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị AMMDM và các sự kiện liên quan với chủ đề “Từ ứng phó đến hành động sớm và Tăng cường chống chịu: ASEAN tiến tới mục tiêu Lãnh đạo toàn cầu trong quản lý thiên tai”. Tổ chức chuỗi sự kiện trong hợp tác quốc tế phòng, chống thiên tai bao gồm: 04 Hội nghị cấp Bộ trưởng, 10 cuộc họp cấp SOM và 03 Diễn đàn/hội thảo khu vực, tổng số có 14 đoàn tham dự với trên 200 đại biểu trong đó khoảng 150 đại biểu quốc tế và 50 đại biểu Việt Nam.

- Hội nghị với sự tham gia của các Bộ trưởng, Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực quản lý thiên tai 10 nước ASEAN, Đông Timor, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Phó Tổng thư ký ASEAN đã tập trung thảo luận, thông qua: Tuyên bố Hạ Long về tăng cường hành động sớm trong quản lý thiên tai khu vực ASEAN do Việt Nam đề xuất và trở thành sáng kiến chung của các nước ASEAN; định hướng các nội dung hợp tác trong quản lý thiên tai ASEAN; đánh giá giữa kỳ thực hiện Chương trình công tác Hiệp định ASEAN về Quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp (AADMER) giai đoạn 2021-2025 và định hướng cho việc xây dựng tầm nhìn ASEAN về Quản lý thiên tai sau năm 2025 cũng như Chương trình công tác AADMER giai đoạn 2025-2030 và một số nội dung liên quan.

- Tổ chức các buổi họp song phương giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT với Thứ trưởng Bộ Quản lý khẩn cấp của Trung Quốc; Thứ trưởng Nội các Đặc trách phụ trách lĩnh vực phòng chống thiên tai của Nhật Bản và Thứ trưởng Bộ Nội vụ và An toàn của Hàn Quốc. Các đối tác đều ghi nhận vai trò, nỗ lực của Việt

Nam trong thúc đẩy hợp tác về quản lý thiên tai khu vực ASEAN với các đối tác nói chung, thống nhất đẩy mạnh hợp tác song phương giữa hai quốc gia về phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức họp thường niên lần thứ 6 nhóm công tác của ACDM về Lãnh đạo toàn cầu tại TP. Hồ Chí Minh vào tháng 9/2023; Phối hợp với Ban Thư ký ASEAN tiến hành các thủ tục điều chỉnh và thông qua sửa đổi các quy tắc tài chính của Quỹ Quản lý thiên tai và cứu trợ khẩn cấp để huy động nguồn lực từ doanh nghiệp và người dân đóng góp cho quỹ.

- Phối hợp với Trung tâm điều phối khu vực ASEAN về cứu trợ nhân đạo thiên tai (Trung tâm AHA) tổ chức khóa tập huấn dành cho giảng viên từ 11-15/12/2023 để chuẩn bị tổ chức tập huấn cho cán bộ làm công tác PCTT tại địa phương về “địa phương hóa đánh giá nhanh thiên tai của ASEAN” trong Quý I-2/2024.

- Đối tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai: Xây dựng hợp tác mới với các tổ chức: CRS, ActionAid, UNDP; hỗ trợ các thành viên đối tác thực hiện các hoạt động thực hiện tập huấn, hội thảo về tăng cường năng lực lập kế hoạch quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản (MLIT) giai đoạn 2023-2025 và tổ chức trao MoU tại Nhật Bản vào ngày 25/5/2023.

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức quốc tế để tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các hợp tác mới. Tiếp tục tổ chức thực hiện 07 dự án hỗ trợ kỹ thuật do đại sứ quán Úc, Chính phủ Nhật Bản, các tổ chức: UNICEF, FAO, WWF, ADPC tài trợ đảm bảo hiệu quả, thiết thực, theo kế hoạch.

- Đẩy mạnh hợp tác diễn đàn quốc tế, khu vực trong lĩnh vực ứng phó sự cố và tìm kiếm cứu nạn như ARF, ADMM, ADMM+...; đặc biệt Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao đã tham mưu cho Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đưa lực lượng tham gia hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa động đất tại Thổ Nhĩ Kỳ tháng 02/2023, được Tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ đến cảm ơn và Nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ cũng như cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao.

TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh những kết quả quan trọng đã đạt được, công tác phòng, chống thiên tai năm qua vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế kéo dài chưa xử lý dứt điểm và hạn chế mới phát sinh cần sớm được khắc phục, cụ thể là:

- 1. Vẫn còn thiệt hại đáng tiếc về người** trong thiên tai do chủ quan, bất cẩn như đánh cá, vớt củi, di chuyển qua ngầm tràn, khu vực ngập sâu,... Việc thực hiện phương châm 4 tại chỗ ở một số nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.
- 2. Khả năng chống chịu** của cơ sở hạ tầng nói chung, công trình PCTT nói riêng còn thấp; phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn còn hạn chế.
- 3. Việc xây dựng kế hoạch PCTT, phương án ứng phó với thiên tai của các địa phương chưa cập nhật thường xuyên, chưa bám sát thực tiễn**, nhất là các tình huống mưa đặc biệt lớn trong thời gian ngắn.
- 4. Việc thành lập đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã có nơi còn hình thức**; công tác tập huấn, huấn luyện kỹ năng, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, phương tiện cho lực lượng xung kích chưa đáp ứng yêu cầu.
- 5. Công tác dự báo, cảnh báo sớm**, đối với một số hình thái thiên tai cục đoạn như lũ quét, mưa lớn cục đoạn, lốc, sét còn hạn chế; thông tin cảnh báo sớm đến người dân ở khu vực xảy ra ngập sâu, lũ quét, sạt lở đất trong một số trường hợp còn chưa được kịp thời, đầy đủ.
- 6. Nguồn lực cho công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả** còn thiếu và chưa đáp ứng nhu cầu thực tế của các địa phương. Việc thành lập Quỹ Phòng chống thiên tai Trung ương chưa hoàn thành. Tiến độ triển khai công tác khắc phục hậu quả ở một số địa phương triển khai còn chậm, không dứt điểm mặc dù đã có quy định của pháp luật, dẫn đến chưa đáp ứng được yêu cầu hoặc giảm hiệu quả đầu tư.
- 7. Mức trợ cấp xã hội** cho người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác tuy đã được nâng lên nhưng vẫn còn thấp so với mức sống tối thiểu của người dân.

PHẦN III

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG
THIÊN TAI NĂM 2024

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH THIÊN TAI

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề của BĐKH và nước biển dâng và dự báo thiên tai ngày càng gia tăng và có xu hướng cực đoan hơn ở hầu hết các vùng miền trên cả nước. Theo dự báo của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia về xu thế khí hậu ở nước ta đến cuối năm 2024 như sau:

- Hiện tượng ENSO: Từ nay đến hết tháng 6/2024, El Nino chuyển sang trạng thái trung tính với xác suất 80-85%; từ tháng 7, tháng 8, ENSO sẽ chuyển dần sang trạng thái Lanina với xác suất từ 65-75% từ tháng 9-11/2024.

- Về bão, ATNĐ: Từ khoảng nửa cuối tháng 6/2024, khả năng sẽ có bão và ATNĐ có khả năng xuất hiện trên Biển Đông. Dự báo có khoảng 11-13 cơn trên Biển Đông và 5-7 cơn ảnh hưởng đến đất liền. Hoạt động của bão và ATNĐ có khả năng sẽ tập trung vào nửa cuối mùa bão (từ tháng 9-11/2024). Đề phòng những cơn bão có diễn biến phức tạp cả về quỹ đạo cũng như cường độ.

- Về nắng nóng: Khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ, hiện tượng nắng nóng và nắng nóng gay gắt có khả năng xuất hiện nhiều hơn so với TBNN trong tháng 7-8/2024, đề phòng xảy ra nắng nóng đặc biệt gay gắt. Nắng nóng có xu hướng giảm dần từ nửa cuối tháng 8 ở Bắc Bộ và từ tháng 9 ở khu vực Trung Bộ.

- Về mưa: Mùa mưa tại Bắc Bộ có khả năng xuất hiện phù hợp với quy luật khí hậu, tại Tây Nguyên và Nam Bộ có khả năng xuất hiện muộn hơn TBNN. Từ tháng 5 đến tháng 8/2024 tại phía Bắc lượng mưa phổ biến xấp xỉ so với TBNN, tháng 9 cao hơn TBNN từ 15-30%, riêng tháng 10 thấp hơn từ 10-30%; phía Nam phổ biến thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ; trong 6 tháng cuối năm (7-12/2024) lượng mưa ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN, đặc biệt có khả năng mưa lớn tập trung nhiều trong các tháng cuối năm 2024 tại khu vực Trung Bộ.

- Về lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất:

+ Lưu vực sông Bắc Bộ: Mùa lũ trên các sông suối khu vực Bắc Bộ ít có khả năng đến sớm. Mức nước đỉnh lũ trên các sông chính ở khu vực Bắc Bộ ở mức BĐ1 đến BĐ2, các sông suối nhỏ ở mức BĐ2-BĐ3, phổ biến cao hơn năm 2023 và thấp hơn TBNN. Các đợt lũ phổ biến xuất hiện vào thời kỳ tháng 7-9/2024.

+ Lưu vực sông Trung Bộ, Tây Nguyên: Mùa lũ trên các sông xuất hiện tương đương TBNN. Đỉnh lũ năm 2024 ở hạ lưu sông Mã (Thanh Hóa), sông Cả

(Nghệ An, Hà Tĩnh) ở mức BĐ1-BĐ2; hạ lưu các sông chính từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa ở mức BĐ2-BĐ3, các sông ở Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận ở mức trên BĐ2.

+ Lưu vực sông Nam Bộ: Mùa lũ 2024 trên sông Mê Công xuất hiện tương đương TBNN. Đỉnh lũ năm 2024 ở đầu nguồn sông Cửu Long dao động ở mức BĐ1; đỉnh lũ tại các trạm hạ lưu sông Cửu Long ở mức BĐ2-BĐ3 và trên BĐ3.

+ Nguy cơ ngập lụt tại các đô thị, thành phố lớn tiếp tục diễn ra do ảnh hưởng của mưa lớn cục bộ. Lũ quét, sạt lở đất nguy cơ cao xuất hiện tại các tỉnh khu vực vùng núi.

- Về xu thế các hiện tượng cực đoan khác: Trên phạm vi cả nước có tiếp tục xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh từ nay cho tới cuối năm 2024.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024

1. Triển khai thực hiện văn bản pháp luật và chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ; rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai

- Tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện Chỉ thị 42/CT-TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; Luật sửa đổi bổ sung Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, Luật Phòng thủ dân sự và các văn bản hướng dẫn dưới Luật để đảm bảo việc thi hành pháp luật trong phòng, chống thiên tai.

- Khẩn trương hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự (PTDS), trong đó đối với quy định về tổ chức phối hợp liên ngành về phòng thủ dân sự chỉ quy định các nội dung đã rõ, được luật giao, thuộc thẩm quyền của Chính phủ, phù hợp với Luật phòng thủ dân sự, Luật phòng chống thiên tai và các quy định pháp luật khác có liên quan, không đưa vào dự thảo Nghị định những nội dung thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Quyết định số 23/2023/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.

- Hoàn thành Nghị định thay thế Nghị định số 02/2017/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt

hại do thiên tai, dịch bệnh; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn khác trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai để phù hợp với Luật Phòng thủ dân sự có hiệu lực từ ngày 01/7/2024 và Nghị định hướng dẫn Luật Phòng thủ dân sự.

2. Công tác tổ chức, bộ máy

Kiện toàn tổ chức, hoạt động của Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp và cơ quan tham mưu, hỗ trợ ra quyết định cho Ban chỉ đạo, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự theo quy định của Luật phòng thủ dân sự, Luật phòng, chống thiên tai và các quy định pháp luật khác có liên quan để hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, trong đó lưu ý phải đảm bảo nguyên tắc tổ chức mới hoạt động hiệu lực, hiệu quả, kịp thời hơn, tránh chồng chéo, lúng túng trong thực hiện, kế thừa, phát huy những điểm mạnh của tổ chức hiện có, không để gián đoạn trong tham mưu chỉ đạo, điều hành ứng phó sự cố, thiên tai, nhất là những tháng tới là thời kỳ cao điểm về bão, mưa lũ.

3. Công tác phòng ngừa, kiểm soát rủi ro thiên tai

- Rà soát, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai; Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự; Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025; Đề án Phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030; Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia; Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030; Đề án Phát triển, nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2030 định hướng đến năm 2045; Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030.

- Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án đầu tư của các bộ, ngành địa phương, nhất là các dự án phát triển hạ tầng cơ sở, giao thông, khu đô thị mới, khu dân cư tập trung tránh làm gia tăng rủi ro thiên tai; triển khai tốt việc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc đầu tư xây dựng, cải tạo, quản lý, vận hành, sử dụng công trình phòng, chống thiên tai và các công trình cơ sở hạ tầng.

- Triển khai nhiệm vụ “Nghiên cứu, đánh giá tổng thể tình hình biến đổi khí hậu,

sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp toàn diện” theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng nội dung Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông; Kế hoạch phòng, chống sạt lở bờ sông do mưa lũ hoặc dòng chảy; sạt lở bờ biển.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, xác định trọng điểm, chuẩn bị ứng phó thiên tai, sự cố, bảo đảm an toàn hệ thống đê điều, hồ đập, công trình phòng chống thiên tai, có giải pháp kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế, giảm thiểu nguy cơ có thể xảy ra ngay từ trước mùa mưa lũ.

- Xây dựng kế hoạch và phối hợp tổ chức diễn tập đảm bảo an toàn đê điều, hồ đập với các tình huống mưa lũ lớn; diễn tập phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố, cứu hộ cứu nạn; diễn tập đảm bảo an toàn tàu thuyền khi bão đổ bộ,...

- Tổ chức hội nghị tổng kết công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương.

4. Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo và theo dõi, giám sát thiên tai

Nâng cao năng lực, chất lượng đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành chủ động, hiệu quả, tập trung vào những vấn đề chính sau:

- Nâng cao chất lượng dự báo, đảm bảo yêu cầu dự báo sớm, kịp thời, chính xác diễn biến thiên tai nhất là các loại hình thiên tai thường xuyên diễn ra gây thiệt hại lớn như bão, lũ, ngập lụt hạn hán, xâm nhập mặn, lũ quét, sạt lở đất. Hoàn thành công tác xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai⁹.

- Đẩy mạnh lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng, thiết bị giám sát hành trình tàu thuyền trên biển, trạm theo dõi mưa, mực nước, camera giám sát hồ chứa, trọng điểm đê điều.

- Tăng cường rà soát, cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng, dự báo dài hạn về thiên tai, nguồn nước.

- Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Các địa phương rà soát các kịch bản ứng phó với thiên tai đảm bảo lồng ghép giới.

⁹ Đã xây dựng bản đồ phân vùng bão, nguy cơ bão, nước dâng do bão, gió cho các vùng; bản đồ phân vùng cảnh báo nguy cơ trượt lở đất đá tỉ lệ 1:50.000 cho 15 tỉnh khu vực miền núi; bản đồ phân vùng nguy cơ lũ quét tỉ lệ 1:50.000 cho 19 tỉnh miền Trung, Tây Nguyên.

5. Tổ chức chỉ đạo, chỉ huy điều hành và triển khai hiệu quả công tác ứng phó với các trận thiên tai lớn:

Tổ chức chỉ đạo, chỉ huy điều hành và triển khai hiệu quả công tác ứng phó với các trận thiên tai lớn, trong đó:

- Tổ chức trực ban nghiêm túc, theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, diễn biến thiên tai, tăng cường kiểm tra, đôn đốc bảo vệ an toàn cho hệ thống đê điều, hồ đập xung yếu; tham mưu kịp thời đề Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp ở địa phương sẵn sàng ứng phó thiên tai, giảm thiểu thiệt hại.
- Tổ chức ứng phó với các trận thiên tai lớn, giảm thiểu thiệt hại; chỉ đạo vận hành hồ chứa, liên hồ chứa đảm bảo an toàn công trình và hạ du.
- Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, nhất là tại Văn phòng thường trực các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Tổ chức tập huấn, huấn luyện kỹ năng phòng, chống thiên tai và trang bị công cụ, dụng cụ, phương tiện cho đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.
- Tổ chức huấn luyện, tập huấn, diễn tập, ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, theo các tình huống, phương án, kế hoạch ứng phó với thảm họa, sự cố cơ bản; nâng cao năng cao trình độ cho cán bộ chỉ huy các cấp và lực lượng trong thực hiện phòng thủ dân sự; nghiên cứu, đổi mới phương pháp huấn luyện, diễn tập phòng thủ dân sự kết hợp với diễn tập khu vực phòng thủ sát thực tế. Tăng cường diễn tập cộng đồng, chú trọng diễn tập ứng phó với các loại hình nguy cơ cao và mức độ ảnh hưởng lớn; lựa chọn hình thức diễn tập phù hợp để huy động đông đảo nhân dân tham gia.

6. Công tác khắc phục hậu quả thiên tai:

- Báo cáo, tổng hợp thiệt hại, đề xuất các biện pháp khắc phục khẩn cấp, hỗ trợ trung, dài hạn; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn công tác khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo đúng mục đích, đối tượng và hiệu quả.
- Triển khai hoạt động các Tổ công tác kiểm tra việc sử dụng nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2023 hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định xử lý trường hợp phân bổ, sử dụng không đúng phạm vi, đối tượng hoặc triển khai thực hiện không đúng quy định của pháp luật.

7. Đảm bảo an toàn cho hệ thống đê điều, phòng chống sạt lở

- Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương việc thực hiện quy hoạch phòng chống lũ tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều.
- Tăng cường chỉ đạo, giám sát các địa phương đẩy nhanh tiến độ tu bổ, duy tu bảo dưỡng đê điều. Sẵn sàng các phương án, kịch bản ứng phó với lũ lớn, lũ đặc biệt lớn, tình huống bất lợi trên diện rộng; phương án bảo vệ trọng điểm đê điều xung yếu trong mùa mưa bão. Thường trực, kiểm tra, theo dõi sự cố đê điều, hướng dẫn, đề xuất biện pháp xử lý đối với hệ thống đê điều từ cấp III trở lên trong mùa mưa, bão. Đôn đốc các địa phương tổ chức thực hiện việc tuần tra canh gác đê theo quy định, xử lý kịp thời các sự cố đê điều. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc các tỉnh, thành phố tăng cường quản lý, ngăn chặn, xử lý vi phạm.
- Tiếp tục đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng đê kiểu mẫu” giai đoạn 2022-2025; tổ chức hội nghị Chủ tịch UBND cấp huyện có đê và Hội nghị tập huấn cho lực lượng quản lý đê chuyên trách về công tác quản lý đê, hộ đê phòng chống thiên tai năm 2024.

8. Ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

- Tăng cường mở rộng đối tác và hợp tác để ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực Quản lý thiên tai. Tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện bộ Cơ sở dữ liệu phòng, chống thiên tai, hướng tới xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và công cụ theo dõi, giám sát, hỗ trợ chỉ đạo điều hành ứng phó với thiên tai, cũng như xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai,... Tập trung xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng, chống thiên tai, triển khai các đề tài KHCN đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả.
- Phát huy hiệu quả Đối tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai; tăng cường năng lực cho Văn phòng Đối tác; làm tốt công tác huy động nguồn lực từ các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước cho công tác ứng phó khẩn cấp và PCTT. Triển khai các điều ước quốc tế và khu vực mà Việt Nam tham gia; phát huy tốt các cơ chế hợp tác song phương. Tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế giảm nhẹ rủi ro thiên tai 13/10.

9. Công tác thông tin truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng

a) Về thông tin truyền thông

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tấn, báo chí, Đài truyền hình

VN, Đài truyền thanh từ Trung ương đến địa phương để truyền thông và đưa các bản tin về tình hình thiên tai, sự cố, công tác chỉ đạo ứng phó, khắc phục hậu quả, tìm kiếm cứu nạn tới các cấp chính quyền và người dân. Tuyên truyền trên Đài truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Truyền hình Quốc phòng, Công an Nhân dân,...; tuyên truyền về trên các Báo: Báo Nhân dân, Báo Nông nghiệp Việt Nam,...

- Tiếp tục duy trì và phát triển các trang mạng xã hội với nhiều chương trình, tin bài hấp dẫn, tăng tính tương tác và thu hút sự tham gia của người dùng; tăng cường thông tin, truyền thông ứng phó với các đợt thiên tai, sự cố, tìm kiếm cứu nạn..
- Triển khai kế hoạch truyền thông năm 2024 phù hợp thực tiễn; tăng cường thông tin, truyền thông ứng phó với các đợt thiên tai.
- Quan tâm phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội trong truyền thông nâng cao nhận thức của người dân về nguy cơ rủi ro thiên tai, tránh chủ quan.

b) Nâng cao năng lực cộng đồng

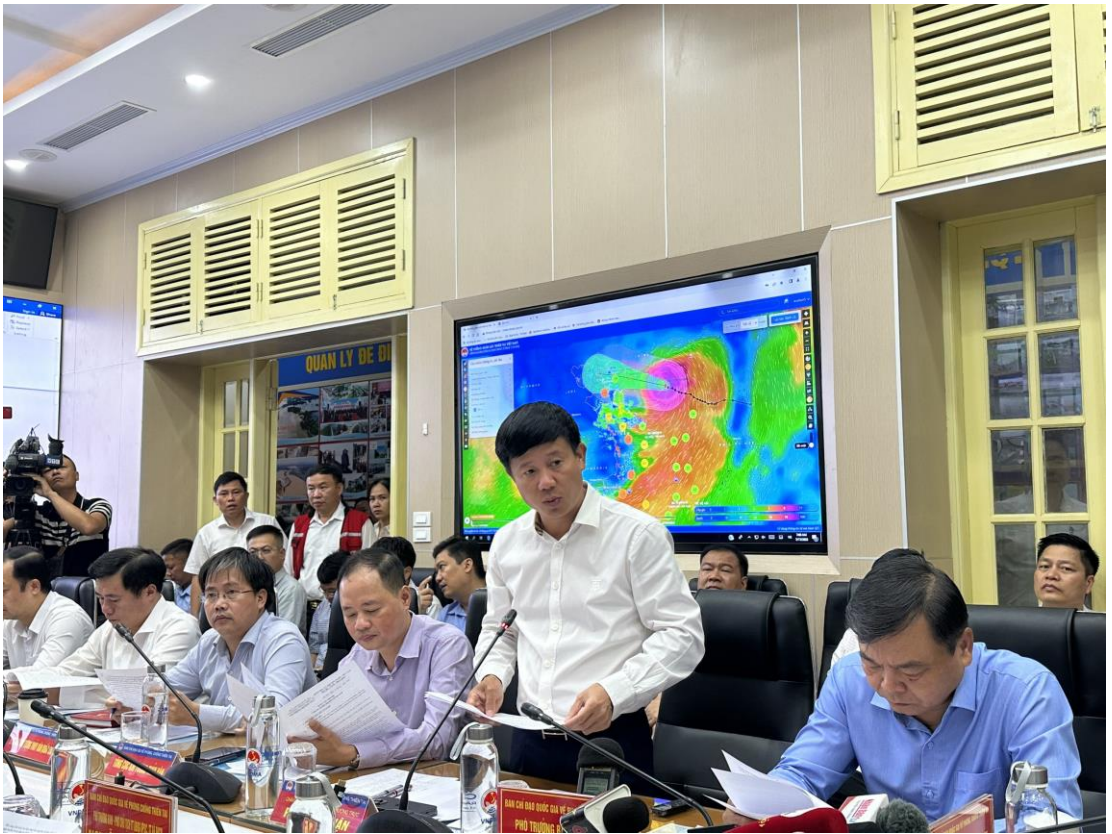
Tập trung triển khai các nội dung thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng (Đề án 553) với các nội dung:

- Nghiên cứu, đánh giá các văn bản hướng dẫn cơ chế, chính sách liên quan đến nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai, đề xuất giải pháp hoàn thiện;
- Xây dựng giáo án, bộ bài giảng phục vụ đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai tại địa phương về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; xây dựng sổ tay phổ biến kiến thức phòng, chống thiên tai cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cán bộ cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện, cán bộ đài truyền thanh cấp xã.
- Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội trong việc nâng cao nhận thức của người dân về phòng chống thiên tai và tập huấn các đội thanh niên xung kích phòng chống thiên tai cấp xã theo Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030./.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

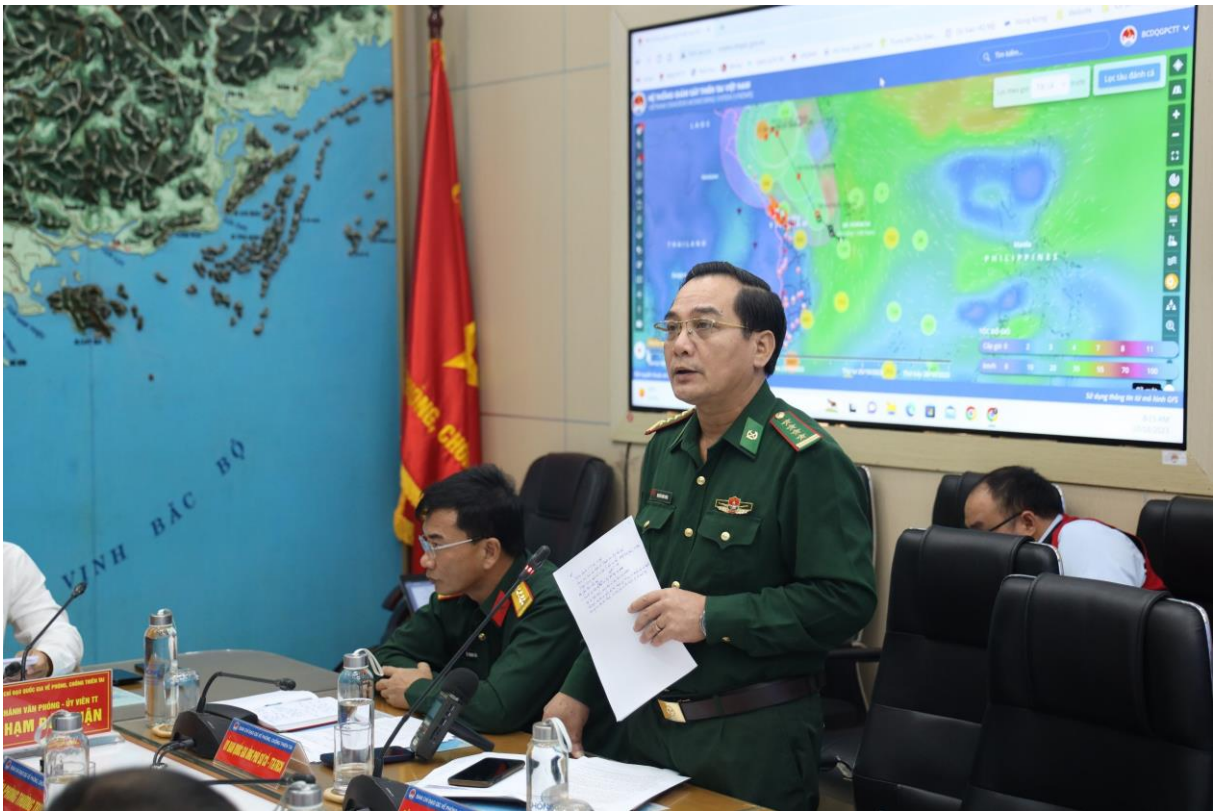
1. Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng ban chủ trì cuộc họp ứng phó với cơn bão số 1 và mưa lũ sau bão





2. Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai - Chánh Văn phòng thường trực chủ trì cuộc họp ứng phó với ATNĐ và mưa lũ.

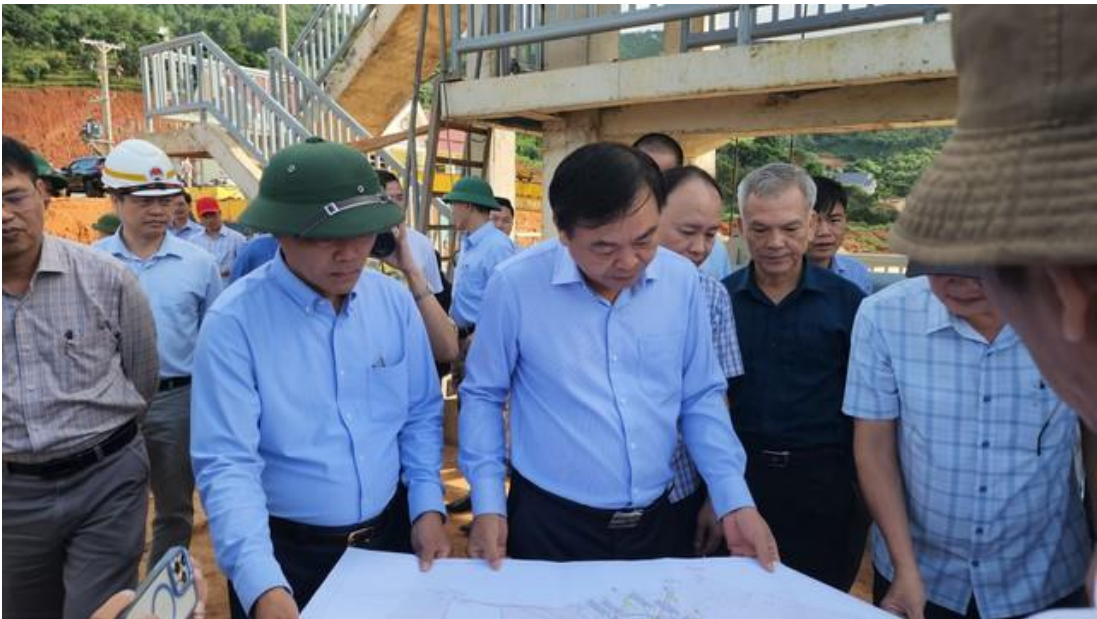




3. Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng ban làm trưởng đoàn để kiểm tra và chỉ đạo công tác ứng phó, khắc phục hậu quả do mưa lũ, sạt lở đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.



4. Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT - Phó Trưởng ban cùng đoàn công tác của các bộ, ngành đi kiểm tra tình hình sạt lở tại Lâm Đồng và Đắk Nông.





5. Đoàn công tác của Trung ương do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà làm trưởng đoàn, cùng Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Nguyễn Hoàng Hiệp và các bộ, ngành liên quan đã trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả, tìm kiếm cứu nạn tại thị xã Sapa, tỉnh Lào Cai.





6. Đoàn công tác của Văn phòng thường trực do ông Vũ Xuân Thành - Phó Chánh văn phòng làm trưởng đoàn đi kiểm tra công tác phòng, chống mưa, lũ tại tỉnh Thừa Thiên Huế.





**CÁC VĂN BẢN VỀ
PHÒNG, CHỐNG THIÊN
TẠI BAN HÀNH NĂM 2023**

**Các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai
ban hành trong năm 2023 gồm:**

1. Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được Quốc hội khoá 15 thông qua tại kỳ họp thứ 5 ngày 20/6/2023.
2. Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
3. Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 21/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phòng, chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình.

Luật số: 18/2023/QH15

LUẬT
PHÒNG THỦ DÂN SỰ

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Phòng thủ dân sự.*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định nguyên tắc, hoạt động phòng thủ dân sự; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động phòng thủ dân sự; quản lý nhà nước và nguồn lực bảo đảm thực hiện phòng thủ dân sự.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phòng thủ dân sự* là bộ phận của phòng thủ đất nước, bao gồm các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh; phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân.

2. *Sự cố* là tình huống bất thường do thiên tai, dịch bệnh, con người, hậu quả chiến tranh gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại về người, tài sản, môi trường.

3. *Thảm họa* là biến động do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng hoặc do con người, hậu quả chiến tranh gây ra làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường.

4. *Đối tượng dễ bị tổn thương* là người, nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng phải chịu nhiều tác động bất lợi hơn từ sự cố, thảm họa so với những nhóm người khác trong cộng đồng, bao gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo, người nghèo, người mất năng lực hành vi dân sự, người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động phòng thủ dân sự

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; phát huy vai trò, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể và Nhân dân.

3. Được tổ chức thống nhất từ trung ương đến địa phương; có sự phân công, phân cấp, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và lực lượng trong hoạt động phòng thủ dân sự.

4. Phòng thủ dân sự phải chuẩn bị từ sớm, từ xa, phòng là chính; thực hiện phương châm bốn tại chỗ kết hợp với chi viện, hỗ trợ của trung ương, địa phương khác và cộng đồng quốc tế; chủ động đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa, xác định cấp độ phòng thủ dân sự và áp dụng các biện pháp phòng thủ dân sự phù hợp để ứng phó, khắc phục kịp thời hậu quả chiến tranh, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ Nhân dân, cơ quan, tổ chức và nền kinh tế quốc dân, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, ổn định đời sống Nhân dân.

5. Kết hợp phòng thủ dân sự với bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Việc áp dụng các biện pháp, huy động nguồn lực trong phòng thủ dân sự phải kịp thời, hợp lý, khả thi, hiệu quả, tránh lãng phí và phù hợp với đối tượng, cấp độ phòng thủ dân sự theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Hoạt động phòng thủ dân sự phải bảo đảm tính nhân đạo, công bằng, minh bạch, bình đẳng giới và ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương.

Điều 4. Áp dụng Luật Phòng thủ dân sự và pháp luật có liên quan

1. Hoạt động phòng thủ dân sự trên lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật Phòng thủ dân sự và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp luật khác ban hành trước ngày Luật Phòng thủ dân sự có hiệu lực thi hành có quy định khác về hoạt động phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa mà không trái với nguyên tắc của Luật này thì thực hiện theo quy định của luật đó.

3. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Phòng thủ dân sự có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về phòng thủ dân sự khác với quy định của Luật Phòng thủ dân sự thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Phòng thủ dân sự, nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phòng thủ dân sự

1. Ưu tiên đầu tư xây dựng công trình phòng thủ dân sự chuyên dụng theo quy hoạch, kế hoạch; mua sắm trang thiết bị phòng thủ dân sự.
2. Nâng cao năng lực cho lực lượng phòng thủ dân sự, xây dựng lực lượng chuyên trách về tổ chức và trang bị hiện đại, chuyên nghiệp; tăng cường trang bị, phương tiện lưỡng dụng cho lực lượng vũ trang.
3. Huy động các nguồn lực của cơ quan, tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động phòng thủ dân sự.
4. Phát triển, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến và hiện đại vào hoạt động phòng thủ dân sự.
5. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, ưu tiên thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để bảo đảm cho hoạt động phòng thủ dân sự.
6. Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân ủng hộ vật chất, tài chính, tinh thần cho hoạt động phòng thủ dân sự trên nguyên tắc tự nguyện, không trái với pháp luật Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế.
7. Bảo đảm dự trữ quốc gia cho hoạt động phòng thủ dân sự.

Điều 6. Thông tin về sự cố, thảm họa

1. Thông tin về nguy cơ và diễn biến của sự cố, thảm họa phải kịp thời, chính xác, được truyền tải bằng ngôn ngữ tiếng Việt và ngôn ngữ khác phù hợp với từng loại đối tượng, nhất là đối tượng dễ bị tổn thương. Trường hợp cần thiết được truyền tải bằng tiếng dân tộc thiểu số và tiếng nước ngoài.
2. Thông tin cơ bản về sự cố, thảm họa bao gồm loại sự cố, thảm họa; thời gian, địa điểm, cường độ, cấp độ, mức độ nguy hiểm của sự cố, thảm họa; dự kiến khu vực ảnh hưởng, dự báo diễn biến của sự cố, thảm họa, cảnh báo và khuyến cáo các biện pháp ứng phó.
3. Chính phủ quy định việc sử dụng chung 01 số điện thoại để tiếp nhận thông tin về sự cố, thảm họa trên phạm vi toàn quốc.

Điều 7. Cấp độ phòng thủ dân sự

1. Cấp độ phòng thủ dân sự là sự phân định mức độ áp dụng các biện pháp của các cấp chính quyền trong phạm vi quản lý để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, làm cơ sở xác định trách nhiệm, biện pháp, nguồn lực của các cấp chính quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng thủ dân sự.
2. Căn cứ xác định cấp độ phòng thủ dân sự bao gồm:
 - a) Phạm vi ảnh hưởng, khả năng lan rộng và hậu quả có thể xảy ra của sự cố, thảm họa;

Th

b) Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, dân cư, đặc điểm tình hình quốc phòng, an ninh của địa bàn chịu ảnh hưởng của sự cố, thảm họa;

c) Diễn biến, mức độ gây thiệt hại và thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra;

d) Khả năng ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa của chính quyền địa phương và lực lượng phòng thủ dân sự.

3. Cấp độ phòng thủ dân sự được quy định như sau:

a) Phòng thủ dân sự cấp độ 1 được áp dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa trong phạm vi địa bàn cấp huyện, khi diễn biến, mức độ thiệt hại của sự cố, thảm họa vượt quá khả năng, điều kiện ứng phó, khắc phục hậu quả của lực lượng chuyên trách và chính quyền địa phương cấp xã;

b) Phòng thủ dân sự cấp độ 2 được áp dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa trong phạm vi địa bàn cấp tỉnh, khi diễn biến, mức độ thiệt hại của sự cố, thảm họa vượt quá khả năng, điều kiện ứng phó, khắc phục hậu quả của chính quyền địa phương cấp huyện;

c) Phòng thủ dân sự cấp độ 3 được áp dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa trên địa bàn một hoặc một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khi diễn biến, mức độ thiệt hại của sự cố, thảm họa vượt quá khả năng, điều kiện ứng phó, khắc phục hậu quả của chính quyền địa phương cấp tỉnh.

Điều 8. Khoa học và công nghệ trong phòng thủ dân sự

1. Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến và hiện đại để đầu tư, xây dựng các công trình phòng thủ dân sự, công trình dân sinh và trang thiết bị phòng thủ dân sự đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

2. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ dự báo, cảnh báo sự cố, thảm họa, thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

3. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ dữ liệu trong quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

Điều 9. Hợp tác quốc tế trong phòng thủ dân sự

1. Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong phòng thủ dân sự bao gồm:

a) Bảo đảm tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan;

b) Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức quốc tế hợp tác trong phòng thủ dân sự;

c) Mở rộng, phát triển đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ; phối hợp tìm kiếm, cứu nạn; đầu tư, xây dựng công trình phòng thủ dân sự.

2. Nội dung hợp tác quốc tế trong phòng thủ dân sự bao gồm:

a) Trao đổi thông tin, dự báo, cảnh báo sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh;

b) Tìm kiếm, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo;

c) Hỗ trợ ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh;

d) Đào tạo, huấn luyện, diễn tập, đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ, xây dựng công trình phòng thủ dân sự.

Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng thủ dân sự

1. Chống đối, cản trở, cố ý trì hoãn hoặc không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự của cơ quan hoặc người có thẩm quyền; từ chối tham gia tìm kiếm, cứu nạn trong trường hợp điều kiện thực tế cho phép.

2. Làm hư hỏng, phá hủy, chiếm đoạt trang thiết bị, công trình phòng thủ dân sự.

3. Gây ra sự cố, thảm họa làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe con người; thiệt hại tài sản của Nhà nước, Nhân dân, cơ quan, tổ chức, môi trường và nền kinh tế quốc dân.

4. Đưa tin sai sự thật về sự cố, thảm họa.

5. Cố ý tạo chướng ngại vật cản trở hoạt động phòng thủ dân sự.

6. Xây dựng công trình làm giảm hoặc làm mất công năng của công trình phòng thủ dân sự; xây dựng trái phép công trình trong phạm vi quy hoạch công trình phòng thủ dân sự, công trình phòng thủ dân sự hiện có.

7. Sử dụng trang thiết bị phòng thủ dân sự chuyên dụng không đúng mục đích; khai thác, sử dụng không đúng công năng của công trình phòng thủ dân sự chuyên dụng.

8. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự; bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự; lợi dụng sự cố, thảm họa để huy động, sử dụng nguồn lực cho phòng thủ dân sự không đúng mục đích.

9. Lợi dụng hoạt động phòng thủ dân sự hoặc sự cố, thảm họa để xâm phạm lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chương II
HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ
Mục 1
HOẠT ĐỘNG PHÒNG NGỪA

Điều 11. Xây dựng Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự

1. Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự được xây dựng theo chu kỳ 10 năm, tầm nhìn 20 năm và được cập nhật, điều chỉnh định kỳ 05 năm hoặc khi xảy ra sự cố, thảm họa, chiến tranh.

2. Cơ sở xây dựng Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự bao gồm:

a) Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng thủ dân sự, phòng thủ đất nước và phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Thực tiễn hoạt động phòng thủ dân sự của quốc gia; kinh nghiệm quốc tế về hoạt động phòng thủ dân sự;

c) Kết quả xác định, đánh giá, phân vùng có nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa;

d) Nguồn lực cho hoạt động phòng thủ dân sự.

3. Nội dung Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự bao gồm quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án, dự án trọng điểm và việc tổ chức thực hiện phòng thủ dân sự trong phạm vi cả nước.

4. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự.

Điều 12. Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự

1. Kế hoạch phòng thủ dân sự các cấp được xây dựng theo chu kỳ 05 năm và được điều chỉnh khi cần thiết.

2. Nội dung kế hoạch phòng thủ dân sự bao gồm:

a) Đánh giá đặc điểm dân sinh, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, tình hình phát triển của các ngành kinh tế và cơ sở hạ tầng;

b) Dự báo các tình huống sự cố, thảm họa có thể xảy ra;

c) Xác định các biện pháp có thể được áp dụng tương ứng với từng cấp độ phòng thủ dân sự;

d) Xác định nội dung phòng thủ dân sự cần lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, địa phương;

đ) Xác định nguồn lực, tiến độ hằng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch phòng thủ dân sự;

e) Xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Việc xây dựng, ban hành, điều chỉnh Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia được quy định như sau:

a) Căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương xây dựng Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ ban hành;

b) Khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách, vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương có liên quan điều chỉnh Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

4. Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia, cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, điều chỉnh kế hoạch phòng thủ dân sự của Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ trình Bộ trưởng, Trưởng ngành trung ương, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành.

5. Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia, kế hoạch phòng thủ dân sự cấp trên, cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương các cấp chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, điều chỉnh kế hoạch phòng thủ dân sự của cấp mình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành.

Điều 13. Công trình phòng thủ dân sự

1. Công trình phòng thủ dân sự là công trình được sử dụng cho mục đích phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

2. Công trình phòng thủ dân sự bao gồm:

a) Công trình phòng thủ dân sự chuyên dụng;

b) Công trình khác có công năng sử dụng cho phòng thủ dân sự.

3. Việc xây dựng công trình phòng thủ dân sự chuyên dụng phải theo quy hoạch, kế hoạch, gắn với thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ, bảo đảm kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

4. Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo công trình, hạ tầng kỹ thuật có công năng sử dụng cho phòng thủ dân sự.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Trang thiết bị phòng thủ dân sự

1. Trang thiết bị phòng thủ dân sự bao gồm các loại phương tiện, thiết bị, vật tư bảo đảm cho hoạt động phòng thủ dân sự.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục trang thiết bị phòng thủ dân sự; hướng dẫn việc sản xuất, dự trữ, sử dụng trang thiết bị phòng thủ dân sự.

3. Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương thực hiện việc đầu tư, mua sắm trang thiết bị phòng thủ dân sự theo kế hoạch phòng thủ dân sự các cấp.

Điều 15. Hoạt động theo dõi, giám sát nguy cơ về sự cố, thảm họa

1. Điều tra, khảo sát, quan trắc, cập nhật, tổng hợp, xử lý thông tin và dự báo về nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa.

2. Nghiên cứu, phân tích các loại sự cố, thảm họa có thể xảy ra trên địa bàn; lập bản đồ phân vùng rủi ro để theo dõi, giám sát.

3. Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật, liên thông và bảo đảm thông tin cho chính quyền các cấp và Nhân dân.

Điều 16. Tuyên truyền, giáo dục về phòng thủ dân sự

1. Công dân được tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng thủ dân sự; trang bị kiến thức về phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về phòng thủ dân sự được đưa vào môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường, chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Cơ quan, tổ chức, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, tổ chức tuyên truyền, ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao nhận thức về phòng thủ dân sự.

Điều 17. Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, diễn tập phòng thủ dân sự

1. Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng phòng thủ dân sự được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện phòng thủ dân sự cho lực lượng vũ trang;

b) Bộ trưởng các Bộ có lực lượng chuyên trách về phòng thủ dân sự xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện phòng thủ dân sự cho lực lượng do Bộ mình quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo công tác huấn luyện, bồi dưỡng cho lực lượng phòng thủ dân sự tại địa phương.

2. Diễn tập phòng thủ dân sự được quy định như sau:

a) Cơ quan quân sự các cấp tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ có nội dung phòng thủ dân sự;

b) Các Bộ chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với các địa phương trên địa bàn thực hiện diễn tập phòng thủ dân sự theo kế hoạch của địa phương.

Mục 2
HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ
KHI CÓ NGUY CƠ XẢY RA SỰ CỐ, THẢM HỌA

Điều 18. Biện pháp được áp dụng khi có nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa

Khi có nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được áp dụng biện pháp quy định tại các luật khác có liên quan và biện pháp sau đây:

1. Hướng dẫn và thực hiện sơ tán người, tài sản đến khu vực an toàn; bảo đảm phương tiện, trang bị bảo vệ cá nhân, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm thiết yếu khác cho người tại địa điểm sơ tán;
2. Đặt biển báo hiệu, trạm gác và hạn chế người, phương tiện vào khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa;
3. Ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng chuyên trách tiếp cận hiện trường để kịp thời tiến hành các biện pháp ứng phó với sự cố, thảm họa;
4. Tạm dừng một số hoạt động có thể làm tăng nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa hoặc giảm hiệu quả các biện pháp ứng phó với sự cố, thảm họa;
5. Chuẩn bị lực lượng, trang thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố, thảm họa.

Điều 19. Chuẩn bị lực lượng, trang thiết bị

Công tác chuẩn bị lực lượng, trang thiết bị bao gồm:

1. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch, xây dựng phương án huy động lực lượng, phương tiện để ứng phó với sự cố, thảm họa;
2. Kiểm tra trang thiết bị hiện có; bổ sung trang thiết bị cho các khu vực trọng yếu;
3. Rà soát, chuẩn bị vật chất đảm bảo, địa điểm tập kết, tránh trú cho người dân;
4. Tăng cường bảo đảm thông tin liên lạc cho các lực lượng ở khu vực có nguy cơ cao xảy ra sự cố, thảm họa; chuẩn bị tiếp nhận nhân lực, cơ sở hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin tại khu vực có nguy cơ cao xảy ra sự cố, thảm họa;
5. Tăng cường lực lượng trực, triển khai trước một bộ phận ở khu vực có nguy cơ cao xảy ra sự cố, thảm họa để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

Mục 3
HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ
KHI XẢY RA SỰ CỐ, THẢM HỌA

Điều 20. Thẩm quyền ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự

1. Căn cứ quy định tại Điều 7 của Luật này, thẩm quyền ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 1 trên địa bàn quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 2 trên địa bàn quản lý;

c) Thủ tướng Chính phủ ban bố, bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 3.

2. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục ban bố, bãi bỏ cấp độ phòng thủ dân sự quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Thẩm quyền điều động, huy động lực lượng, trang thiết bị, tài sản

1. Bộ trưởng, Trưởng ngành trung ương, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định điều động, huy động lực lượng, trang thiết bị, tài sản theo quy định của pháp luật để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều động, huy động lực lượng, trang thiết bị, tài sản của các cơ quan, tổ chức và người dân trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

3. Trang thiết bị, tài sản được huy động để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc nhiệm vụ; trường hợp bị thiệt hại thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp cấp thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi xảy ra sự cố, thảm họa đề nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn quản lý hỗ trợ, giúp đỡ để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

Điều 22. Biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 1

1. Biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 1 bao gồm:

a) Sơ tán người, tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm;

b) Bảo đảm phương tiện, trang bị bảo vệ cá nhân, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm thiết yếu khác cho người trong khu vực xảy ra sự cố, thảm họa;

c) Cấm, hạn chế người, phương tiện vào những khu vực nguy hiểm;

d) Phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an ninh, trật tự tại khu vực xảy ra sự cố, thảm họa;

đ) Tiêu tủy, khử độc, khử khuẩn, vệ sinh môi trường;

e) Bảo vệ công trình phòng thủ dân sự.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định áp dụng biện pháp phòng thủ dân sự quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 23. Biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 2

1. Biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 2 bao gồm:

- a) Các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này;
- b) Cách ly, giãn cách xã hội phù hợp với mức độ của sự cố, thảm họa trên địa bàn;
- c) Chuyển đổi hình thức hoặc tạm dừng hoạt động của trường học; tạm dừng hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thiết yếu;
- d) Hạn chế hoặc tạm dừng tổ chức lễ hội, nghi lễ tôn giáo, giải đấu thể thao, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, sự kiện và hoạt động khác có tập trung đông người;
- đ) Kiểm tra, kiểm soát hoạt động giao thông tại khu vực xảy ra sự cố, thảm họa;
- e) Áp dụng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định áp dụng biện pháp phòng thủ dân sự quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 24. Biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 3

1. Biện pháp được áp dụng trong phòng thủ dân sự cấp độ 3 bao gồm:

- a) Các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này;
- b) Cách ly tập trung, giãn cách xã hội phù hợp với mức độ của sự cố, thảm họa trên địa bàn;
- c) Tạm dừng hoạt động của trường học;
- d) Tạm dừng tổ chức lễ hội, nghi lễ tôn giáo, giải đấu thể thao, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, sự kiện và hoạt động khác có tập trung đông người;
- đ) Hạn chế hoặc tạm dừng việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh nếu thấy cần thiết để bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ sức khỏe cộng đồng;
- e) Hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động giao thông, vận tải ra, vào địa bàn xảy ra sự cố, thảm họa, trừ trường hợp vì lý do công vụ;
- g) Tạm dừng giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp; áp dụng giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng biện pháp phòng thủ dân sự quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 25. Biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp

1. Biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp bao gồm:

- a) Các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này;
- b) Giãn cách xã hội; cách ly tập trung người đi và đến từ khu vực xảy ra thảm họa;

c) Hỗ trợ an sinh xã hội tại khu vực cách ly, khu vực bị chia cắt, khu vực xảy ra thảm họa;

d) Ổn định tâm lý của người dân trong khu vực xảy ra thảm họa;

đ) Dừng hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở khu vực xảy ra thảm họa.

2. Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, căn cứ tình hình thực tế quyết định áp dụng biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này và quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

3. Người chỉ huy đơn vị quân đội được giao quản lý địa phương thiết quân luật, căn cứ tình hình thực tế quyết định áp dụng biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này, quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp và quy định của pháp luật về thiết quân luật.

Điều 26. Biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng chiến tranh

1. Biện pháp phòng thủ dân sự được áp dụng trong tình trạng chiến tranh bao gồm:

a) Triển khai hệ thống đài quan sát, thông báo, báo động và cảnh báo;

b) Tổ chức sơ tán người, tài sản;

c) Cát giấu trang thiết bị vào các công trình ngầm, hang, động;

d) Dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nước uống;

đ) Xây dựng bổ sung hầm ẩn nấp, công trình ngầm, công trình phòng, tránh kết hợp với nguy trang, nghi binh; triển khai mục tiêu giả, hạn chế ánh sáng, tiếng động vào ban đêm;

e) Khắc phục, vô hiệu hóa vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Căn cứ tình hình thực tế, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quy định tại khoản 1 Điều 22, khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 24 và khoản 1 Điều 25 của Luật này, biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này và quy định của pháp luật về tình trạng chiến tranh.

Mục 4

HOẠT ĐỘNG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SỰ CỐ, THẢM HỌA

Điều 27. Biện pháp khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa

1. Tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn; điều trị người bị thương, nhiễm độc, nhiễm xạ.

2. Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục thiệt hại; khắc phục, sửa chữa cơ sở hạ tầng công cộng thiết yếu.

3. Khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường, phòng, chống dịch bệnh.

4. Thống kê, đánh giá thiệt hại.
5. Huy động, vận động đóng góp tự nguyện và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ.
6. Ban hành, thực hiện chính sách, biện pháp hỗ trợ đặc biệt về an sinh xã hội, lao động, việc làm, thuế, tài chính, thủ tục hành chính, đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xuất cảnh, nhập cảnh và các lĩnh vực cần thiết khác.

Điều 28. Thống kê, đánh giá thiệt hại

1. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Trưởng ngành, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thống kê, đánh giá thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra trong phạm vi lĩnh vực quản lý, gửi Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
2. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương các cấp thống kê, đánh giá thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra trên địa bàn quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan phòng thủ dân sự cấp trên.
3. Ủy ban nhân dân các cấp thống kê, đánh giá thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra trên địa bàn quản lý và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống kê, đánh giá thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra tại địa phương, gửi Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 29. Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục thiệt hại

Ủy ban nhân dân các cấp, căn cứ vào thống kê, đánh giá thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra tại địa phương, xác định đối tượng cụ thể cần cứu trợ, hỗ trợ và nguồn lực để thực hiện hoạt động sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch cứu trợ, hỗ trợ khắc phục thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra;
2. Hỗ trợ về an sinh xã hội, lao động, việc làm;
3. Ổn định đời sống Nhân dân, khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động khác của xã hội;
4. Hỗ trợ, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường do sự cố, thảm họa gây ra;
5. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Huy động, vận động đóng góp tự nguyện và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ

1. Nguyên tắc huy động, vận động đóng góp tự nguyện và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ để khắc phục thiệt hại do sự cố, thảm họa được quy định như sau:
 - a) Tuân theo quy định của pháp luật;
 - b) Căn cứ vào mức độ thiệt hại xảy ra;

- c) Bảo đảm công bằng, công khai, kịp thời, đúng đối tượng;
- d) Phối hợp với chính quyền địa phương hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nơi có đối tượng được cứu trợ, hỗ trợ;
- đ) Đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân bị ảnh hưởng do sự cố, thảm họa gây ra; ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương.

2. Việc huy động, vận động đóng góp tự nguyện và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Trưởng ngành trung ương, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp huy động nguồn lực theo thẩm quyền để phục vụ công tác cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội khác vận động đóng góp tự nguyện và phân bổ nguồn lực để cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp theo quy định của pháp luật;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân vận động đóng góp tự nguyện phải thực hiện theo quy định của pháp luật; phối hợp với Ủy ban nhân dân hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nơi được hỗ trợ để thực hiện cứu trợ, hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Chương III

CHỈ ĐẠO, CHỈ HUY LỰC LƯỢNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 31. Hoạt động chỉ đạo phòng thủ dân sự

1. Theo dõi, giám sát nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa; nắm chắc diễn biến tình hình; thông báo cho các lực lượng, người dân tin tức có liên quan.
2. Xác định cấp độ và áp dụng biện pháp phòng thủ dân sự phù hợp.
3. Chuẩn bị phương án ứng phó; tổ chức kiểm tra địa bàn có nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa.
4. Bổ sung lực lượng, sẵn sàng triển khai sở chỉ huy tại chỗ, chỉ đạo trực tiếp khu vực trọng yếu, địa bàn trọng điểm.
5. Kiểm tra địa điểm sơ tán, tập kết để sẵn sàng sử dụng khi chuyển lên cấp độ phòng thủ dân sự cao hơn.

Điều 32. Thẩm quyền chỉ đạo phòng thủ dân sự

1. Chính phủ chỉ đạo phòng thủ dân sự trên phạm vi cả nước.
2. Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ chỉ đạo về phòng thủ dân sự.

3. Các Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện phòng thủ dân sự trong lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện phòng thủ dân sự tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Chỉ huy lực lượng phòng thủ dân sự

1. Việc chỉ huy các lực lượng phòng thủ dân sự của Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương do Bộ trưởng, Trưởng ngành trung ương, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ huy các lực lượng, phương tiện trên địa bàn để ứng phó kịp thời ngay khi sự cố, thảm họa xảy ra trên địa bàn quản lý.

3. Việc chỉ huy trong các cấp độ phòng thủ dân sự được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ huy các lực lượng, phương tiện trên địa bàn để thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 1 quy định tại Điều 22 của Luật này và biện pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ huy các lực lượng, phương tiện trên địa bàn để thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 2 quy định tại Điều 23 của Luật này và biện pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Thủ tướng Chính phủ chỉ huy lực lượng, phương tiện của Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương để thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự cấp độ 3 quy định tại Điều 24 của Luật này và biện pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

d) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, khắc phục của các lực lượng, phương tiện trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và Thủ tướng Chính phủ.

4. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn ở địa phương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện chỉ huy lực lượng thuộc quyền thực hiện phòng thủ dân sự trong lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Trưởng ngành trung ương, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan chỉ huy các đơn vị thuộc quyền thực hiện phòng thủ dân sự ở khu vực quân đội quản lý và trên các vùng biển Việt Nam không thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Người chỉ huy đơn vị quân đội, công an điều động và chỉ huy lực lượng thuộc quyền tham gia, phối hợp thực hiện hoạt động phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Cơ quan chỉ đạo quốc gia, cơ quan chỉ huy phòng thủ dân sự

1. Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia là tổ chức phối hợp liên ngành có

chức năng tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về phòng thủ dân sự trong phạm vi cả nước. Tổ chức lại Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn thành Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

2. Bộ Quốc phòng là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia. Thành viên Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia có trách nhiệm chủ trì tham mưu cho Ban chỉ đạo trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về phòng thủ dân sự trong lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự được thành lập ở Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, có chức năng tham mưu cho Bộ trưởng, Trưởng ngành trung ương, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về phòng thủ dân sự trong lĩnh vực quản lý.

4. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương được thành lập ở cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh, có chức năng tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về phòng thủ dân sự trên địa bàn quản lý. Cơ quan quân sự các cấp là cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cùng cấp. Thành viên Ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương có trách nhiệm chủ trì tham mưu cho Ban chỉ huy trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành về phòng thủ dân sự trong lĩnh vực được phân công.

5. Chính phủ quy định cụ thể việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, ban chỉ huy phòng thủ dân sự Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương.

Điều 35. Lực lượng phòng thủ dân sự

1. Lực lượng phòng thủ dân sự bao gồm lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi.

2. Lực lượng nòng cốt bao gồm:

- a) Dân quân tự vệ, dân phòng;
- b) Lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và của Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương.

3. Lực lượng rộng rãi do toàn dân tham gia.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương IV

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân

1. Cá nhân có các quyền sau đây:

- a) Tiếp cận thông tin về phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật;
- b) Được cứu trợ, hỗ trợ khi bị thiệt hại do sự cố, thảm họa theo quy định của pháp luật;
- c) Được hưởng tiền công lao động khi tham gia hoạt động phòng thủ dân sự theo quyết định huy động của người có thẩm quyền;
- d) Được hoàn trả trang thiết bị, tài sản đã huy động ngay sau khi kết thúc việc ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa; trường hợp trang thiết bị, tài sản đã huy động bị thiệt hại hoặc tiêu hao thì được bồi thường, thanh toán theo quy định của pháp luật;
- đ) Khi tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa nếu bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; nếu bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì được xem xét, hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật này.

2. Cá nhân có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự theo kế hoạch phòng thủ dân sự của địa phương;
- b) Tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện, diễn tập phòng thủ dân sự khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tham gia hoạt động phòng thủ dân sự khi được huy động;
- c) Chuẩn bị sẵn sàng vật tư, phương tiện theo khả năng để đảm bảo an toàn trước sự cố, thảm họa;
- d) Chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả nhằm bảo đảm an toàn cho bản thân và gia đình khi sự cố, thảm họa xảy ra; tham gia hỗ trợ cộng đồng phòng, chống sự cố, thảm họa; giúp đỡ người bị thiệt hại do sự cố, thảm họa tại địa phương; thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh trong khu vực sinh sống và làm việc;
- đ) Chấp hành hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền về sơ tán người, phương tiện ra, vào khu vực nguy hiểm; chấp hành quyết định huy động nhân lực, trang thiết bị, tài sản để phục vụ hoạt động ứng phó khẩn cấp của người có thẩm quyền;
- e) Thông báo, cung cấp thông tin kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền về diễn biến, thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra khi có điều kiện thực hiện.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức

1. Cơ quan, tổ chức có các quyền sau đây:

- a) Tiếp cận thông tin về phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật;
- b) Tham gia hoạt động phòng thủ dân sự tại địa phương;
- c) Được cứu trợ, hỗ trợ khi bị thiệt hại do sự cố, thảm họa theo quy định của pháp luật;

d) Được hoàn trả trang thiết bị, tài sản đã huy động ngay sau khi kết thúc việc ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa; trường hợp trang thiết bị, tài sản đã huy động bị thiệt hại hoặc tiêu hao thì được bồi thường, thanh toán theo quy định của pháp luật;

đ) Tham gia, phối hợp thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng thủ dân sự.

2. Cơ quan, tổ chức có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuyên truyền, vận động người lao động, thành viên trong cơ quan, tổ chức mình, người dân chấp hành quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự;

b) Chủ động xây dựng, bảo vệ công trình, cơ sở vật chất thuộc phạm vi quản lý để đảm bảo an toàn trước sự cố, thảm họa;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa;

d) Chấp hành quyết định huy động nhân lực, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của người có thẩm quyền để phục vụ hoạt động phòng thủ dân sự;

đ) Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý;

e) Chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại khi để xảy ra sự cố, thảm họa trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa tại Việt Nam có các quyền sau đây:

a) Được miễn thuế, lệ phí về nhập khẩu, xuất khẩu đối với trang thiết bị, hàng hóa phục vụ hoạt động cứu trợ khẩn cấp, tìm kiếm, cứu nạn theo quy định của pháp luật về thuế, lệ phí;

b) Được ưu tiên thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú cho lực lượng; nhập khẩu, xuất khẩu đối với trang thiết bị, hàng hóa phục vụ hoạt động cứu trợ, tìm kiếm, cứu nạn theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa tại Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây:

a) Đăng ký hoạt động với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

b) Hoạt động đúng mục đích đã đăng ký, tuân thủ pháp luật Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 36, Điều 37, khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Chương V**NGUỒN LỰC CHO PHÒNG THỦ DÂN SỰ, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ****Điều 39. Nguồn lực cho phòng thủ dân sự**

1. Nguồn tài chính cho phòng thủ dân sự bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân;
- c) Quỹ phòng thủ dân sự;
- d) Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước bảo đảm ngân sách cho phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước ở khu vực biên giới, biển, hải đảo, khu vực trọng yếu, địa bàn trọng điểm.

3. Tài sản phục vụ phòng thủ dân sự do Nhà nước thống nhất quản lý bao gồm:

a) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị lực lượng vũ trang theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Tài sản trung mua, trung dụng, huy động và tài sản khác được Nhà nước giao cho các cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị lực lượng vũ trang quản lý phục vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật về trung mua, trung dụng tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Nhà nước có kế hoạch xây dựng dự trữ quốc gia để bảo đảm cho phòng thủ dân sự. Việc quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia để bảo đảm cho phòng thủ dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

Điều 40. Quỹ phòng thủ dân sự

1. Quỹ phòng thủ dân sự là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được thành lập ở trung ương và cấp tỉnh để huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ hoạt động phòng thủ dân sự. Quỹ phòng thủ dân sự được ưu tiên thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu yếu phẩm thiết yếu khác cho đối tượng bị thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra;

b) Hỗ trợ tu sửa, làm nhà ở, cơ sở y tế, trường học tại địa điểm bị ảnh hưởng do sự cố, thảm họa gây ra.

2. Quỹ phòng thủ dân sự được hình thành từ các nguồn tài chính sau đây:

a) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước;

b) Nguồn điều tiết từ các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có liên quan đến hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

3. Nguyên tắc hoạt động của quỹ phòng thủ dân sự được quy định như sau:

- a) Không vì mục đích lợi nhuận;
- b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch;
- c) Hỗ trợ cho các hoạt động phòng thủ dân sự mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu;
- d) Việc điều tiết giữa quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có liên quan đến hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa được thực hiện trong trường hợp cấp bách.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập, quản lý, sử dụng quỹ phòng thủ dân sự; việc điều tiết giữa quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có liên quan đến hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa.

Điều 41. Chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự

1. Người làm nhiệm vụ trực tại cơ quan thường trực Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, ban chỉ huy phòng thủ dân sự Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương các cấp được hưởng chế độ khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Người được điều động, huy động huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng trợ cấp; khi bị ốm đau, bị tai nạn, chết hoặc bị suy giảm khả năng lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí, trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng theo quy định của pháp luật; có thành tích thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng phòng thủ dân sự có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC VỀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 42. Nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự

1. Nội dung quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự bao gồm:

- a) Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự; xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phòng thủ dân sự;

- b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về phòng thủ dân sự;
- c) Tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập, xây dựng lực lượng, công trình và bảo đảm trang thiết bị phòng thủ dân sự;
- d) Hợp tác quốc tế về phòng thủ dân sự;
- đ) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về phòng thủ dân sự.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự được quy định như sau:

- a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự trong phạm vi cả nước;
- b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm trước Chính phủ chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự thuộc phạm vi lĩnh vực được phân công trong phạm vi cả nước;
- c) Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự tại địa phương.

Điều 43. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Bộ Quốc phòng là đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự; chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực quản lý;
2. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các vấn đề liên ngành về phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật;
3. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia; hướng dẫn Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương xây dựng kế hoạch, bảo đảm trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực được phân công trong phạm vi cả nước;
4. Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện, diễn tập, bồi dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự cho lực lượng phòng thủ dân sự trên lĩnh vực được phân công;
5. Hướng dẫn xây dựng các công trình phòng thủ dân sự chuyên dụng gắn với thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ;
6. Tổ chức nghiên cứu, phổ biến, ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến và hiện đại về phòng thủ dân sự;
7. Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng thủ dân sự;
8. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về phòng thủ dân sự thuộc phạm vi quản lý.

Điều 44. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực quản lý.
2. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, khu vực xảy ra sự cố, thảm họa.
3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch cấp quốc gia ứng phó sự cố cháy lớn; ứng phó sự cố an ninh mạng.
4. Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự trong Công an nhân dân; phối hợp tổ chức lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng phó sự cố, thảm họa, tìm kiếm, cứu nạn theo quy định.
5. Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện, diễn tập, bồi dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự cho lực lượng phòng thủ dân sự trong lĩnh vực được phân công.
6. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương đấu tranh với hoạt động lợi dụng sự cố, thảm họa để gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 45. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực quản lý.
2. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương thực hiện các biện pháp giảm nhẹ hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.
3. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch cấp quốc gia ứng phó sự cố vỡ đê, hồ, đập; sự cố cháy rừng; bão, áp thấp, lũ, lụt; lũ quét, lũ ống, sạt, lở đất đá và các loại thiên tai khác.
4. Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự cho lực lượng phòng thủ dân sự trong lĩnh vực được phân công.

Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực quản lý.
2. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương có liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch, phương án về sử dụng hạ tầng giao thông, các trang thiết bị trong phạm vi quản lý để thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự. Khi xảy ra sự cố, thảm họa, chỉ đạo, điều hành các cơ quan,

đơn vị thuộc quyền tổ chức lực lượng, phương tiện sơ tán người dân, tìm kiếm, cứu nạn theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ, ngành trung ương có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch cấp quốc gia ứng phó tai nạn tàu, thuyền trên biển, ứng phó tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa đặc biệt nghiêm trọng và ứng phó tai nạn máy bay xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam. Triển khai kế hoạch, phương án sử dụng lực lượng, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn; điều hành các đội tìm kiếm, cứu nạn thuộc ngành giao thông vận tải; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức các đội vận tải để sơ tán người dân, phương tiện đến khu vực an toàn, tiếp tế hậu cần, chuyển thương khi xảy ra sự cố, thảm họa.

4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao trong việc cấp phép và phối hợp với lực lượng, phương tiện của nước ngoài thực hiện tìm kiếm, cứu nạn khi xảy ra sự cố, thảm họa.

5. Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự cho lực lượng phòng thủ dân sự trong lĩnh vực được phân công.

Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán chi thường xuyên hằng năm để thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Tổ chức điều hành thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao; thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xuất cấp kịp thời, đầy đủ hàng dự trữ quốc gia phục vụ công tác phòng thủ dân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Công bố, thông tin về tình hình dịch bệnh, mức độ ảnh hưởng và biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

3. Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự cho lực lượng phòng thủ dân sự trong lĩnh vực được phân công.

4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng quy hoạch hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y ở khu vực biên giới, biển, hải đảo; tăng cường năng lực hệ thống y tế cho hoạt động phòng thủ dân sự.

Điều 49. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực quản lý.

2. Chỉ đạo và điều phối việc tổ chức kiểm tra, xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn liên tỉnh, liên quốc gia, hướng dẫn việc xác định thiệt hại và việc tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương có liên quan xây dựng trung tâm nghiên cứu, hệ thống dự báo, cảnh báo sự cố, thảm họa do thiên nhiên, môi trường liên quan đến phòng thủ dân sự.

4. Tổ chức thực hiện các hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát thu thập thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, tai biến địa chất.

5. Chỉ đạo thực hiện dự báo, cảnh báo, cung cấp đầy đủ, kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo sự cố, thiên tai liên quan đến địa chất, khí tượng, thủy văn, hải văn cho Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương và cơ quan thông tin đại chúng theo quy định.

6. Chỉ đạo việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

7. Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự cho lực lượng phòng thủ dân sự trong lĩnh vực được phân công.

Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc phạm vi quản lý.

2. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, khai thác điện nguyên tử, khoáng sản, hóa chất độc hại, vật liệu nổ công nghiệp để hạn chế nguy cơ xảy ra sự cố, thảm họa trong lĩnh vực công nghiệp; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu, xuất khẩu các loại hóa chất độc, hóa chất nguy hiểm.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ có liên quan chỉ đạo và hướng dẫn việc xử lý các vụ nổ, sập hầm lò ở các cơ sở sản xuất, khai thác điện nguyên tử, than, xăng, dầu mỏ, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương có liên quan xây dựng Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố cháy nổ giàn khoan, đường ống dẫn dầu, hóa chất độc, khí, sự cố sập đổ hầm lò khai thác khoáng sản; hướng dẫn các địa phương liên quan xây dựng kế hoạch và chuẩn bị lực lượng, phương tiện thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất độc theo quy định.

5. Phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây

dựng kế hoạch dự trữ nguồn năng lượng để duy trì các hoạt động quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và phục vụ nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

6. Ổn định giá cả thị trường, bảo đảm các mặt hàng thiết yếu cho người dân tại khu vực xảy ra sự cố, thảm họa.

7. Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự cho lực lượng phòng thủ dân sự trong lĩnh vực được phân công.

Điều 51. Trách nhiệm của Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự và có trách nhiệm sau đây:

1. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực quản lý;

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức thực hiện kế hoạch, biện pháp phòng thủ dân sự; tổ chức lực lượng, phương tiện của mình làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo lệnh điều động của cấp có thẩm quyền.

Điều 52. Trách nhiệm của chính quyền địa phương

1. Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Quyết định chủ trương, biện pháp xây dựng lực lượng phòng thủ dân sự, ngân sách bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Giám sát việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về phòng thủ dân sự tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự tại địa phương có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành văn bản để tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp và các nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao về phòng thủ dân sự tại địa phương;

b) Chỉ đạo xây dựng, thực hiện kế hoạch phòng thủ dân sự; triển khai xây dựng, huấn luyện, huy động lực lượng thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự; bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự tại địa phương;

c) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về bảo đảm ngân sách cho hoạt động phòng thủ dân sự tại địa phương;

d) Chỉ đạo và thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về phòng thủ dân sự tại địa phương.

Điều 53. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về phòng thủ dân sự; giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng thủ dân sự.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan đến phòng thủ dân sự

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đê điều số 79/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 60/2020/QH14 như sau:

a) Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ huy phòng thủ dân sự” tại khoản 11 Điều 3, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 35;

b) Thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm d khoản 2 Điều 35 và khoản 7 Điều 36.

2. Thay thế cụm từ “Ủy ban cứu hộ, cứu nạn quốc gia” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm e khoản 3 Điều 42 của Luật Hoá chất số 06/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14.

3. Thay thế cụm từ “Ủy ban quốc gia tìm kiếm - cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm đ khoản 2, điểm a và điểm c khoản 3, điểm b và điểm c khoản 4, khoản 5 Điều 84 của Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14.

4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 60/2020/QH14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. *Đối tượng dễ bị tổn thương* là người, nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng phải chịu nhiều tác động bất lợi hơn từ thiên tai so với những nhóm người khác trong cộng đồng. Đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo, người nghèo, người mất năng lực hành vi dân sự, người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 22 như sau:

“a) Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 như sau:

“Căn cứ vào bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia; ban chỉ huy phòng thủ dân sự Bộ, cơ quan ngang Bộ; ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, chỉ huy triển khai thực hiện biện pháp ứng phó thiên tai theo quy định của Chính phủ.”;

d) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của Điều 26 như sau:

“Căn cứ vào loại thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra, Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia; ban chỉ huy phòng thủ dân sự Bộ, cơ quan ngang Bộ; ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương quyết định lựa chọn một hoặc một số biện pháp phù hợp sau đây:”;

đ) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 4 Điều 27 như sau:

“4. Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, cấp độ rủi ro thiên tai, diễn biến thiên tai, sự chỉ đạo, chỉ huy của Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương có trách nhiệm sau đây:”;

e) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 29 như sau:

“b) Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương các cấp có trách nhiệm chủ động triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn; trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh, Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia hỗ trợ;”;

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 31 như sau:

“2. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại do thiên tai gây ra, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp trên và Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để phục vụ công tác chỉ đạo.”;

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 31 như sau:

“4. Ban chỉ huy phòng thủ dân sự Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại do thiên tai báo cáo Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để phục vụ công tác chỉ đạo.”;

i) Thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai, Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm c khoản 4 Điều 22, khoản 3 Điều 27;

k) Thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm d khoản 4 Điều 22, khoản 2 Điều 23, điểm b khoản 3 Điều 27, điểm c khoản 2 Điều 29;

l) Thay thế cụm từ “Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại khoản 4 Điều 23, khoản 2 Điều 27, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 29, khoản 5 Điều 40;

m) Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ huy phòng thủ dân sự” tại điểm b khoản 3 Điều 25, điểm c khoản 3 Điều 27, điểm b khoản 2 Điều 30 và khoản 1 Điều 31;

n) Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai của bộ, cơ quan ngang bộ” bằng cụm từ “Ban chỉ huy phòng thủ dân sự Bộ, cơ quan ngang Bộ” tại khoản 3 Điều 28;

o) Thay thế cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm c khoản 3 Điều 9, điểm c khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 27, khoản 2, khoản 4 Điều 28, điểm d khoản 2 Điều 30, điểm đ khoản 2 Điều 33, điểm c khoản 3 Điều 42;

p) Bãi bỏ Điều 44.

5. Thay thế cụm từ “Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại điểm b khoản 2, điểm a và điểm b khoản 4 Điều 53, các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 56, điểm e khoản 3 Điều 73 của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14.

6. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14 như sau:

a) Bãi bỏ khoản 13 Điều 2;

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Phòng thủ dân sự

Hoạt động phòng thủ dân sự thực hiện theo quy định của Luật Phòng thủ dân sự.”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 11/2022/QH15 như sau:

a) Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ huy phòng thủ dân sự” tại khoản 2, các điểm a, b và c khoản 4 Điều 124, khoản 1, khoản 2, các điểm a, b và c khoản 4 Điều 125, khoản 2 Điều 127;

b) Thay thế cụm từ “Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 124, điểm d khoản 4 Điều 125, điểm c và điểm d khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 127.

8. Thay thế cụm từ “Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn” bằng cụm từ “Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” tại khoản 3 Điều 102 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 45/2013/QH13 và Luật số 61/2014/QH13.

Điều 55. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2023.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
Đã ký: Vương Đình Huệ

VĂN PHÒNG
CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 07 /SY-VPCTN

SAO Y BẢN CHÍNH
Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2023

KT. CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM



Phạm Thanh Hà

Số: 847/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 1869/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 19/BC-HĐTDQH ngày 7 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3221/TTr-BNN-TL ngày 19 tháng 5 năm 2023 và văn bản số 3744/BNN-TL ngày 08 tháng 6 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI QUY HOẠCH

Trên toàn bộ phần diện tích đất liền và một số đảo đông dân cư, có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh (Vân Đồn, Cát Bà, Bạch Long Vỹ, Phú Quý, Lý Sơn, Phú Quốc, Côn Đảo), theo các vùng phát triển kinh tế-xã hội, theo các lưu vực sông, cụ thể như sau:

a) Vùng trung du, miền núi phía Bắc: gồm 14 tỉnh (Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Cạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Lào Cai, Yên Bái) thuộc thượng, trung lưu lưu vực sông Hồng - Thái Bình, lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng và một phần thượng lưu lưu vực sông Mã.

b) Vùng Đồng bằng sông Hồng: gồm 11 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh) thuộc hạ lưu của lưu vực sông Hồng - Thái Bình và các sông độc lập ven biển Quảng Ninh.

c) Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung: gồm 14 tỉnh, thành phố (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận) thuộc lưu vực sông Mã, sông Cả, sông Hương, Vu Gia - Thu Bồn, Trà Khúc, Kôn - Hà Thanh, các sông ven biển từ Quảng Bình đến Bình Thuận, một phần hạ lưu lưu vực sông Ba và sông Đồng Nai. Chia thành 02 tiểu vùng: Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

d) Vùng Tây Nguyên: gồm 5 tỉnh (Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) thuộc lưu vực sông Sê San, sông Srêpôk, phần thượng lưu lưu vực sông Ba và một phần thượng lưu lưu vực sông Đồng Nai.

đ) Vùng Đông Nam Bộ: gồm 6 tỉnh, thành phố (Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh) chủ yếu thuộc lưu vực sông Đồng Nai, Sài Gòn, lưu vực sông Ray và phụ cận.

e) Vùng đồng bằng sông Cửu Long: gồm 13 tỉnh, thành phố (Long An, Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau) phần lớn thuộc lưu vực sông Cửu Long, một phần thuộc lưu vực sông Đồng Nai.

g) Các đảo: Vân Đồn, Cát Bà, Bạch Long Vỹ, Phú Quý, Lý Sơn, Phú Quốc, Côn Đảo. Đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và các đảo nhỏ khác được nghiên cứu thực hiện trong các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành và quy hoạch tỉnh.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển hạ tầng thủy lợi, nâng cao năng lực cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ dân sinh, sản xuất nông nghiệp, tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế trên cơ sở khả năng nguồn nước. Củng cố, xây dựng hạ tầng phòng, chống thiên tai nhằm chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên.

- Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi phải thống nhất, đồng bộ hệ thống quy hoạch quốc gia; có tầm nhìn và định hướng dài hạn, tổng thể, làm cơ sở lập các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thủy lợi, phòng, chống thiên tai và quy hoạch tỉnh.

- Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi nhằm giải quyết tồn tại, thách thức trong công tác thủy lợi, phòng, chống thiên tai liên vùng, liên tỉnh; cân đối, điều hòa nguồn nước trong phạm vi toàn quốc, vùng, lưu vực sông, hệ thống thủy lợi; quản lý, sử dụng nguồn nước theo lưu vực sông kết hợp với đơn vị hành chính.

- Công trình hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai kết hợp, đồng bộ với công trình giao thông, công trình hạ tầng khác theo hướng phục vụ đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai. Đầu tư hệ thống hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai có trọng tâm, trọng điểm; đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, nâng cao tỷ trọng nguồn lực đầu tư từ xã hội hóa.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Bảo đảm cấp nước, tiêu, thoát nước cho dân sinh, sản xuất nông nghiệp, các ngành kinh tế và bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực phòng, chống, giảm thiệt hại do thiên tai, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển ở thượng nguồn các sông liên quốc gia.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về cấp nước

+ Cấp đủ nước phục vụ sinh hoạt; cấp và tạo nguồn cấp nước cho nông thôn, đô thị, công nghiệp, khu kinh tế...; đáp ứng nhu cầu nước cho hoạt động kinh tế ven biển, các đảo có đông dân cư. Chủ động nguồn nước tại chỗ cho sinh hoạt ở các khu vực bị ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; chú trọng một số vùng đặc biệt khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng. Chủ động kiểm soát mặn, ngọt tại các vùng cửa sông, vùng ven biển.

+ Cấp nước tưới chủ động cho diện tích lúa 2 vụ với tần suất đảm bảo 85%, riêng vùng đồng bằng sông Hồng đảm bảo 85-90%, đối với các vùng khó khăn về nguồn nước và giải pháp thủy lợi (miền núi, biên giới, ven biển, hải đảo) bảo đảm 75-85%; kết hợp các giải pháp tưới tiết kiệm nước.

+ Cấp nước tưới đảm bảo cho 70% diện tích cây trồng cạn, nâng dần tần suất đảm bảo tưới cho rau màu lên 90%, cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm 90-95%. Đảm bảo cấp đủ nước cho gia súc, gia cầm với khoảng 10,5 triệu con. Cấp nước và thoát nước chủ động cho 1,35 triệu ha nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung.

+ Bổ sung nguồn nước trên sông, kênh, hệ thống thủy lợi bị ô nhiễm, góp phần cải tạo môi trường, đảm bảo chất lượng nước đáp ứng yêu cầu sử dụng nước.

- Về tiêu, thoát nước: Bảo đảm tiêu, thoát nước qua công trình thủy lợi cho khoảng 3,5 triệu ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp, thủy sản và diện tích đất đô thị, công nghiệp với tần suất mưa thiết kế 10%. Chủ động tiêu, thoát nước ra sông chính, tăng diện tích tiêu bằng động lực; duy trì diện tích chứa, điều hòa nước mưa, nhất là các khu đô thị, khu dân cư tập trung.

- Về phòng, chống lũ, ngập lụt và các loại hình thiên tai khác

+ Hệ thống sông Hồng-Thái Bình: chống lũ với tần suất 0,33% đối với khu vực chịu ảnh hưởng điều tiết của các hồ chứa lớn ở thượng lưu, 1% đến 2% đối với khu vực ít chịu ảnh hưởng điều tiết của các hồ chứa lớn. Một số thành phố thuộc tỉnh như: Yên Bái, Sơn La chống lũ với tần suất 5%; Bắc Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang chống lũ với tần suất 2%; Việt Trì, Lạng Sơn chống lũ với tần suất từ 0,33% đến 1%. Trung tâm thành phố Hà Nội phía hữu ngạn sông Hồng chống lũ với tần suất 0,2%. Các khu vực sông không có đê ở thượng nguồn đảm bảo tần suất thoát lũ theo quy định ở từng khu vực.

+ Hệ thống sông Mã, Cả: vùng hạ lưu chống lũ với tần suất từ 0,6% đến 1%, sông Ngàn Phố, Ngàn Sâu chống lũ với tần suất 2%; sông Hương đảm bảo thoát lũ với tần suất 7%; hạ lưu sông Trà Khúc đảm bảo thoát lũ với tần suất 10%, hạ lưu các sông Kôn - Hà Thanh, sông Ba đảm bảo thoát lũ với tần suất 5%.

+ Các sông còn lại chủ động phòng tránh và thích nghi với lũ để bảo vệ dân cư, chống lũ sớm, lũ muộn với tần suất 5% đến 10% để bảo vệ sản xuất.

+ Các đô thị lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai chống lũ chính vụ với tần suất 5%. Thành phố Cần Thơ và đô thị các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đảm bảo chống lũ với tần suất 1%, các khu vực sản xuất cả năm chống lũ với tần suất 2%, các vùng khác chủ động chung sống với lũ.

+ Từng bước nâng cao năng lực phòng, chống lũ quét, sạt lở đất và các loại hình thiên tai khác, đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân và cơ sở hạ tầng.

c) Tầm nhìn đến năm 2050

- Cấp đủ nguồn nước phục vụ sinh hoạt với mức đảm bảo 100%; cấp và tạo nguồn cấp nước cho khu vực nông thôn, đô thị, công nghiệp, khu kinh tế...; đáp ứng nhu cầu nước cho hoạt động kinh tế ven biển, các đảo có đông dân cư.

- Cấp nước tưới chủ động cho toàn bộ diện tích lúa được tưới với tần suất đảm bảo tối thiểu 85%, riêng vùng Đồng bằng sông Hồng đảm bảo 90% đến 95%, chủ động với các kịch bản cực đoan, nâng cao tỷ lệ tưới tiết kiệm nước.

- Nâng diện tích cây trồng cạn được tưới lên 100% với tần suất đảm bảo tưới từ 90% đến 95%. Đảm bảo cấp đủ nước cho 13 triệu con gia súc, gia cầm. Cấp, thoát nước chủ động cho trên 1,4 triệu ha nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung.

- Khắc phục hoàn toàn tình trạng ô nhiễm nguồn nước trên các sông, kênh, hệ thống thủy lợi.

- Chủ động tiêu, thoát nước qua công trình thủy lợi cho cây trồng, thủy sản và diện tích đất đô thị, công nghiệp, nâng dần tần suất mưa thiết kế lên từ 5% đến 10%.

- Chủ động cấp đủ nước cho sinh hoạt khi xảy ra hạn hán, thiếu nước xâm nhập mặn. Giải quyết dứt điểm nước sinh hoạt cho các vùng đặc biệt khó khăn về nguồn nước.

- Phòng, chống lũ, ngập lụt: hệ thống sông Hồng-Thái Bình, từng bước xem xét nâng mức bảo đảm chống lũ với tần suất 0,2% cho khu vực chịu ảnh hưởng điều tiết của các hồ chứa lớn ở thượng lưu; trung tâm thành phố Hà Nội phía hữu ngạn sông Hồng đảm bảo chống lũ với tần suất 0,14%, vùng cửa sông chống lũ với tần suất 0,33%. Chống lũ cho Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương với tần suất 1%.

(Mức bảo đảm cấp, thoát nước, phòng lũ chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ THỦY LỢI

1. Phương án chung

a) Tạo nguồn, tích trữ, điều hòa nguồn nước

- Sửa chữa các hồ chứa bị hư hỏng, xuống cấp; khôi phục đảm bảo dung tích hồ theo thiết kế và nâng dung tích trữ của một số hồ chứa nước hiện có để chủ động nguồn nước tại chỗ cho các vùng còn tiềm năng; xây dựng mới các hồ chứa nước, đập dâng, cống, trạm bơm phục vụ đa mục tiêu, ưu tiên cho các vùng khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng.

- Xây dựng các công trình kết nối, điều hòa, liên kết, chuyển nước, tiến tới hình thành mạng lưới liên kết nguồn nước liên tỉnh, liên vùng, liên lưu vực, quốc gia.

- Phát triển hệ thống hồ chứa nhỏ, phân tán, công trình trữ nước quy mô hộ gia đình để cấp nước sinh hoạt, sản xuất tại các vùng thiếu nước, vùng núi cao, biên giới, ven biển, hải đảo.

- Nghiên cứu bổ sung dung tích hồ thủy điện tham gia điều hòa nguồn nước, phòng chống hạn hán, thiếu nước; sử dụng nước các hồ thủy điện phục vụ cấp nước sinh hoạt và sản xuất, tưới cho vùng đất dốc, vùng cây ăn quả tập trung...

- Đầu tư xây dựng các công trình lấy nước từ hệ thống công trình thủy lợi cấp cho công nghiệp, đô thị, hoạt động kinh tế ven biển; nghiên cứu, đầu tư xây dựng hệ thống lấy nước biển sạch phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng ven biển.

- Điều tiết hiệu quả các hồ chứa thượng nguồn đảm bảo an toàn công trình, chủ động phòng lũ cho hạ du theo quy định; khai thác hiệu quả nguồn nước các hồ thủy điện để bổ sung nguồn nước cho các hệ thống công trình thủy lợi và cấp nước sinh hoạt, sản xuất tại các vùng khan hiếm nước.

- Duy trì, bảo vệ, phát triển và nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn, cây chắn sóng vùng cửa sông, ven biển.

b) Nâng cấp, cải tạo các hệ thống thủy lợi: Nâng cao hiệu quả, năng lực của các công trình hiện có, trong đó tập trung nâng cấp công trình đầu mối, hệ thống kênh chính, bổ sung đầu tư mới các công trình thuộc hệ thống, tăng khả năng tự làm sạch, cải thiện chất lượng nước, phòng, chống ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi, bảo đảm khôi phục, duy trì và nâng cao năng lực phục vụ của các hệ thống thủy lợi, góp phần đồng bộ với kết cấu hạ tầng các ngành.

c) Khắc phục tình trạng hạ thấp mực nước: Xây dựng đập dâng, công trình dâng nước trên dòng chính đối với các sông có biến động lớn về lòng dẫn, diễn biến hạ thấp đáy sông, suy giảm mực nước và nguy cơ xâm nhập mặn cao như các sông Hồng, Mã, Cả, Vu Gia-Thu Bồn... Nâng cấp, xây dựng mới các trạm bơm lấy nước trên dòng chính các sông trong mùa khô tại một số vùng do mực nước sông bị hạ thấp. Vận hành điều tiết hồ chứa, hệ thống liên hồ chứa, sử dụng hiệu quả nguồn nước từ các hồ chứa thủy điện bảo đảm duy trì mực nước cho hoạt động của các công trình thủy lợi lấy nước phục vụ sản xuất, dân sinh.

d) Cấp nước sinh hoạt: Đầu tư xây dựng hệ thống các công trình cấp nước, tạo nguồn, dẫn nguồn cấp nước ổn định cho sinh hoạt, hoàn thiện các công trình cấp nước tập trung nông thôn, ưu tiên cho khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và các đảo. Nâng cấp, sửa chữa, kết hợp với quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng nhằm phát huy hiệu quả, hoạt động bền vững của công trình; ưu tiên lấy nước từ hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa, đập dâng để bảo đảm nguồn nước ổn định cho công trình cấp nước sinh hoạt. Rà soát, điều chỉnh, kết nối liên thông giữa hệ thống cấp nước sinh hoạt đô thị và nông thôn vùng ven các khu đô thị, khu dân cư tập trung.

đ) Tiêu, thoát nước và chống ngập úng

- Tập trung tiêu, thoát nước ra sông chính, tăng diện tích tiêu bằng tự chảy, động lực. Phân vùng tiêu phù hợp, khép kín hệ thống đê bao, bờ bao kết hợp sử dụng các cống điều tiết, trạm bơm hỗ trợ tiêu thoát nước tại các khu vực trũng thấp thường xuyên bị ngập lụt, úng.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cao năng lực tiêu, thoát nước, xây mới các cống, trạm bơm đầu mối và nạo vét các sông, kênh, rạch kết hợp giao thông thủy phục vụ tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung, đô thị, công nghiệp, vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm.

- Bổ sung, nâng cấp hệ thống trữ nước; duy trì tỷ lệ diện tích mặt nước tạo hồ điều hòa phù hợp, bảo vệ diện tích trữ nước tự nhiên, dành không gian cho nước nhằm giảm áp lực ngập, lụt, úng, kết hợp tạo cảnh quan, môi trường.

- Nghiên cứu giải pháp tiêu, thoát nước thời đoạn ngắn cho cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày, giải pháp phòng chống ngập lụt, úng cho các khu công nghiệp, đô thị có tính đến quản lý rủi ro.

e) Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình tạo nguồn nước, tích trữ nước, điều tiết, cân đối nước, cấp nước tại chỗ; sử dụng nước từ hệ thống thủy lợi, hồ thủy điện... phục vụ cấp nước sinh hoạt trong trường hợp xảy ra thiên tai, hạn hán, thiếu nước xâm nhập mặn.

- Nghiên cứu, đầu tư xây dựng công trình trữ, hồ chứa nước phân tán phù hợp với đặc điểm từng vùng, triển khai đầu tư hồ trữ nước ngọt, công trình để trữ nước trên hệ thống sông, kênh rạch. Đầu tư các công trình điều tiết, kiểm soát nguồn nước, kiểm soát mặn vùng cửa sông, ven biển (sông Mã, Cả, Vàm Cỏ, Hàm Luông...)

để chủ động cấp nước ngọt nội vùng, điều tiết nước ngọt cho vùng ven biển phục vụ sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông nghiệp.

- Triển khai giải pháp thu, trữ, xử lý, tái sử dụng nước; khai thác, bổ cập, bảo vệ nguồn nước dưới đất trên các đảo; triển khai đầu tư hệ thống lọc nước biển, kết hợp liên kết các nguồn nước để cấp nước cho sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, đẩy mạnh phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các đảo có đông cư dân sinh sống.

- Triển khai xây dựng kế hoạch sử dụng nước, dự báo nguồn nước phục vụ sản xuất, dân sinh. Bố trí cơ cấu sản xuất, chuyển dịch thời vụ phù hợp với điều kiện nguồn nước; rà soát chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả tại các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng sang các loại cây trồng khác hoặc loại hình sản xuất phù hợp.

g) Phòng, chống lũ, ngập lụt và các loại hình thiên tai khác

- Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê theo tiêu chuẩn thiết kế, phù hợp với quy hoạch đê điều, quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch tỉnh.

- Xây dựng công trình chỉnh trị tại các phân lưu, hợp lưu, các cửa sông lớn và các đoạn sông có hình thái, diễn biến sạt lở phức tạp; nạo vét, cải tạo các luồng, tuyến tăng cường khả năng thoát lũ; xây dựng công trình bảo vệ chống sạt, xói lở bờ sông, bờ biển, đê biển.

- Xây dựng, củng cố hệ thống công trình phòng, chống lũ, chống ngập lụt bảo vệ các thành phố theo mức đảm bảo, đặc biệt là bảo vệ các thành phố lớn.

- Nghiên cứu quy định tần suất bảo vệ phù hợp cho các sông suối vừa và nhỏ, các khu vực thượng nguồn các lưu vực sông.

- Kiểm soát xây dựng công trình qua sông, suối, vùng ngập lũ để đảm bảo khẩu độ thoát lũ; quản lý chặt chẽ việc sử dụng bãi sông, xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác cát trên sông, khắc phục tình trạng lấn chiếm lòng sông, bãi sông đảm bảo không gian trữ, thoát lũ... Xử lý công trình lấn chiếm luồng tiêu, kênh tiêu, đảm bảo khẩu độ tiêu thoát nước.

- Xây dựng, triển khai giải pháp quản lý rủi ro thiên tai; kịch bản, kế hoạch chủ động ứng phó, thích ứng với các tình huống cực đoan, bảo đảm an toàn cho người dân, từng bước sắp xếp, di dời dân cư tại khu vực không bảo đảm an toàn ven sông, suối, ven biển, nơi thường xuyên ngập lụt, nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; nghiên cứu và xây dựng hệ thống cảnh báo, công trình phòng chống lũ quét, sạt lở đất tại một số khu vực có nguy cơ cao...

2. Phương án phát triển cho từng vùng

a) Vùng trung du và miền núi phía Bắc

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới một số hồ chứa nước lớn, có khả năng điều tiết nguồn nước như các hồ Nà Lạnh, Nghinh Tường, Thượng Tiến, Phiêng Lú... Nâng cấp, sửa chữa các công trình hiện có và bổ sung xây mới các công trình thuộc các hệ thống thủy lợi nhằm nâng cao năng lực phục vụ như hệ thống Pa Khoang-Nậm Rốm, Thác Huống, Cầu Sơn-Cấm Sơn...

- Sử dụng hiệu quả nước từ hồ thủy điện để cấp nước cho các vùng khó khăn về nguồn nước, các vùng cây ăn quả tập trung, cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, cây trồng trên đất dốc. Đầu tư tuyến kết nối, chuyển nước từ hồ Cẩm Sơn về hồ Khuôn Thần cấp nước tưới cho vùng Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đầu tư các hồ chứa, công trình thủy lợi nhỏ, phân tán để cấp nước và tưới cho cây trồng cạn tại các vùng khan hiếm nước thuộc các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Lai Châu...

- Cải tạo, nạo vét lòng dẫn, trục tiêu; bổ sung các công trình tiêu bằng động lực để tăng khả năng tiêu thoát cho các thành phố, đô thị tại các tỉnh Yên Bái, Tuyên Quang, Lào Cai, Vĩnh Phúc, Phú Thọ...

- Củng cố, nâng cấp và bổ sung mới để hoàn thiện hệ thống đê điều, kết hợp điều tiết hồ chứa nước ở thượng nguồn nhằm chống lũ, ngập lụt, bảo đảm an toàn dân sinh, sản xuất; nghiên cứu và xây dựng hệ thống cảnh báo, công trình phòng chống lũ quét, sạt lở đất tại một số khu vực có nguy cơ cao.

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi lòng sông, lấn chiếm bãi sông, nạo vét, chỉnh trị luồng vận tải thủy đảm bảo an toàn hệ thống đê điều, không gây cản trở thoát lũ.

b) Vùng Đồng bằng sông Hồng

- Đầu tư xây dựng mới một số hồ chứa nước như hồ Tài Chi, Cải-Thác Nhông...; nâng cấp, sửa chữa, bổ sung một số công trình thuộc các hệ thống thủy lợi lớn, như Bắc Hưng Hải, Bắc Nam Hà, Bắc Đuống, Sông Cầu, Sông Nhuệ, Liên Sơn, An Kim Hải, Đa Độ...; thực hiện các giải pháp ứng phó, khắc phục tình trạng hạ thấp mực nước sông Hồng để các công trình thủy lợi có thể chủ động lấy nước phục vụ sản xuất, dân sinh.

- Cải tạo, nâng cấp, bổ sung công trình tiếp nguồn, kết hợp nạo vét các trục tiêu nước chính trên các hệ thống sông Đáy, sông Nhuệ.

- Tiếp tục điều tiết hiệu quả các hồ chứa lớn thượng nguồn nhằm cấp nước phục vụ dân sinh, sản xuất nông nghiệp, chủ động phòng, chống lũ đối với vùng Đồng bằng sông Hồng và góp phần bảo đảm an ninh năng lượng.

- Kiểm soát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, bổ sung nguồn nước để pha loãng, cải thiện tình trạng ô nhiễm nguồn nước tại các hệ thống thủy lợi hiện nay nhằm bảo đảm chất lượng nước phục vụ sản xuất.

- Đầu tư xây dựng các công trình, hệ thống công trình chống ngập, ứng cho các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc...

- Tăng cường các giải pháp tiêu ra sông chính, cải tạo, nâng cấp, thay thế các trạm bơm tiêu đã lạc hậu. Bổ sung năng lực công trình tiêu ven biển để chủ động tiêu khi gặp tổ hợp lũ lớn trên sông kết hợp cùng triều cường.

- Cải tạo lòng dẫn, nạo vét lòng sông, cửa sông tại những vị trí bị bồi lắng cục bộ để tăng khả năng thoát lũ.

- Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê theo tiêu chuẩn thiết kế, phù hợp với quy hoạch đê điều, quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê và quy hoạch tỉnh. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng bãi sông, khai thác cát lòng sông; nạo vét, chỉnh trị luồng vận tải thủy đảm bảo an toàn hệ thống đê điều và không gây cản trở thoát lũ.

c) Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung

- Tiểu vùng Bắc Trung Bộ

+ Xây dựng mới các hồ chứa lớn như hồ Thác Muối (Nghệ An), Trại Dơi (Hà Tĩnh), Châu Giang, Hối Đá (Quảng Bình), Sông Nhùng, Bến Đá, Khe Mước - Bến Than (Quảng Trị), Ô Lâu Thượng, Thủy Cam (Thừa Thiên Huế). Nâng cấp các hệ thống thủy lợi lớn trong vùng, ưu tiên nâng cao dung tích các hồ chứa có tiềm năng nguồn nước như: Sông Sào, Sông Rác, Vực Tròn...

+ Xây dựng các tuyến kết nối, điều hòa, chuyển nước: Tuyến từ hồ Cửa Đạt cấp nước tưới vùng ven đường Hồ Chí Minh; tuyến chuyển nước hồ Rào Trỏ - hồ Vực Tròn cấp nước khu kinh tế ven biển phía bắc tỉnh Quảng Bình; tuyến chuyển nước từ hồ Ô Lâu Thượng - Hòa Mỹ cấp nước tưới cho vùng cát huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế...

+ Đầu tư xây dựng công trình công, đập dâng nhằm dâng cao mực nước dòng chính các sông, kiểm soát mặn, ngọt vùng cửa sông trên dòng chính sông Mã, sông Cả...; vận hành hiệu quả hồ chứa nước thượng nguồn phục vụ cấp nước, phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng.

+ Chỉnh trị sông, nạo vét cửa sông tăng khả năng thoát lũ; xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông để bảo vệ các thành phố, đô thị và khu dân cư. Chủ động di dời, sơ tán dân, nghiên cứu và xây dựng hệ thống cảnh báo, công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất tại một số khu vực có nguy cơ cao.

+ Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê theo tiêu chuẩn thiết kế, phù hợp với quy hoạch đê điều, quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê và quy hoạch tỉnh.

- Tiểu vùng Nam Trung Bộ

+ Xây dựng mới một số hồ chứa có khả năng điều tiết liên vùng như hồ Trường Đồng (Quảng Nam), Hồ Thượng sông Vệ (Quảng Ngãi), hồ Đồng Điền (Khánh Hòa), các hồ La Ngà 3, Ka Pét, Tân Lê, Cà Tót, Sông Tom (Bình Thuận)... Nâng cao dung tích các hồ chứa lớn như hồ Phú Ninh (Quảng Nam), Núi Ngang (Quảng Ngãi), Định Bình (Bình Định), Phú Xuân (Phú Yên), Đá Bàn (Khánh Hòa).

+ Sửa chữa, nâng cấp, bổ sung xây mới công trình thuộc các hệ thống thủy lợi lớn trong vùng như An Trạch - Thanh Quýt - Bầu Nít - Hà Thanh, Thạch Nham, Tân An - Đập Đá, Đồng Cam, Nha Trinh - Lâm Cẩm...

+ Xây dựng các tuyến kết nối, điều hòa, chuyển nước như tuyến chuyển nước từ hồ Thượng sông Vệ tiếp nước hồ Núi Ngang cấp nước cho lưu vực sông Trà Cầu và tuyến chuyển nước từ hồ Thượng sông Vệ tiếp nước hồ Đồng Mít cấp nước cho vùng Phù Mỹ, Phù Cát (Bình Định); liên kết nguồn nước hồ Định Bình, hồ Hội Sơn và hồ Hội Khánh; chuyển nước từ hồ Sông Cái về hồ sông Sát cấp nước khu vực phía bắc tỉnh Ninh Thuận; kết nối, chuyển nước từ hồ sông Than cấp nước khu vực phía nam tỉnh Ninh Thuận; kết nối, chuyển nước từ hồ La Ngà 3 cấp nước khu vực phía nam tỉnh Bình Thuận; nghiên cứu xây dựng các tuyến kết nối, điều hòa, chuyển nước từ sông Thu Bồn bổ sung nước hệ thống kênh hồ Phú Ninh...

+ Vận hành hiệu quả hồ chứa nước thượng nguồn phục vụ cấp nước, phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, tham gia cắt lũ theo quy trình đã được phê duyệt; chỉnh trị, chống sạt lở, nạo vét các sông lớn tăng khả năng thoát lũ bảo vệ các thành phố, đô thị, khu dân cư và sản xuất.

+ Củng cố, nâng cấp hệ thống kè bờ, đê sông, đê biển theo tiêu chuẩn thiết kế.

d) Vùng Tây Nguyên

- Xây dựng mới các hồ chứa, đập dâng lớn như hồ Ia Thul (Gia Lai), các hồ Krông Năng, Ea Khal (Đắk Lắk), hồ Đắk Gang (Đắk Nông), hồ Ta Hoét (Lâm Đồng); nâng cấp hồ Ayun Hạ..., kết hợp nghiên cứu đầu tư, xây dựng hồ chứa, công trình thủy lợi vừa, nhỏ, phân tán.

- Xây dựng hệ thống kết nối, điều hòa nguồn nước như hệ thống kết nối nguồn nước đập dâng thượng Ayun - hồ Đắk PTó; hệ thống Đắk Akôi - Đắk Pokei - Đắk Pokei B; nghiên cứu xây dựng tuyến chuyển nước Đắk Hring - Đắk Uy - Đắk Loh - Đắk Cẩm phục vụ cấp nước tưới và sinh hoạt.

- Vận hành, sử dụng hồ chứa thủy điện, thủy lợi phục vụ cấp nước, phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt, úng. Chỉnh trị, nạo vét mở rộng mặt cắt, xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông bảo vệ các thành phố, đô thị, khu dân cư và sản xuất. Nghiên cứu, đầu tư giải pháp phòng chống lũ, ngập lụt đối với các vùng thường xuyên xảy ra ngập lụt như vùng Ayun Pa lưu vực sông Ba, vùng Lắk Buôn Trấp, Ea Súp lưu vực sông Srêpôk; hệ thống cảnh báo, công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất tại một số khu vực có nguy cơ cao.

đ) Vùng Đông Nam Bộ

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới một số hồ chứa lớn như hồ Cây Chanh trên sông Bé điều hòa nguồn nước sau hồ Phước Hoà, hồ sông Ray 2 trên sông Ray; tiếp tục đầu tư các hồ chứa nước quy mô nhỏ, phân tán.

- Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa để bổ sung năng lực cấp nước và phòng, chống lũ cho Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước.

- Nạo vét các tuyến kênh, trực tăng khả năng tiêu thoát nước từ sông Sài Gòn qua sông Vàm Cỏ Đông; mở rộng các tuyến kênh tiêu, thoát nước ra các sông chính: Đồng Nai, Sài Gòn.

- Hoàn chỉnh hệ thống công trình chống ngập, nâng cấp các tuyến đê ven sông Sài Gòn; xây dựng hệ thống công trình chính trị, phòng, chống sạt lở bờ các sông lớn nhằm bảo vệ Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và các thành phố, khu đô thị, khu dân cư trong vùng.

e) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- Nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống thủy lợi lớn: Nhật Tảo - Tân Trụ, Bảo Định, Gò Công, Bắc Bến Tre, Nam Bến Tre, Nam Măng Thít, Quản Lộ - Phụng Hiệp, Ô Môn - Xà No... Kết nối, chuyển nước giữa các hệ thống thủy lợi (Bảo Định - Gò Công - Tân Trụ...) để tăng cường khả năng trữ nước, chuyển nước nội vùng, liên vùng và chủ động kiểm soát, điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt.

- Đầu tư xây dựng công trình kiểm soát nguồn nước tại các cửa sông Vàm Cỏ, Hàm Luông, tiếp tục nghiên cứu công trình kiểm soát nguồn nước đối với các cửa sông còn lại; đầu tư hồ trữ nước ngọt phân tán chủ động ứng phó với tình trạng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

- Nạo vét các kênh, rạch lớn vùng Đồng Tháp Mười và Tứ Giác Long Xuyên để kết hợp trữ nước phục vụ dân sinh, sản xuất vào mùa khô và tiêu thoát lũ vào mùa mưa. Xây dựng hệ thống cống đầu kênh kết hợp kiểm soát mặn và lấy nước từ sông chính. Xây dựng các công trình điều tiết, chuyển nước, bổ sung nguồn nước cho khu vực nam Quốc lộ 1A tỉnh Bạc Liêu và vùng bán đảo Cà Mau.

- Đầu tư xây dựng công trình chống ngập úng cho thành phố Cần Thơ và các thành phố thuộc các tỉnh; củng cố hệ thống đê bao, bờ bao, cống bọng nhằm bảo vệ khu dân cư và sản xuất nông nghiệp, nhất là vườn cây ăn trái.

- Xây dựng các công trình kiểm soát lũ dọc sông Tiền, sông Hậu để kiểm soát lũ vào vùng Đồng Tháp Mười và Tứ Giác Long Xuyên. Kiểm soát không gian thoát lũ.

- Xây dựng hệ thống công trình chính trị, phòng, chống chống sạt lở bờ sông đối với các sông lớn bảo vệ các thành phố, khu đô thị, khu dân cư tập trung.

g) Các đảo

- Xây mới, sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước, hệ thống thủy lợi xuống cấp; xây dựng các công trình thu, trữ nước nhằm tận dụng tối đa nguồn nước mặt để phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các hoạt động phát triển kinh tế biển.

- Triển khai các giải pháp thu, trữ, xử lý, tái sử dụng nước; khai thác, bổ cập, bảo vệ nguồn nước dưới đất trên các đảo; triển khai đầu tư hệ thống lọc nước biển, kết hợp liên kết các nguồn nước để cấp nước cho sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, đẩy mạnh phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các đảo có dân cư sinh sống.

IV. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT

Tổng nhu cầu sử dụng đất để triển khai Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ước tính khoảng 136.500 ha, trong đó nhu cầu đất để nâng cấp, sửa chữa các công trình khoảng 34.000 ha và xây dựng mới các công trình khoảng 102.500 ha.

V. PHÂN KỲ THỰC HIỆN VÀ DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN

1. Phân kỳ thực hiện

a) Nhu cầu vốn thực hiện Quy hoạch đến năm 2030 khoảng 180.000 tỷ đồng, được huy động, bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác, trong đó tập trung:

- Triển khai đầu tư xây dựng mới các hồ chứa nước, nâng cao dung tích hồ chứa nước hiện có; nâng cấp công trình, hệ thống thủy lợi liên tỉnh; xây dựng một số hệ thống kết nối, chuyên nước nội vùng, liên vùng, đưa nước ra vùng ven biển, cấp nước phục vụ đa mục tiêu.

- Triển khai đầu tư nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển; xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất; xây dựng các công trình chỉnh trị, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển bảo vệ các thành phố, khu đô thị, khu dân cư quan trọng, bảo vệ lãnh thổ và công trình ứng phó với tình trạng hạ thấp mực nước trên sông Hồng; thực hiện chương trình cấp nước nông thôn, cấp nước trên các đảo có đông dân cư.

b) Giai đoạn sau 2030: Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các công trình đập dâng trên dòng chính, các công trình kiểm soát, điều tiết mặn, ngọt tại cửa các sông lớn. Tiếp tục triển khai các giải pháp, công trình còn lại của quy hoạch, đồng thời có xem xét vị trí, quy mô công trình phù hợp với thực tế.

c) Trường hợp cần thiết đầu tư phục vụ phát triển kinh tế-xã hội và huy động bố trí được đầy đủ các nguồn lực để thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án có thể đề xuất và cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận cho đầu tư sớm hơn so với thời kỳ quy hoạch.

2. Danh mục dự án ưu tiên

a) Tiêu chí lựa chọn các dự án ưu tiên

- Việc thực hiện quy hoạch phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Chiến lược Thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chiến lược Quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, khả năng bố trí, huy động nguồn lực cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đầu tư kết cấu hạ tầng thủy lợi và phòng chống thiên tai.

- Ưu tiên đầu tư các công trình có quy mô lớn, tác động liên vùng, liên tỉnh, công trình giải quyết các vấn đề cấp bách trong cấp nước, tiêu, thoát nước, phòng, chống thiên tai, công trình thuộc các khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt

khó khăn, như công trình khắc phục hạ thấp mực nước, xói lở lòng dẫn, ô nhiễm nguồn nước tại vùng đồng bằng sông Hồng; bảo đảm an toàn hồ chứa, tiêu thoát nước ra biển đối với tiểu vùng Bắc Trung Bộ; kết nối, liên kết nguồn nước, cát lũ, giảm lũ, sạt lở cửa sông đối với tiểu vùng duyên hải Nam Trung Bộ; hoàn thiện khép kín hệ thống công trình từ đầu mối đến kênh mương nội đồng, phát triển hồ chứa nhỏ phân tán, sử dụng nước các hồ chứa thủy điện tại vùng Tây Nguyên; công trình kiểm soát, phân bổ, điều hòa nguồn nước mặn, ngọt cho sản xuất, dân sinh, phòng, chống sạt lở đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long...

b) Danh mục dự án ưu tiên

Danh mục các dự án ưu tiên tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này. Danh mục dự án ưu tiên xác định trong quy hoạch có thể xem xét điều chỉnh trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch tùy theo tính cấp thiết của dự án và tình hình thực tế từng giai đoạn. Việc thực hiện các dự án ưu tiên được cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh phù hợp tùy thuộc vào khả năng nguồn vốn. Mục tiêu, quy mô, địa điểm, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, nhu cầu sử dụng đất của từng dự án cụ thể sẽ được xác định trong quá trình chuẩn bị đầu tư và quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Rà soát, sửa đổi hoàn thiện một số cơ chế chính sách đặc thù để huy động mọi nguồn lực trong lĩnh vực đầu tư, quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế tăng cường phân cấp trong công tác đầu tư, quản lý hệ thống thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; tưới cho cây trồng cạn, cấp nước sinh hoạt nông thôn, phòng, chống thiên tai; triển khai hiệu quả chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

- Xây dựng cơ chế chính sách huy động hiệu quả nguồn lực để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai từ Quỹ phòng, chống thiên tai.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Rà soát, đánh giá nguồn nhân lực ngành thủy lợi hiện có, xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng đối tượng tham gia, đào tạo đa ngành, đa nghề; chú trọng nâng cao năng lực quản trị, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Củng cố, kiện toàn các tổ chức quản lý, khai thác để vận hành, khai thác hiệu quả và bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi; củng cố, nâng cao năng lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cơ quan quản lý đề điều, phòng chống thiên tai các cấp; tổ chức quản lý, hộ đê đảm bảo an toàn hệ thống đê điều, công trình phòng, chống thiên tai.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo chuyên sâu, chuyên ngành về quy hoạch, thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai gắn với chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại.

- Thực hiện các chương trình đào tạo nhân lực trong lĩnh vực chuyển đổi số, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số trong quản lý, đầu tư hạ tầng và dịch vụ công trong lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý, nghiên cứu khoa học, thiết kế, xây dựng và quản lý, khai thác công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho tổ chức thủy lợi cơ sở, bồi dưỡng tay nghề cho người lao động trực tiếp tham gia vận hành công trình.

- Thực hiện chính sách đãi ngộ phù hợp, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia hoạt động thủy lợi, phòng, chống thiên tai, hình thành đội ngũ chuyên gia ở trung ương và địa phương.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu và các tác động từ bên ngoài.

- Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong quy hoạch, thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai; nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo lũ, lũ quét, lụt, hạn hán, thiếu nước, sạt lở; ứng dụng khoa học công nghệ, vật liệu mới trong thiết kế, xây dựng công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai.

- Ứng dụng công nghệ số, hạ tầng quản trị số, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh vào chỉ đạo điều hành, quản lý, khai thác, vận hành hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai.

- Triển khai nghiên cứu, phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo để sử dụng nước tiết kiệm, an toàn, tuần hoàn, tái sử dụng nước; quản lý nhu cầu sử dụng nước, đẩy mạnh áp dụng công nghệ, biện pháp tưới tiết kiệm nước, tăng hiệu quả sử dụng nước, giảm phát thải khí nhà kính.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong phục hồi nguồn nước tại các hệ thống thủy lợi bị ô nhiễm; bảo vệ môi trường nước, kiểm soát chất lượng nước, quản lý, xử lý hiệu quả nguồn gây ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi.

4. Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền

- Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, quản lý khai thác công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai, phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan.

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, lồng ghép vào một số chương trình giảng dạy. Nhân rộng, phổ biến những mô hình hiệu quả trong quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai.

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin, chính sách, chuyển giao công nghệ trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai; huy động nguồn lực quốc tế cho công tác thủy lợi, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện hiệu quả các cam kết, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia.

6. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư

- Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để xây dựng các công trình có quy mô lớn, phục vụ đa mục tiêu, có tác động liên vùng, liên tỉnh, công trình tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng thường xuyên chịu tác động hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng; giải quyết các vấn đề cấp bách trong phòng, chống thiên tai và thủy lợi.

- Khuyến khích và đẩy mạnh huy động các nguồn xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư phát triển, vận hành, khai thác hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động các nguồn lực (ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách, vốn tín dụng, Quỹ phòng chống thiên tai...) tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo quy hoạch và thể chế hóa các giải pháp về phân cấp, phân quyền huy động nguồn lực.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư đảm bảo hiệu quả, minh bạch, phù hợp với các nguồn lực theo phân kỳ quy hoạch.

7. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện.

- Phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện quy hoạch giữa trung ương và địa phương, bảo đảm các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch tỉnh phải tuân thủ các định hướng của Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phối hợp giữa các bộ, ngành, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp để giám sát thực hiện các vấn đề liên ngành, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch.

- Kiểm tra, giám sát định kỳ thực hiện quy hoạch để bảo đảm quy hoạch được thực hiện đúng quy định; phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức công bố quy hoạch, cung cấp dữ liệu có liên quan để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch; tăng cường thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản để cung cấp các số liệu phục vụ lập, điều chỉnh quy hoạch.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch; định kỳ đánh giá thực hiện quy hoạch, rà soát, điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

- Tổ chức lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đê điều, quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê phù hợp với quy hoạch này.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để bố trí ngân sách hàng năm thực hiện các dự án, nhiệm vụ của quy hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bố trí nguồn lực, đề xuất các cơ chế chính sách để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của quy hoạch, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với thực hiện chiến lược thủy lợi, chiến lược phòng, chống thiên tai, chiến lược phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của từng ngành, từng địa phương và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi theo quy định của pháp luật có liên quan trong phạm vi địa phương; quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ triển khai quy hoạch; trình Hội đồng nhân dân cùng cấp chủ động bố trí ngân sách đầu tư hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan theo phân cấp.

- Rà soát, xây dựng, điều chỉnh các quy hoạch, dự án thuộc các lĩnh vực có liên quan trên địa bàn đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch này. Cập nhật nội dung quy hoạch tỉnh đảm bảo tuân thủ các định hướng phát triển hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi địa phương theo quy hoạch này, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: CN, KTTH, QHĐP, PL, TCCV, QHĐP, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2) Tuynh. 81

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Lưu Quang



Phụ lục I
MỨC ĐẢM BẢO TƯỚI, TIÊU, PHÒNG CHỐNG LŨ

(Kèm theo Quyết định số: 847/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Mức bảo đảm tưới, cấp nước và hệ số tưới các giai đoạn

Đối tượng	Vùng	Năm 2020	Năm 2030	Năm 2050
Mức bảo đảm (Tần suất % tưới cho lúa)	Trung du và miền núi phía Bắc	75 - 85	75 - 85	85
	Đồng bằng sông Hồng	85	85 - 90	90 - 95
	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung			
	<i>Tiểu vùng Bắc Trung Bộ</i>	75 - 85	75 - 85	85
	<i>Tiểu vùng Nam Trung Bộ</i>	75 - 85	75 - 85	85
	Tây Nguyên	75 - 85	75 - 85	85
	Đông Nam Bộ	85	85	85
	Đồng bằng sông Cửu Long	85	85	85
Hệ số tưới cho lúa (l/s/ha)	Trung du và miền núi phía Bắc	1,28 - 1,29	1,29 - 1,32	1,30 - 1,34
	Đồng bằng sông Hồng	1,21 - 1,23	1,24 - 1,26	1,26 - 1,30
	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung			
	<i>Tiểu vùng Bắc Trung Bộ</i>	1,21 - 1,34	1,24 - 1,43	1,26 - 1,47
	<i>Tiểu vùng Nam Trung Bộ</i>	1,07 - 1,32	1,08 - 1,35	1,1 - 1,37
	Tây Nguyên	1,16 - 1,30	1,18 - 1,34	1,20 - 1,36
	Đông Nam Bộ	1,29 - 1,57	1,35 - 1,76	1,42 - 1,85
	Đồng bằng sông Cửu Long	0,95 - 1,38	1,11 - 1,45	1,18 - 1,46

2. Mức bảo đảm tiêu, thoát nước và hệ số tiêu các giai đoạn

Đối tượng	Vùng	Năm 2020	Năm 2030	Năm 2050
Mức bảo đảm tiêu cho nông nghiệp (Tần suất % mưa tiêu thiết kế)	Trung du và miền núi phía Bắc	10	10	10
	Đồng bằng sông Hồng	10	10	10
	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung			
	<i>Tiểu vùng Bắc Trung Bộ</i>	10	10	10
	<i>Tiểu vùng Nam Trung Bộ</i>	10	10	10
	Tây Nguyên	10	10	10
	Đông Nam Bộ	10	10	10
	Đồng bằng sông Cửu Long	10	10	10
Hệ số tiêu nông nghiệp (l/s/ha)	Trung du và miền núi phía Bắc	3,8 - 5,2	3,9 - 6,7	4,2 - 7,1
	Đồng bằng sông Hồng	6 - 6,5	6,5 - 8,0	7,5 - 9,0
	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung			
	<i>Tiểu vùng Bắc Trung Bộ</i>	6,0 - 6,2	6,5 - 8,2	7,6 - 9,0
	<i>Tiểu vùng Nam Trung Bộ</i>	5,2 - 8,1	5,4 - 8,7	5,6 - 9,0
	Tây Nguyên	3,5 - 5,6	3,6 - 6,0	3,7 - 6,3
	Đông Nam Bộ	5,0 - 6,0	5,6 - 8,7	6,2 - 9,1
	Đồng bằng sông Cửu Long	5,7 - 7,9	5,9 - 8,9	6,2 - 9,5

3. Mức bảo đảm phòng, chống lũ các giai đoạn

TT	Vùng/sông liên tỉnh	Đến năm 2030 (%)	Tầm nhìn đến năm 2050 (%)	Các tỉnh liên quan	Ghi chú
Vùng Trung du và miền núi phía Bắc					
1	Sông Thao				
1.1	Khu vực có đê thuộc Phú Thọ	2,0	Sẽ xác định tiêu chuẩn phòng, chống lũ phù hợp với điều kiện KT-XH của đất nước và tầm quan trọng từng khu vực bảo vệ	Phú Thọ	Tần suất chống lũ
1.2	Khu vực không có đê	2,0	2,0	Lào Cai, Yên Bái	Tần suất thoát lũ
1.3	Các thành phố				
	Thành phố Yên Bái	5,0	2,0		Tần suất chống lũ
2	Sông Lô, Gâm				
2.1	Khu vực có đê thuộc Phú Thọ	1,0	Sẽ xác định tiêu chuẩn phòng, chống lũ phù hợp với điều kiện KT-XH của đất nước và tầm quan trọng từng khu vực bảo vệ	Phú Thọ	Tần suất chống lũ
2.2	Khu vực không có đê	2,0	2,0	Hà Giang, Tuyên Quang	Tần suất thoát lũ
2.3	Các thành phố				
2.3.1	Thành phố Việt Trì				
-	Sông Hồng	0,33	0,2		Tần suất chống lũ
-	Sông Thao	2,0	Sẽ xác định tiêu chuẩn phòng, chống lũ phù hợp với điều kiện KT-XH của đất nước và tầm quan trọng từng khu vực bảo vệ		Tần suất chống lũ
-	Sông Lô	1,0			Tần suất chống lũ

TT	Vùng/sông liên tỉnh	Đến năm 2030 (%)	Tầm nhìn đến năm 2050 (%)	Các tỉnh liên quan	Ghi chú
2.3.2	Thành phố Tuyên Quang	2,0	2,0		Tần suất chống lũ
3	Sông Cầu, Thương, Lục Nam				
3.1	Khu vực có đê	2,0	Sẽ xác định tiêu chuẩn phòng, chống lũ phù hợp với điều kiện KT-XH của đất nước và tầm quan trọng từng khu vực bảo vệ	Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nội	Tần suất chống lũ
3.2	Khu vực không có đê	2,0	2,0	Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Lạng Sơn	Tần suất thoát lũ
3.3	Các thành phố				
3.3.1	Thành phố Thái Nguyên	2,0	Sẽ xác định tiêu chuẩn phòng, chống lũ phù hợp với điều kiện KT-XH của đất nước và tầm quan trọng từng khu vực bảo vệ		Tần suất chống lũ
3.3.2	Thành phố Bắc Giang	2,0			Tần suất chống lũ
4	Sông Bằng Giang				
	Tuyến sông	2,0	2,0	Cao Bằng, Lạng Sơn	Tần suất thoát lũ
5	Sông Kỳ Cùng				
5.1	Tuyến sông	1,0	1,0	Lạng Sơn, Bắc Kạn	Tần suất thoát lũ
5.2	Thành phố Lạng Sơn	1,0	1,0		Tần suất chống lũ
6	Sông Đà				
6.1	Sau hồ Hòa Bình	0,33	0,20	Hòa Bình, Phú Thọ	Tần suất chống lũ
6.2	Các thành phố				
6.2.1	Thành phố Sơn La	5,0	5,0		Tần suất chống lũ

TT	Vùng/sông liên tỉnh	Đến năm 2030 (%)	Tầm nhìn đến năm 2050 (%)	Các tỉnh liên quan	Ghi chú
6.2.2	Thành phố Hòa Bình	0,33	0,20		Tần suất chống lũ
7	Sông Bôi				
	Tuyến sông	2,0	2,0	Hòa Bình, Ninh Bình	Tần suất thoát lũ
Vùng đồng bằng sông Hồng					
1	Sông Hồng - Thái Bình				
1.1	Khu vực đô thị trung tâm Thủ đô Hà Nội	0,2	0,14		Tần suất chống lũ
1.2	Các vùng chịu ảnh hưởng của hồ chứa cát lũ	0,33	0,33-0,2		
1.3	Các vùng ít chịu ảnh hưởng của hồ chứa cát lũ: vùng sông Lô, sông Phó Đáy thuộc Phú Thọ, Vĩnh Phúc	1,0	Sẽ xác định tiêu chuẩn phòng, chống lũ phù hợp với điều kiện KT-XH của đất nước và tầm quan trọng từng khu vực bảo vệ		
1.4	Các vùng ít chịu ảnh hưởng của hồ chứa cát lũ còn lại	2,0			
2	Sông Đáy	Đảm bảo chống với lũ nội tại, đồng thời chống được lũ trong trường hợp chuyển lũ từ sông Hồng vào sông Đáy với lưu lượng 2.500 m ³ /s		Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định	
3	Sông Hoàng Long	1,0	1,0	Ninh Bình	Tần suất chống lũ
Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung					
	<i>Tiểu vùng Bắc Trung Bộ</i>				
1	Lưu vực sông Mã				
1.1	Dòng chính sông Mã				
1.1.1	Khu vực có đê				Tần suất chống lũ
-	Cắm Thủy - Giàng	1,0	1,0	Thanh Hoá	
-	Giàng - Cửa Hới	0,6	0,6	Thanh Hoá	
1.1.2	Thành phố Thanh Hoá	0,6	0,6	Thanh Hoá	Tần suất chống lũ
1.1.3	Khu vực không có đê	1,0	1,0	Điện Biên, Sơn La	Tần suất thoát lũ
1.2	Dòng chính sông Chu	0,6	0,6	Thanh Hoá	Tần suất chống lũ

TT	Vùng/sông liên tỉnh	Đến năm 2030 (%)	Tầm nhìn đến năm 2050 (%)	Các tỉnh liên quan	Ghi chú
2	Lưu vực sông Cả				
2.1	Dòng chính sông Cả				
2.1.1	Khu vực có đê				
-	Đô Lương - Nam Đàn	1,0	1,0	Nghệ An	Tần suất chống lũ
-	Nam Đàn - Cửa Hội	0,6	0,6	Nghệ An, Hà Tĩnh	
-	Thành phố Vinh	0,6	0,6	Nghệ An	
2.1.2	Khu vực không có đê	1,0	1,0	Nghệ An	Tần suất thoát lũ
2.2	Dòng chính sông La	0,6	0,6	Hà Tĩnh	Tần suất chống lũ
2.3	Sông Ngàn Sâu	2,0	2,0	Hà Tĩnh	
2.4	Sông Ngàn Phố	2,0	2,0	Hà Tĩnh	
2.5	Thành phố Hà Tĩnh	2,0	2,0	Hà Tĩnh	
3	Lưu vực sông Hương				
3.1	Dòng chính sông Hương	7,0	7,0	Thừa Thiên Huế	Tần suất thoát lũ
3.2	Thành phố Huế	7,0	7,0	Thừa Thiên Huế	Tần suất chống lũ
	<i>Tiểu vùng Nam Trung Bộ</i>				
1	Chống lũ chính vụ				
1.1	Sông Vu Gia – Thu Bồn	Chủ động phòng, tránh và thích nghi với lũ			Không xác định tần suất chống lũ; tiếp tục nghiên cứu tần suất thoát lũ dòng chính
1.2	Thành phố Tam Kỳ	5,0	5,0		Tần suất chống lũ
1.3	Sông Trà Khúc	10,0	5,0	Quảng Ngãi	Tần suất thoát lũ
	Thành phố Quảng Ngãi	10,0	5,0		Tần suất chống lũ
1.4	Sông Kôn - Hà Thanh	5,0	5,0	Bình Định	Tần suất thoát lũ
1.5	Sông Ba	5,0	5,0	Phú Yên	Tần suất thoát lũ

TT	Vùng/sông liên tỉnh	Đến năm 2030 (%)	Tầm nhìn đến năm 2050 (%)	Các tỉnh liên quan	Ghi chú
	Thành phố Tuy Hòa	5,0	5,0		Tần suất chống lũ
2	Chống lũ tiểu mãn, lũ sớm, lũ muộn bảo vệ sản xuất	10,0	5,0		Tần suất chống lũ
Vùng Tây Nguyên					
1.6	Sông Srêpôk				
	Chống lũ sớm, lũ muộn bảo vệ sản xuất	5-10	5-10		Tần suất chống lũ
Vùng Đông Nam Bộ					
1	Các đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương	5,0	1,0		Tần suất chống lũ
2	Dòng chính sông Đồng Nai	1,0	1,0		Tần suất thoát lũ
3	Dòng chính sông Sài Gòn	1,0	1,0		Tần suất thoát lũ
4	Đô thị Biên Hòa	5,0	5,0		Tần suất chống lũ
5	Các vùng khác	Chủ động phòng tránh, thích nghi với lũ			
Vùng đồng bằng sông Cửu Long					
1	Các khu vực sản xuất cả năm (<i>cây ăn trái, thủy sản nước ngọt, lúa, rau màu</i>)	Chống được lũ 2% (tương đương với lũ năm 2000)			Tần suất chống lũ
2	Các khu vực sản xuất khác	Chủ động sống chung với lũ			
3	Các khu vực đô thị	Chống được lũ 1% (tương đương với lũ năm 1961)			Tần suất chống lũ

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN TRONG QUY HOẠCH
(Kèm theo Quyết định số 847/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Danh mục xây dựng mới, nâng cấp các hồ, đập

TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến			Giai đoạn thực hiện		Ghi chú
			Dung tích (triệu m ³)	Diện tích phục vụ/tạo nguồn (ha)	Tham gia chống lũ	Giai đoạn 2021-2030	Sau năm 2030	
I	Xây dựng mới hồ chứa nước							
Vùng Trung du và miền núi phía Bắc								
1	Hồ Nà Lạnh	Bắc Giang	210	21.000	x		x	
2	Hồ Nghinh Tường	Thái Nguyên	48	Tạo nguồn nước cho hạ du sông Cầu	x	x	x	
3	Hồ Thượng Tiến	Hòa Bình	12	1.300		x		
4	Hồ Phiêng Lú	Lai Châu	14	575		x		
5	Hệ thống trữ và cấp nước cho cao nguyên Mộc Châu	Sơn La	10	4.500		x	x	
Vùng Đồng bằng sông Hồng								
6	Hồ Tài Chi	Quảng Ninh	20	1.507		x		
7	Hồ Cài -Thác Nhông	Quảng Ninh	12	332		x		
Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung								
	<i>Tiểu vùng Bắc Trung Bộ</i>							
8	Hồ Thác Muối	Nghệ An	285	5.350	x	x	x	
9	Hồ Trại Dơi	Hà Tĩnh	69	2.500	x	x	x	
10	Khe Đá	Quảng Bình	10	200		x	x	
11	Hồ Châu Giang	Quảng Bình	16	250		x		
12	Hồ Khe Mước, đập Bến Than	Quảng Trị	34	3.982	x	x		
13	Hồ Sông Nhùng	Quảng Trị	40	870	x	x		
14	Hồ Bến Đá	Quảng Trị	15	800		x		

TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến			Giai đoạn thực hiện		Ghi chú
			Dung tích (triệu m ³)	Diện tích phục vụ/tạo nguồn (ha)	Tham gia chống lũ	Giai đoạn 2021-2030	Sau năm 2030	
15	Hồ Ô Lâu Thượng	Thừa Thiên Huế	96	7.820	x	x		
16	Hồ Thủy Cam	Thừa Thiên Huế	10	200		x		
<i>Tiểu vùng Nam Trung Bộ</i>								
17	Hồ sông Côn, đập hạ lưu sông Côn	Quảng Nam	30	1.500	x	x		
18	Hồ Trường Đồng	Quảng Nam	30	1.150	x	x		
19	Hồ Thượng sông Vệ, đập hạ lưu sông Vệ	Quảng Ngãi	140	10.000	x	x		
20	Hồ Đồng Điền	Khánh Hòa	95	2.000	x	x	x	
21	Hồ La Ngà 3	Bình Thuận	400	97.246	x	x		
22	Hồ Ka Pét	Bình Thuận	51	7.700	x	x		
23	Hồ Tân Lê	Bình Thuận	10	350		x	x	
24	Hồ Cà Tót	Bình Thuận	47	1.500	x	x	x	
25	Hồ Sông Tom	Bình Thuận	12	1.650	x	x	x	
Vùng Tây Nguyên								
26	Hồ Ia Thul	Gia Lai	83	8.600	x	x		
27	Hồ Krông Năng	Đắk Lắk	29	7.500	x	x		
28	Hồ Ea Khal	Đắk Lắk	55	7.200	x	x		
29	Hồ Đắk Gang	Đắk Nông	11	1.860		x		
30	Hồ Ta Hoét	Lâm Đồng	14	2.580		x		
Vùng Đông Nam Bộ								
31	Hồ Cây Chanh	Bình Dương-Đồng Nai	10	2.000		x	x	
32	Hồ Sông Ray 2	Bà Rịa-Vũng Tàu	65	2.200	x	x	x	
II	Nâng cao dung tích hồ chứa nước							
Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung								
<i>Tiểu vùng Bắc Trung Bộ</i>								

TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến			Giai đoạn thực hiện		Ghi chú
			Dung tích (triệu m ³)	Diện tích phục vụ/tạo nguồn (ha)	Tham gia chống lũ	Giai đoạn 2021-2030	Sau năm 2030	
1	Hồ Sông Sào	Nghệ An	10	4.500		x		Dung tích tăng thêm
2	Hồ Sông Rác	Hà Tĩnh	76	4.500	x	x		Dung tích tăng thêm
3	Hồ Vực Tròn	Quảng Bình	11	2.050		x		Dung tích tăng thêm
<i>Tiểu vùng Nam Trung Bộ</i>								
4	Hồ Phú Ninh	Quảng Nam	102	23.000	x	x		Dung tích tăng thêm
5	Hồ Núi Ngang	Quảng Ngãi	13	2.500		x		Dung tích tăng thêm
6	Hồ Định Bình	Bình Định	116	16.500	x	x		Dung tích tăng thêm
7	Hồ Đá Bàn	Khánh Hòa	22	5.000	x	x		Dung tích tăng thêm
8	Hồ Phú Xuân	Phú Yên	6	1.500		x		Dung tích tăng thêm
III Công trình khắc phục hạ thấp mực nước								
Vùng Đồng bằng sông Hồng								
1	Đập Xuân Quan	Hung Yên		103.571		x	x	
2	Đập Long Từ	Hà Nội		17.300		x	x	
Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung								
<i>Tiểu vùng Bắc Trung Bộ</i>								
3	Đập Cẩm Hoàng	Thanh Hóa		30.243		x	x	

TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến			Giai đoạn thực hiện		Ghi chú
			Dung tích (triệu m ³)	Diện tích phục vụ/tạo nguồn (ha)	Tham gia chống lũ	Giai đoạn 2021-2030	Sau năm 2030	
4	Đập Sông Lam	Nghệ An, Hà Tĩnh		Nâng cao mực nước để hỗ trợ lấy nước cho công Nam Đàn và các công trình thủy lợi khác		x		
<i>Tiểu vùng Nam Trung Bộ</i>								
5	Công trình điều tiết nguồn nước và Chinh trị sông Quảng Huế	Quảng Nam, Đà Nẵng		Ổn định tỷ lệ phân lưu giữa sông Vu Gia-Thu Bồn		x	x	
6	Đập Vĩnh Điện	Quảng Nam		Nâng cao mực nước, kiểm soát xâm nhập mặn		x		

***Ghi chú:**

- Đối với các hồ chứa còn lại, các đập dâng khác trên dòng chính các sông lớn, tiếp tục nghiên cứu trong Quy hoạch thủy lợi.
- Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

2. Danh mục tuyến kết nối, điều hòa, chuyển nước

TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến			Giai đoạn thực hiện	
			Chiều dài (km)	Lưu lượng chuyển (m ³ /s)	Diện tích phục vụ (ha)	Giai đoạn 2021-2030	Sau năm 2030
Vùng Trung du và miền núi phía Bắc							
1	Tuyến kết nối hồ Cẩm Sơn và hồ Khuôn Thần chuyển nước cho vùng cây ăn quả Lục Ngạn	Bắc Giang	12	3.0	19.800	x	
Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung							
<i>Tiểu vùng Bắc Trung Bộ</i>							
2	Tuyến hồ Cửa Đạt tưới vùng ven đường Hồ Chí Minh	Thanh Hóa	66	1.2	20.000	x	
3	Tuyến chuyển nước hồ Rào Trỏ - hồ Vực Tròn cấp nước khu kinh tế ven biển phía Bắc tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	18	2.9	71	x	x
4	Tuyến chuyển nước hồ Ô Lâu Thượng - hồ Hòa Mỹ cấp nước cho vùng cát Phong Điền	Thừa Thiên Huế	22	4.0	3.000	x	x
<i>Tiểu vùng Nam Trung Bộ</i>							
5	Tuyến chuyển nước từ hồ Thượng sông Vệ - hồ Núi Ngang cấp nước cho lưu vực sông Trà Câu	Quảng Ngãi	20	3.0	6.000	x	
6	Tuyến chuyển nước từ hồ thượng sông Vệ - hồ Đồng Mít cấp nước cho vùng Phù Mỹ, Phù Cát	Quảng Ngãi, Bình Định	15	3.0	5.000	x	
7	Tuyến chuyển nước từ hồ Định Bình - hồ Hội Sơn - hồ Hội Khánh	Bình Định	20	2.0	16.500	x	
8	Tuyến dẫn nước hồ sông Chò 1 cho khu tưới dọc tuyến, bổ sung nước hồ Suối Dầu, hồ Cam Ranh	Khánh Hòa	52	3.7	3.400	x	
9	Tuyến kết nối, chuyển nước từ hồ sông Than cấp nước phía Nam tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	60	5.0	5.000	x	x

TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến			Giai đoạn thực hiện	
			Chiều dài (km)	Lưu lượng chuyển (m ³ /s)	Diện tích phục vụ (ha)	Giai đoạn 2021-2030	Sau năm 2030
10	Tuyến kết nối hồ Sông Cái - Sông Sắt cấp nước khu vực phía Bắc tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	50	4.5	Kết nối các hồ	x	x
11	Hệ thống chuyển nước Tân Mỹ - Bà Râu - Sông Trâu - Cho Mo - Suối Trầu	Ninh Thuận	45	1.5	Khu tưới hồ Cho Mo, Bà Râu và Suối Trầu		
12	Tuyến chuyển nước từ hồ La Ngà 3 cấp nước khu vực phía Nam tỉnh Bình Thuận.	Bình Thuận	55	5.5	8.400	x	x
Vùng Tây Nguyên							
13	Hệ thống Đăk Akôi - Đăk Pokei - Đăk Pokei B	Kon Tum	15	1.5	7.000	x	x
14	Hệ thống đập Thượng Ayun - hồ Đăk Ptó	Gia Lai	11	36	22.300	x	x
Vùng Đồng bằng sông Cửu Long							
15	Kết nối, chuyển nước giữa các hệ thống thủy lợi Bảo Định - Gò Công - Tân Trụ	Tiền Giang, Long An	Trữ nước, chuyển nước, kiểm soát, chủ động điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và cấp nước sinh hoạt			x	x

*Ghi chú:

- Đối với một số tuyến chuyển nước khác tại các vùng tiếp tục nghiên cứu trong Quy hoạch thủy lợi.

- Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

3. Danh mục nâng cấp các hệ thống thủy lợi

TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ sau nâng cấp		Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Giai đoạn 2021-2030	Sau năm 2030
Vùng Trung du và miền núi phía Bắc						
1	Hệ thống Pa Khoang - Nậm Rốm	Điện Biên	6.900		x	
2	Hệ thống Thác Huồng	Thái Nguyên, Bắc Giang	13.900		x	
3	Hệ thống Cầu Sơn - Cẩm Sơn	Bắc Giang, Lạng Sơn	9.500		x	x
Vùng Đồng bằng sông Hồng						
4	Hệ thống Bắc Hưng Hải	Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội, Bắc Ninh	103.571	128.085	x	
5	Hệ thống Bắc Nam Hà	Hà Nam, Nam Định	63.361	100.261	x	x
6	Hệ thống Bắc Đuống	Bắc Ninh	55.000	53.000	x	
7	Hệ thống Liễn Sơn - Bạch Hạc	Vĩnh Phúc, Hà Nội	23.408		x	x
8	Hệ thống Áp Bắc - Nam Hồng	Hà Nội	5.300		x	
9	Hệ thống Sông Nhuệ	Hà Nội	61.629	107.530	x	x
10	Hệ thống Phù Sa (trạm bơm đầu mối)	Hà Nội			x	
11	Hệ thống Đa Độ, An Kim Hải	Hải Phòng	10.867	32.213	x	
12	Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình chuyển nước vào sông Đáy phục vụ đa mục tiêu	Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình	16.000			x
Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung						
	<i>Tiểu vùng Bắc Trung Bộ</i>					
13	Hệ thống Bái Thượng	Thanh Hóa	45.000		x	x
14	Hệ thống Đô Lương	Nghệ An	21.500		x	x
15	Hệ thống Nam Hưng Nghi	Nghệ An	24.500		x	x
16	Hệ thống Kè Gõ	Hà Tĩnh	21.136		x	x

TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ sau nâng cấp		Giai đoạn thực hiện	
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Giai đoạn 2021-2030	Sau năm 2030
17	Hệ thống Nam Thạch Hãn	Quảng Trị	10.600		x	x
<i>Tiểu vùng Nam Trung Bộ</i>						
18	Hệ thống An Trạch - Thanh Quýt - Bầu Nít - Hà Thanh	Quảng Nam - Đà Nẵng	9.700		x	x
19	Hệ thống Tân An - Đập Đá	Bình Định	15.000		x	x
20	Hệ thống Đồng Cam	Phú Yên	15.000		x	
21	Hệ thống Nha Trinh - Lâm Cẩm	Ninh Thuận	13.000		x	
Vùng Tây Nguyên						
22	Hệ thống Ayun Hạ	Gia Lai			x	
Vùng Đông Nam Bộ						
23	Hệ thống Dầu Tiếng - Phước Hòa	Tây Ninh	110.000		x	x
Vùng đồng bằng sông Cửu Long						
24	Hệ thống Nhật Tảo - Tân Trụ	Long An	18.000		x	x
25	Hệ thống Bảo Định	Tiền Giang, Long An	64.000		x	
26	Hệ thống Gò Công	Tiền Giang	54.000		x	
27	Hệ thống Bắc Bến Tre	Bến Tre	139.000		x	
28	Hệ thống Nam Bến Tre	Bến Tre	210.000		x	
29	Hệ thống Nam Măng Thít	Vĩnh Long, Trà Vinh	225.700		x	x
30	Hệ thống Quản Lộ-Phụng Hiệp	Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau	403.300		x	x
31	Hệ thống Ô Môn - Xà No	Cần Thơ, Kiên Giang, Hậu Giang	45.400		x	x

*Ghi chú:

- Nâng cấp các hệ thống thủy lợi: gồm nâng cấp, cải tạo nâng cao hiệu quả công trình đã có; bổ sung xây mới các công trình nhằm nâng cao năng lực phục vụ của của hệ thống.

- Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

4. Danh mục công trình cấp nước, kiểm soát lũ vùng đồng bằng sông Cửu Long

TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến (ha)	Giai đoạn thực hiện	
				Giai đoạn 2021-2030	Sau năm 2030
I Công trình cấp, tạo nguồn nước					
1	Hệ thống điều tiết, bổ sung nguồn nước cho vùng Nam QL1A tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu	110.000	x	
2	Hệ thống công trình chuyển nước Bán đảo Cà Mau	Cà Mau	190.000	x	x
3	Công trình kiểm soát nguồn nước cửa sông Vàm Cỏ	Long An	20.000	x	x
4	Công trình kiểm soát nguồn nước cửa sông Hàm Luông	Bến Tre	25.000	x	x
5	Hệ thống cống đầu kênh kiểm soát nguồn nước dọc sông Hậu (Cái Cau; Cái Trâm; Rạch Vọp; Xóm Đông - Rạch Nho; Trà Éch; Rạch Mọp; Saintard...)	Dọc sông Hậu	100.000	x	
6	Hệ thống cống đầu kênh kiểm soát nguồn nước dọc sông Tiền (Nguyễn Tấn Thành; Rạch Gâm; Ông Mười; Mù U; Trà Tân; Ba Rài...)	Dọc sông Tiền	150.000	x	
II Kiểm soát lũ kết hợp hỗ trợ cấp nước, tiêu thoát nước					
1	Các cống dọc sông Hậu vùng Tứ giác Long Xuyên (Kênh Đào, Cần Thảo, Tri Tôn, Mười Châu Phú, Ba Thê, Chác Năng Gù, Mạc Cần Dung, Chác Cà Dao, Long Xuyên, Kênh Tròn...)	An Giang	490.000		x
2	Các cống dọc sông Tiền vùng Đồng Tháp Mười (Hồng Ngự, An Bình, Đồng Tiến...)	Đồng Tháp	250.000		x
3	Hệ thống kiểm soát lũ tràn biên giới vùng Đồng Tháp Mười (tràn Trà Đư 1, Trà Đư 2, Trung Tâm 1, Trung Tâm 2...)	Đồng Tháp	Giảm ngập khu vực biên giới Việt Nam-Campuchia		x
4	Các cống dọc sông Hậu vùng Tây sông Hậu (Bò Ót, Thốt Nốt, Cần Thơ Bé, Tham Rôm, Ngã Cái, Ô Môn, Rạch Vàm, Đất Mới, Trà Nóc, Bình Thủy, Cần Thơ...)	Cần Thơ	240.000		x

TT	Tên dự án	Vị trí	Quy mô /nhiệm vụ dự kiến (ha)	Giai đoạn thực hiện	
				Giai đoạn 2021-2030	Sau năm 2030
5	Nạo vét hệ thống kênh trục (Chắc Cà Dao, Chắc Năng Gù, Mạc Cân Dung, Tròn, Đòn Dong, Mười Châu Phú, Kênh Đào, Cấn Thảo, Tám Ngàn, Ba Thê, Rạch Giá Long Xuyên, các kênh KH, Trâm Bầu, Thốt Nốt, 2/9, Kháng Chiến, Bình Thành, Hồng Ngự, Anh Bình, Đồng Tiến-Dương Văn Dương-Lagrange, An Phong- Mỹ Hòa, Nguyễn Văn Tiếp...)	Đồng Tháp, Long An, An Giang, Kiên Giang	Cải thiện cấp nước, tiêu thoát nước, tiêu lũ cho vùng Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên và Tây sông Hậu	x	x

*Ghi chú: Quy mô, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

5. Danh mục đầu tư công trình đê sông, biển, phòng chống xói lở và cấp nước sản xuất, sinh hoạt nông thôn

TT	Dự án	Vị trí	Giai đoạn thực hiện	
			Giai đoạn 2021-2030	Sau năm 2030
I	Phòng, chống xói lở bờ sông, biển			
1	Đầu tư công trình chỉnh trị, phòng chống xói lở bờ sông, bờ biển	Các sông lớn, liên tỉnh và các khu vực bờ biển bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng quan trọng	x	x
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đê sông	Các lưu vực sông có đê	x	x
3	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển	Các tỉnh có đê biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang	x	x
II	Cấp nước nhỏ, phân tán			
1	Đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn và các vùng đặc biệt khó khăn	Các vùng nông thôn, miền núi, vùng khó khăn về nguồn nước sinh hoạt	x	x
2	Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và hệ thống thủy lợi phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên các đảo	Các đảo, huyện đảo Vân Đồn, Cát Bà, Bạch Long Vỹ, Phú Quý, Lý Sơn, Phú Quốc, Côn Đảo	x	x
3	Đầu tư xây dựng các hồ chứa nhỏ, phân tán	Các vùng miền núi, vùng khan hiếm nguồn nước thuộc Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long	x	x

Số: 429/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đề điều; Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đê;

Xét đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 8072/TTr-BNN-PCTT ngày 30 tháng 11 năm 2022 và văn bản số 1303/BC-BNN-ĐĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 mục V Điều 1:

“b) Sử dụng bãi sông:

- Các khu vực dân cư hiện có nằm ngoài bãi sông:

+ Di dời các hộ dân vi phạm pháp luật về đề điều hoặc nằm trong phạm vi bảo vệ đề điều, khu vực đang bị sạt lở nguy hiểm.



+ Từng bước thực hiện di dời các khu dân cư ở khu vực lòng sông co hẹp, nguy cơ mất an toàn khi có lũ lớn (chi tiết tại Phụ lục II).

+ Rà soát, có kế hoạch từng bước di dời các hộ dân không nằm trong khu vực dân cư tập trung hiện có được tồn tại, bảo vệ.

+ Các khu vực dân cư tập trung hiện có tại Phụ lục III được tồn tại, bảo vệ: được cải tạo, xây dựng mới công trình, nhà ở theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất; được sử dụng thêm một phần bãi sông để bố trí mặt bằng tái định cư cho các hộ dân nằm rải rác gần khu vực với diện tích không vượt quá 5% diện tích khu dân cư hiện có. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình, nhà ở trong khu vực dân cư tập trung hiện có theo quy định tại Điều 27 Luật Đê điều. Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương và các hộ dân phải có phương án chủ động đảm bảo an toàn trong trường hợp xảy ra lũ lớn.

Đối với các khu dân cư hiện có chưa có tại Phụ lục III: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xác định cụ thể vị trí, diện tích các khu vực dân cư tập trung hiện có được tồn tại, bảo vệ để đưa vào Quy hoạch tỉnh và chịu trách nhiệm về số liệu, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Khu dân cư tập trung hiện có được tồn tại, bảo vệ phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

(i) Khu phố cổ, làng cổ theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật Đê điều.

(ii) Diện tích ≤ 5 ha và có từ 400 người (hoặc 100 hộ) trở lên.

(iii) Diện tích > 5 ha và có mật độ dân cư từ 80 người/ha (20 hộ/1ha) trở lên, trong đó không được quy đổi khu vực có mật độ dân cư cao bù cho khu vực có mật độ dân cư thấp.

(iv) Có cao độ nền tự nhiên khu dân cư cao hơn mực nước lũ thiết kế đê.

- Các bãi Tầm Xá - Xuân Canh và Long Biên - Cự Khối thuộc khu vực đô thị trung tâm thành phố Hà Nội đã có trong quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội được cấp thẩm quyền phê duyệt, được quy hoạch xây dựng đô thị về phía tuyến đê hiện tại (chi tiết theo Phụ lục IV). Trong đó diện tích xây dựng công trình, nhà ở mới và các hoạt động tôn cao bãi sông không vượt quá 15% diện tích bãi sông, phần diện tích bãi sông còn lại được sử dụng cho các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội bao gồm cả xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng nhưng không làm tôn cao bãi sông hiện có.

- Các bãi sông được nghiên cứu xây dựng:

+ Các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội và xây dựng công trình, nhà ở mới theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Luật Đê điều chỉ được xem xét đối với một số khu vực mà chiều rộng bãi sông (khoảng cách từ chân đê đến mép bờ của sông) lớn hơn 500 m, vận tốc dòng chảy trên bãi tương ứng với lũ thiết kế nhỏ

hơn 0,2 m/s (chi tiết các bãi sông theo Phụ lục V). Trong đó diện tích xây dựng công trình, nhà ở mới và các hoạt động tôn cao bãi sông không được vượt quá 5% diện tích bãi sông; phần diện tích bãi sông còn lại được sử dụng cho các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội bao gồm cả xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng nhưng không làm tôn cao bãi sông hiện có.

+ Trường hợp điều chỉnh tăng tỷ lệ diện tích xây dựng công trình, nhà ở mới trên 01 bãi sông vượt quá 5%, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức tính toán đảm bảo thoát lũ, an toàn đê điều và công trình, nhà ở trên bãi sông khi có lũ, đồng thời phải đảm bảo tổng diện tích xây dựng công trình, nhà ở mới trên 01 tuyến sông thuộc tỉnh (bao gồm cả hai bên bờ sông thuộc tỉnh, nếu có) không vượt quá 5% tổng diện tích bãi sông quy định tại Phụ lục V; đồng thời xác định cụ thể vị trí, diện tích xây dựng công trình, nhà ở mới và đưa vào phương án phòng chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong Quy hoạch tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Các khu vực bãi sông còn lại: Được sử dụng cho các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội nhưng không được xây dựng công trình, nhà ở trừ công trình quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Luật Đê điều; không được tôn cao bãi sông hiện có.

- Việc sử dụng bãi sông phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đê điều và các quy định pháp luật khác có liên quan, không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát lũ, chứa lũ và không làm gia tăng rủi ro thiên tai.”

2. Sửa đổi điểm d khoản 3 mục V Điều 1 như sau: “Khi sử dụng bãi sông nơi chưa có công trình xây dựng để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình, nhà ở phải lập dự án đầu tư cụ thể, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định các nội dung liên quan đến thoát lũ, an toàn đê điều, trình Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định của Điều 26 Luật Đê điều.”

3. Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 như sau:

“a) Rà soát, lập, điều chỉnh nội dung phương án phòng chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch tỉnh đảm bảo phù hợp với quy hoạch này; trong đó xác định cụ thể các khu vực công trình, nhà ở phải di dời, khu vực dân cư tập trung hiện có, khu vực có nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và xây dựng công trình, nhà ở mới.

b) Căn cứ vào quy hoạch này, quy hoạch tỉnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch xây dựng có liên quan đến phạm vi bảo vệ đê điều và bãi sông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền.”

4. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 2 như sau: “Chủ trì, phối hợp với các địa phương rà soát, điều chỉnh vị trí tuyến đê phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận.”

5. Bổ sung khoản 5 Điều 2 như sau:

“5. Đối với các dự án sử dụng bãi sông đã trình Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện theo chỉ đạo tại các văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ và đảm bảo thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc phạm vi quy hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố: Hòa Bình, Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTg, các Vụ: CN, NC, KGVX; TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, NN (2) Tuyenh. 30

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Lưu Quang

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP THIẾT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2023

TT	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Mưa lớn, ngập lụt	Hạn hán, xâm nhập mặn	Sạt lở bờ sông, bờ biển	Rét đậm, rét hại	Gió mạnh trên biển	Động đất	Giông lốc, sét	Mưa lớn, sạt lở MTTN, ĐNB 27/7-3/8	Mưa lớn, sạt lở kv MNPB 2-8/8	ATND, mưa, lũ từ 24-29/9	Mưa lũ kv MT 10-17.10	Mưa lũ kv MT 29/10-02/11	Mưa lũ TB 13-17/11	Tổng số
1	THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI															
	Số người chết:	người	42	-	-	-	8	-	42	7	15	10	2	3	8	137
	Số người mất tích	người	5	-	-	-	25	-	-	-	2	-	-	-	-	32
	Số người bị thương	người	45	-	2	-	-	-	87	-	10	11	2	-	1	158
1.4	Số hộ bị ảnh hưởng	hộ	20	-	161	-	-	-	-	-	-	193	-	-	5.235	5.609
1.5	Số người bị ảnh hưởng	người	-	-	72	-	-	-	-	-	-	-	9.484	-	44.649	54.205
2	THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở															
	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái	355	-	74	3	-	-	717	3	109	29	-	-	8	1.298
	Thiệt hại rất nặng (từ 50% -70%)	cái	569	-	18	-	-	-	1.428	6	25	4	-	-	5	2.055
	Thiệt hại nặng (từ 30% -50%)	cái	90	-	21	-	-	-	4.773	1	948	21	8	-	1	5.863
	Thiệt hại một phần (dưới 30%)	cái	1.838	-	161	-	4	-	6.932	40	607	435	1	2	26	10.046
	Nhà bị ngập nước	cái	1.779	-	-	-	-	-	276	474	138	2.580	3.765	3.800	25.612	38.424
3	THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Số điểm/trường bị ảnh hưởng	điểm	81	-	-	-	-	-	50	1	39	62	597	44	620	1.494
4	THIỆT HẠI VỀ Y TẾ	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế)	cái	4	-	-	-	-	-	9	-	10	-	-	4	-	27
5	THIỆT HẠI VỀ VĂN HÓA	triệu đồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Công trình văn hoá	cái	31	-	-	-	-	-	18	-	7	-	8	-	1	65
3	THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP															
	Diện tích lúa	ha	19.392	2.959	867	-	-	-	74.569	10.056	841	23.391	73,4	3	310	132.461
	Diện tích hoa màu, rau màu	ha	17.884	15.569	134	4	-	-	4.365	2.145	771	17.270	770	247	689	59.848
	Số lượng hoa, cây cảnh các loại	chậu,cây	9.010	-	-	-	-	-	59	-	-	97	275.000	-	1.774.134	2.058.300
	Diện tích cây trồng lâu năm	ha	1.645	458	-	-	-	-	641	471	5	215	-	67	8	3.511
	Diện tích cây trồng hàng năm	ha	3.136	2.847	26	-	-	-	302	77	157	7.794	0	105	1	14.444
	Diện tích cây ăn quả tập trung	ha	647	321	241	-	-	-	423	10	2	430	0	-	18	2.093
	Diện tích rừng hiện có	ha	2.544	3.476	3	-	-	-	533	-	6	309	-	-	4	6.874
	Diện tích rừng trồng phân tán	ha	11	82	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	95
6.9	Cây bóng mát, cây xanh đô thị bị đổ, gãy	cây	1.874	-	-	-	-	-	533	-	-	2.030	-	200	-	889
4	THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI															
	Gia súc bị chết, cuốn trôi	con	583	-	-	8	-	-	205	41	458	2.166	40	19	138	3.658
	Gia cầm bị chết, cuốn trôi	con	210.989	-	2.370	-	-	-	4.354	4.739	3.409	41.265	692	4.850	10.977	283.645
5	THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI															
	Đê từ cấp III đến cấp đặc biệt		-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	2	-	-	-	2
	Chiều dài bị sạt, nứt, vỡ (ghi rõ chiều dài vỡ)	m	205	-	-	-	-	-	-	-	-	131	-	-	1.000	1.336
	Đê từ cấp IV trở xuống, đê bồi, bờ bao		-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1
	Chiều dài bị sạt, nứt, vỡ (ghi rõ chiều dài vỡ)	m	12.706	-	6.491	-	800	-	50	-	-	1.429	2.925	-	24.850	49.251
	Diện tích thâm lậu	m ²	1.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.400
	Khối lượng đất	m ³	350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	486	836

TT	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Mưa lớn, ngập lụt	Hạn hán, xâm nhập mặn	Sạt lở bờ sông, bờ biển	Rét đậm, rét hại	Gió mạnh trên biển	Động đất	Giông lốc, sét	Mưa lớn, sạt lở MTTN, ĐNB 27/7-3/8	Mưa lớn, sạt lở kv MNPB 2-8/8	ATND, mưa, lũ từ 24-29/9	Mưa lũ kv MT 10-17.10	Mưa lũ kv MT 29/10-02/11	Mưa lũ TB 13-17/11	Tổng số
	Kè		1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	2
	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	3.684	-	3.045	-	800	-	-	-	543	1.902	340	2.000	2.453	14.767
	Diện tích bong xô	m ²	600	-	-	-	-	-	-	-	-	412	-	-	-	1.012
	Khối lượng đất	m ³	1.130	-	-	-	-	-	-	-	-	500	4.800	-	289	6.719
	Khối lượng đá, bê tông	m ³	303	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	303
	Kênh mương bị sạt, trôi, hư hỏng		349	-	-	-	-	-	-	-	-	12.032	-	-	-	12.381
	Chiều dài	m	70.583	-	6.473	-	-	-	144	18.922	31.872	22.212	11.798	3.400	62.710	228.113
	Khối lượng đất	m ³	3.764	-	-	-	-	-	-	-	28.811	-	2.158	-	9.519	44.252
	Khối lượng đá, bê tông	m ³	2.026	-	-	-	-	-	-	-	-	6.028	73	-	2.249	10.376
	Bờ biển, bờ sông, suối bị sạt lở		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chiều dài sạt lở	m	109.142	-	64.471	-	685	-	-	120	-	3.560	27.579	4.950	50.515	261.022
	Khối lượng đá, bê tông	m ³	403	-	125	-	-	-	-	-	-	-	120	2.000	-	2.648
6	THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đường giao thông Trung ương (quốc lộ)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	28.129	-	290	-	-	-	-	1.104	8.206	23.641	574	150	168	62.261
	Chiều dài bị ngập	m	6.920	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.920
	Khối lượng đất	m ³	243.028	-	-	-	-	-	-	536	209.536	120.397	28.690	-	8.000	610.187
	Khối lượng đá, bê tông, nhựa đường	m ³	14.361	-	-	-	-	-	-	-	176.580	14.536	6.300	-	8.017	219.794
	Cầu bị hư hỏng	cái	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4
	Cống bị hư hỏng	cái	18	-	-	-	-	-	-	-	11	-	-	-	-	29
	Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc	điểm	308	-	-	-	-	-	-	9	386	8	-	-	86	797
	Đường giao thông địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường xã)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	155.651	-	3.288	-	-	-	2.275	19.562	386.243	31.567	9.826	10.160	45.936	664.508
	Chiều dài bị ngập	m	96.515	-	-	-	-	-	-	16.739	418	-	-	99.900	49.850	263.422
	Khối lượng đất	m ³	861.279	-	20	-	-	-	2.533	200	893.341	139.574	5.815	-	78.777	1.981.540
	Khối lượng đá, bê tông, nhựa đường	m ³	1.328.816	-	-	-	-	-	-	1.500	96.004	37.621	1.881	23.000	746	1.489.568
	Cầu bị hư hỏng	cái	83	-	2	-	-	-	3	17	9	35	4	13	11	177
	Cống bị hư hỏng	cái	278	-	2	-	-	-	1	4	49	22	10	14	4	384
9.2.7	Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc	điểm	1.044	-	-	-	-	-	26	20	673	220	68	11	113	2.175
7	THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Diện tích nuôi cá truyền thống	ha	676	2	122	-	-	-	5	434	25	2.518	6	422	69	4.279
	Lồng, bè nuôi thủy, hải sản các loại	100m ³ /lồng	18	-	-	-	-	-	6	214	-	14	-	-	-	252
	Phương tiện khai thác thủy, hải sản	chiếc	6	-	-	-	34	-	19	-	-	3	1	-	3	66
10.10	Các thiệt hại về thủy sản khác (*)	triệu đồng	102	-	-	-	-	-	69	-	-	-	-	-	-	171
8	THIỆT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC		584	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	584
	Cột Ăng ten bị đổ, gãy	cái	-	-	-	-	-	-	6	-	51	23	-	-	2	82
	Cột treo cáp bị đổ, gãy	cái	12	-	-	-	-	-	-	-	7	-	-	-	-	19
9	THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cột điện bị đổ, gãy	cái	162	-	1	-	-	-	259	-	199	74	3	-	1	699
	Dây điện bị đứt	m	530	-	-	-	-	-	-	-	13.777	350	-	-	-	14.657
12.3	Trạm biến thế bị hư hỏng	cái	23	-	-	-	-	-	11	-	-	3	-	-	-	37
	ƯỚC TÍNH TỔNG THIẾT HẠI BẢNG	Triệu đồng	2.845.901	879.536	196.535	89	24.047	-	616.793	1.297.096	969.853	1.055.193	548.640	223.687	667.222	9.324.592